

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN

CHÍNH TRỊ

KINH TẾ

XÃ HỘI

VĂN HÓA

Số 24

Tháng 7-1969

trần văn tuyên	1	chuẩn bị tương lai
vũ khắc khoan	18	những người không chịu chết
từ hoài tấn, dặng tấn tới,	30	thơ
huy trường		
nguyễn trần kiem	33	nội dung hòa bình
túy hồng	52	những sợi sắc không
mặc đồ	62	« bloc — notes »
a.p. de mandargues	67	lửa hồng
nguyên thị hoàng	74	trong mắt mưa
du tử lệ	83	phúc âm nằng
ngụy ngữ	89	đêm trong thành phố mùa đông
thế vũ	99	bữa tiệc dưới hầm
thanh tâm tuyên	105	bọn ngốc

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**
 CHỦ BIÊN: **VŨ KHẮC KHOAN**
 THƯ KÝ TÒA SOẠN: **MAI THẢO**

Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho bà BUI-THỊ HÒA-KHANH
 Tòa soạn: 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

Giấy phép số 6068 TBTCH - BCI 2-12-66

thượng khách tháng này

TRẦN VĂN TUYÊN

chuẩn bị tương lai

Tình thế mới của Việt Nam đang đặt ra cho Việt Nam những vấn đề mới. Cuộc chiến chưa chấm dứt. Còn phải giải quyết nó. Nhưng nếu một viễn tượng hòa bình đã có, mặc dầu viễn tượng mới chỉ mơ hồ thấp thoáng, thì cái chuyện phải lo toan phút này không thể chỉ là nghiên cứu không thôi hiện lực tác xạ thần tốc một khẩu M.16. Mà xa hơn chu vi chiếu sáng một trái hỏa châu và đường bắn tới của một viên đạn đồng, còn là những nền tảng sau này của một xã hội mới là Việt Nam sau chiến tranh, hồi sinh trên tàn phá, phải được phác họa, dự thảo, đặt định, khởi công, thực hiện, trầm tư và hình thành. Ngay từ bây giờ, chúng ta phải sẵn sàng. Với chiến tranh vẫn còn. Còn với cả hòa bình ngày tới. Lãnh đạo là tiên liệu. Là nhìn xa và trông rộng. Trước chuyển đổi bất thường của tình thế, ném được những dấu mốc đúng hướng về trước mặt, vạch sẵn được những lối rẽ chính xác cho một đồng ruộng tương lai, đó là hai mặt của tri thức và hành động tiến bộ và trách nhiệm nhất của bất cứ một cá nhân, một tập thể dẫn đạo nào đang thực tâm nghiêng xuống những kế hoạch, những chương trình quản trị và xây dựng Việt Nam hậu chiến. Đề cập ngay từ bây giờ, khẩn cấp và nghiêm chỉnh, tới mọi vấn đề văn học, nghệ thuật, chính trị, xã hội, kinh tế sát đúng thực tế và phù hợp với vận động tất yếu của thời thế nói chung và triển vọng Việt Nam nói riêng, bởi vậy phải được coi là những chuẩn bị, những nhận đường cần thiết.

'Trên ý hướng nói trên, diễn đàn này từ nay sẽ là một diễn đàn mở rộng. Ngoài những vấn đề văn học, nghệ thuật thường xuyên đã có với những người viết thường hằng quen thuộc, chúng tôi còn được hân hạnh giới thiệu với bạn đọc, kể từ tháng này, mỗi tháng một « thượng khách » của Văn Đê. Hoặc là một chính khách tên tuổi, hoặc là một nhân vật lỗi lạc, hoặc là một nhà tri thức uy tín hoặc là một chuyên gia tài năng, thượng khách của chúng ta tới đây tự do. Trên diễn đàn này mà chúng ta trang trọng dành cho ông, ông sẽ lên tiếng về một vấn đề thuộc thẩm quyền ông. Do chính ông lựa chọn.

Vị thượng khách mở đầu tháng này mà chúng tôi được giới với bạn đọc là luật sư Trần Văn Tuyên.

Là một luật sư tâm tiếng, một giáo sư yêu nghề, một nhà văn (tác phẩm mới nhất của ông vừa do nhà Sáng Tạo xuất bản) đồng thời là tác giả của nhiều bài nhận định biếu tỏ một lập trường vững vàng và một căn bản thâm hậu về đường lối và đấu tranh chính trị, luật sư Trần Văn Tuyên còn là một trong những ngôi sao sáng chói trên tiền trường cách mạng và xã hội Việt Nam từ khoảng trên dưới ba bốn mươi năm trở lại đây. Tên tuổi ông gắn liền vào những phong trào cải cách, những hoạt động văn hóa, những biến cố thời thế. Từ những phong trào Hướng Đạo, Truyền Bá Quốc Ngữ, Thanh Niên liên tiếp khởi diễn từ 1930 đến 1945, ông đã đứng trong hàng ngũ những người khởi xướng. Tới phong trào Dân Chúng Ngũ Xã bùng nổ tại Hà Nội trong hai năm 1945 — 1956, ông đã trở thành là một lãnh tụ đối lập với chính quyền Cộng sản. Ra tù vào khám nhiều lần trong thời Pháp thuộc và dưới Việt Nam Cộng Hòa Đế Nhất, ông đã tham gia nhiều nội các. Cho nên, ngoài tư thế một lãnh tụ chính đảng, một chiến sỹ cách mạng, ông còn được coi như một người am tường và thấu triệt mọi vấn đề kinh tế, xã hội Việt Nam hiện nay. Riêng trên địa hạt văn hóa, ông là một trong bốn người sáng lập nhóm Bách Khoa Tự Do Việt Nam (1957) nay tiếp tục công việc này trong Ủy Ban Điều Chế Văn Tự mà ông là Phó Chủ tịch.

Bây giờ chúng tôi mời bạn đọc đi vào bài nhận định dưới đây của luật sư Trần Văn Tuyên, Phó chủ tịch đặc trách chính trị của Ủy Ban Trung Ương Chấp Hành Việt Nam Quốc Dân Đảng.

● TỪ HỘI ĐÀM PARIS ĐẾN CUỘC GẶP GỠ MIDWAY.

Hội-đàm Paris tới nay kéo dài đã 7 tháng. Hai mươi ba phiên họp chỉ là để tuyên-truyền, công kích nhau và bày tỏ lập-trường. Không ai tin những lời tuyên bố lạc quan của những người vẫn tuyên-bố lạc quan từ 4 năm nay. Nhưng đã có những triệu-chứng tỏ ra rằng vấn-đề Việt-nam đã đến lúc quyết-định.

Bốn tháng sau khi lên cầm-quyền, Tổng-thống Nixon đã công-bố lập-trường 8 điểm của Hoa kỳ, một chương trình cụ thể, thực tế. Một tháng trước đó, ngày 7-4-69, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã công bố lập trường 6 điểm của V.N Cộng-hòa.

Một tuần trước đó, Cộng-sản đã đưa ra lập-trường 10 điểm.

Mặc dầu Tổng-thống V.N. Thiệu tuyên-bố lập-trường Hoa-kỳ và Việt-nam phù-hợp với nhau, Tổng-thống V.N. đã đề-nghị gặp Tổng-thống Hoa-kỳ trong một cuộc hội-đàm thượng-đỉnh.

Thực ra người ta thấy có những điểm mâu-thuẩn quan-trọng trong hai lập trường, nhất là về hai vấn đề căn-bản, rút quân và tổng-tuyên cử. Một năm trước đây, tại Hội nghị Honolulu, các vị lãnh-đạo bảy nước đã xác nhận :

a) Bắc Việt phải rút quân trước, sau đó, VN Cộng hòa sẽ yêu cầu đồng minh rút quân.

b) Việt nam Cộng hòa sẽ thi hành chánh sách hòa giải dân-tộc, sau khi Bắc Việt rút quân rồi, tại miền Nam V.N, chánh phủ sẽ tổ chức tổng tuyên cử trong phạm vi hiến pháp VNCH ; những người bên kia có thể tham dự những cuộc tổng-tuyên cử này nếu họ từ bỏ tranh đấu bằng súng đạn, khủng bố...

Trong lời tuyên bố của Tổng thống Nixon ngày 14-5-69, người ta cũng đề ý tới một số danh từ làm cho chánh phủ ta lo ngại : trung lập, ngưng bắn và tổng tuyên cử theo thể thức hai bên thỏa thuận.

Chính vì vậy mà hai vị Tổng-thống phải gặp nhau để đối chiếu các quan điểm. Kể ra thì cũng đã chậm. Nhưng chậm còn hơn không. Nhất là đối với những vấn đề quan hệ tới sống còn của nhân dân miền Nam. Cũng phải nói ngay rằng không ai có ảo tưởng gì về cuộc gặp gỡ này. Hay nói cho đúng hơn, người ta đã đoán được kết quả của cuộc hội đàm Midway ngay trước khi hai tổng thống lên đường phó hội. Thông cáo về Hội nghị không có gì đặc biệt, cũng chỉ như những thông cáo trước đây xác định những nguyên tắc, báo cáo kết quả và ghi nhận những hứa hẹn.

Cũng lại những nguyên tắc « tự quyết », không có can thiệp bên ngoài, không có khủng bố để cho người dân miền Nam được tự do lựa chọn vận mạng của mình; không buộc Nam VN phải nhận một chính sách chính trị, chính phủ nào như liên hiệp, mà nhân dân không chấp thuận. Thông cáo cũng minh định rằng tổng tuyển cử sẽ được bảo đảm, sẽ có một cơ quan giám sát quốc tế; sẽ canh tân Quân đội V.N. Cộng hòa; Tổng Thống Thiệu xác nhận ý chí sẵn sàng điều đình với Mặt Trận Giải Phóng để đi tới một giải pháp hòa bình.

Thông cáo không nói tới vấn đề ngưng chiến, vấn đề trung lập. Việc rút quân vấn đề then chốt của hội đàm Midway được Tổng thống Nixon công bố trong một bản tuyên ngôn riêng sau khi 2 Tổng thống gặp riêng.

Qua bản thông cáo chung, qua những lời tuyên bố của các vị lãnh tụ hai nước trước, trong và sau cuộc gặp gỡ Midway, người ta thấy những điểm chính về chính sách mới của người Mỹ, chính sách mà họ mệnh danh là « Việt-nam hóa vấn đề VN. »

a) **Vấn đề rút quân:** Hoa kỳ đơn phương rút 1 sư đoàn (25.000 quân) từ nay tới tháng 8 - 1969. Từ tháng 8, hai chính phủ Việt - Mỹ sẽ xét xem có nên rút thêm nữa hay không (Người ta minh xác đây là « thay-thế » chứ không phải là « rút lui »). Một số lớn quân đội Đồng minh sẽ rút trước tháng 9-1970, có thể là 200.000 (tháng 9 - 1970 có cuộc bầu cử Hạ-nghị-viện Hoa kỳ). Người ta muốn coi việc rút quân này là một chính sách có tính toán kỹ lưỡng, vừa đủ để làm vừa lòng nhân dân Hoa kỳ và lấy thăm của họ cho những ứng-cử-viên Hạ-nghị-viện 1970, vừa đủ để kích thích Quân-đội V.N.C.H nhận thêm trách nhiệm mà không đến nỗi lung lay, vừa đủ để thử thách thiện chí hòa bình của Cộng sản mà không để cho họ thấy là nhu nhược. Tuy nhiên người ta cũng không khỏi nhận thấy rằng một khi thủ-tục « giải-kết » bắt đầu thì nó sẽ tiếp tục cho tới cùng, mà cảm giác rằng, dù Bắc Việt có đáp ứng hay không, việc thay thế quân đội đồng minh bằng quân đội Việt Nam là việc mà Hoa Kỳ không thể tránh được. Vấn đề đặt ra là ta có thể thay thế được 600.000 quân Đồng-minh hay không? Hoa-kỳ sẽ giúp chúng ta « cập-nhật-hóa » quân đội tới mức nào. Và việc rút quân sẽ thể hiện cách nào, theo thời biểu nào, chóng tay chậm?

b) **Vấn-đề chính-trị:** Giải pháp tổng tuyển cử hình như được

mọi người coi là giải pháp dĩ nhiên để cho Mặt Trận Giải phóng có cơ hội tham dự vào chính-trị của miền Nam V.N và như vậy hòa bình sẽ trở lại Nam V.N.

V.N.C.H sẽ trực tiếp thương thuyết với M.T.G.P.

Thông cáo Widway không nói gì về thể-thức tổng tuyển cử.

Nhưng theo những ý-kiến phát-biểu trong những cuộc họp báo ở Washington hay Saigon thì:

1— Cuộc tổng tuyển cử sẽ do hai bên bàn cãi trong một cuộc hội đàm.

Trả lời một câu hỏi của báo chí về việc tu chỉnh Hiến-pháp, Tổng-thống Thiệu tuyên-bố rằng nếu phía bên kia tổ thiện chí hòa bình, vấn đề còn phải thương thuyết và kết-quả cuộc thương thuyết đó chưa ai có thể nói trước được. Về việc bầu cử có thể thực hiện trước ngày do hiến pháp ấn định hay không T.T.NG. văn Thiệu cũng nói sẽ do hai bên thảo luận. Như vậy có nghĩa là khuôn khổ hiến chính có thể thay đổi.

Trong một bài xã luận của nhật báo Cấp Tiến, cơ quan chính thức của đảng Quốc gia Cấp tiến, giáo sư Nguyễn ngọc Huy, một nhân viên Phái đoàn đàm phán Paris, gợi ý là những lời tuyên bố của Tổng thống gợi ý có thể tu chỉnh hiến pháp.

2— Cuộc tổng tuyển cử sẽ quyết định tương lai chính trị của miền Nam. Hoa kỳ sẽ sẵn sàng chấp nhận bất cứ kết quả nào. Hoa kỳ không cam kết ủng hộ chính quyền, chế độ hiện hữu nếu nhân dân không muốn.

3— Cuộc tổng tuyển cử sẽ đặt dưới quyền kiểm soát một cơ quan quốc tế để bảo đảm cho người dân quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị tương lai.

Trước hội nghị Midway, Cố vấn Kissinger và Ngoại trưởng Rogers có đề cập tới một ủy ban hỗn hợp phụ trách việc tổng tuyển cử gồm đại diện chính phủ Sài Gòn và Mặt trận Giải phóng.

Mấy hôm gần đây báo chí quốc tế lại đề cập tới việc thành lập ủy ban tuyển cử hỗn hợp đó. Cũng theo những nguồn tin tức đó, một Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu sẽ cải tổ nội các hoặc sẽ thành lập một Hội đồng Cố vấn chính trị để thu dùng những phần tử chính trị thuộc mọi khuynh hướng nhất là những khuynh hướng được bên kia chấp nhận. Người ta nói cả đến tên những người được lựa chọn các ông Dương văn Minh, Âu trường Thanh, Nguyễn văn Thạo....

Người ta cho rằng «ủy ban bầu cử hỗn hợp» có thể là một biện pháp thay thế cho biện pháp thay chánh phủ liên hiệp mà phe Cộng sản đòi hỏi ;

Sàigòn đã phủ nhận các tin trên.

Nhưng người ta vẫn thấy Hoa kỳ đòi chánh quyền VNCH mở rộng căn bản chánh trị và đưa ra sáng kiến mới về một giải pháp chánh trị trong cuộc hội đàm với Cộng sản.

● MỘT YẾU TỐ MỚI : CHÁNH PHỦ LÀM THỜI CỘNG SẢN

Một yếu tố mới trong cuộc chiến là việc Mặt-trận Giải phóng thành lập chánh phủ cách mạng lâm thời.

Tin này được loan báo trên đài phát thanh Mặt trận ngày 11 tháng 6 15 giờ sau cuộc họp báo của Tổng-thống Nguyễn Văn Thiệu về hội đàm Midway. Việc thành lập chính phủ này đã được nói tới từ 1967 ngay sau khi Mặt Trận Giải phóng của Cộng sản công bố cương lĩnh mới của họ. Hồi tết Mậu-thân, Cộng-sản cũng đã thành lập một số Ủy ban Cách mạng ở khắp mọi nơi để định dùng những ủy ban đó làm căn bản cho một chánh phủ của họ, nhưng họ đã hoàn toàn thất bại vì nhân dân không ai theo (họ chỉ lập được ủy ban ở Huế).

Một duyên cớ khác làm cho Cộng-sản diễn trì việc thành lập chánh phủ của Mặt trận mà họ vẫn tuyên truyền kiểm soát được 4/5 đất, 3/4 dân; nếu lập chánh-phủ mà không có địa bàn để đứng thì ăn làm sao, nói làm sao với dư luận quốc tế. Về một mặt khác, Bắc Việt cũng không muốn đặt thêm chương ngại cho việc trở lại hiệp định Genève 1954 vì việc thành lập một chánh phủ Cộng-sản ở miền Nam có nghĩa là chia ba Việt-nam và có thể tách Mặt trận Giải phóng ra khỏi sự kiểm sát chặt chẽ của Hà Nội.

Tới gần đây, Bắc Việt vẫn hi vọng buộc Hoa-kỳ và Nam VN phải chấp nhận việc thành lập một chánh phủ liên hiệp ở miền Nam. Hội nghị Midway đã làm tan ảo vọng đó. Do đó mà họ phải quyết định thành lập ngay chính phủ Cộng sản ở miền Nam.

Làm như vậy, phe Cộng-sản hy vọng :

1— Mặt trận Giải-phóng không còn tự ti mặc cảm là một phong-trào phiến loạn mà tự đặt ngang hàng với chánh phủ VN Cộng-hòa.

2— Tuyên truyền trong dân gian rằng phong trào giải phóng đã thành công ; tuyên truyền rằng người Hoa-kỳ thương thuyết với họ như một chánh [phủ. Họ tung cả tin Hoa-kỳ đã đồng ý về việc thành lập chánh phủ của họ.

3— Đối với dư luận Hoa-kỳ nói riêng và dư luận quốc tế nói chung, nâng cao uy tín của Mặt Trận giải phóng (tới nay đã 15, 16 quốc gia Cộng sản, Trung lập thừa nhận).

4— Có thể việc thành lập chánh phủ lâm thời được Cộng sản coi là một bước tiến tới một chánh phủ liên hiệp (họ quên rằng VNCH đã quyết liệt chống đối thể thức chánh phủ liên hiệp).

Đối với nhiều người thì việc phe bên kia thành lập chánh phủ không có ý nghĩa gì vì « bình mới, rượu cũ » ; thành phần chánh phủ lâm thời Cộng sản cũng chỉ gồm những bộ mặt của Mặt Trận hay những kẻ thân Cộng ; chánh phủ Cộng sản không có đất đứng, không có thủ đô, lang thang trong núi sâu rừng rậm, không thể có uy tín.

Những nhận xét đó không phải là không hợp lý nhưng ta cũng không nên khinh thường thủ đoạn mới này của địch.

Chánh phủ lâm thời của Cộng sản là một vũ khí tranh đấu chánh trị, ngoại giao hết sức lợi hại. Đối với người dân ít hiểu biết, thiếu nhận xét thì Mặt trận nay không còn là một nhóm phiến loạn nữa mà đã có thể chất một chánh phủ (nhất là họ có đại diện ở hội đàm Paris). Đối với dư luận quốc tế có nhiều ngộ nhận về vấn đề Việt-nam thì chánh phủ mới có thể được coi là hiện thân một phong trào mạnh mẽ chống đối chánh phủ hợp pháp. Trên thực tế, chánh phủ lâm thời này có thể gây thêm nhiều phiền phức cho chánh phủ ta và cho nhân dân. Họ có thể hành động như một chánh phủ như thu thuế, bắt dân lấy thẻ căn cước của họ, phát hành giấy bạc hay tin phiếu...; họ có thể đề nghị ngưng bắn ở miền Nam để đặt chúng ta vào một thế khó xử. Từ chối ngưng bắn thì mang tiếng là hiếu chiến ; chấp nhận ngưng bắn thì phải chấp nhận luôn cả các hậu quả tập kết, chia đất cho Cộng sản để họ đặt thủ đô, trụ sở, các cơ quan chánh quyền Cộng sản.

Những biện pháp kinh tế tài chánh bất đắc dĩ [mà chánh phủ đã và sẽ phải thi hành có thể tăng uy tín của chánh phủ Cộng sản và làm cho lòng một số người nghiêng ngả.

Tuy nhiên ta cũng không nên phóng đại tầm quan trọng của việc thành lập chánh phủ lâm thời vì Cộng sản đã hoàn toàn thất bại trong việc họ định lôi kéo một số người lưu vong ở Paris và một số cảm tình viên ở miền Nam này tham gia chánh phủ lâm thời của họ.

Từ khi Cộng sản thành lập chánh phủ lâm thời, thái độ của họ càng cứng rắn thêm có thể là một cứng rắn chiến thuật. Họ vẫn khẳng khái đòi Hoa kỳ phải lật đổ chánh phủ Sài Gòn để thay thế bằng một chánh phủ liên hiệp (kiểu của họ); không chấp nhận những đề nghị của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đàm phán trực tiếp với Mặt Trận Giải phóng; phản đối việc tổ chức một ủy ban hỗn hợp để tổ chức bầu cử, phản đối đề nghị đặt cuộc tổng tuyển cử tương lai dưới một cơ quan giám sát quốc tế. Họ đã tấn công các căn cứ quân sự, các thành thị, mưu chiếm một vùng đất ở biên giới để làm địa bàn cho « chánh phủ lâm thời » của họ. Trong khi họ tấn công các đô thị, tỉnh lỵ, quận lỵ để cầm chân chúng ta, họ tổ chức những cuộc bầu cử xã ấp để cạnh tranh với những cuộc bầu cử của ta.

Chúng tôi không biết Washington dựa vào đâu mà vẫn tuyên bố lạc quan về việc nói chuyện với Cộng sản. Nhưng người ta đã loan báo tin rằng theo những tài liệu bắt được của Cộng sản thì đã có lệnh của bộ Chỉ huy quân đội cộng sản bảo quân đội chánh quy trao vũ khí cho quân đội địa phương cộng sản.

Có phải đó là đáp ứng của Cộng sản đối với việc Hoa kỳ đơn phương rút quân hay không ?

● VAI NHẬN ĐỊNH.

NHẬN ĐỊNH 1 : VIỆC HOA KỲ RÚT QUÂN ĐỂ QUÂN TA THAY TẾ

Chính phủ VN Cộng hòa chống nguyên tắc đồng minh đơn phương rút quân, nhưng chấp nhận nguyên tắc « thay thế » quân đội Hoa kỳ bằng quân đội Việt-nam. Sự phân biệt quả là tế nhị vì kết quả không khác nhau. Nhưng cũng phù hợp với lập trường của T.T. Nguyễn-văn-Thiệu vì từ 1 năm nay ông tuyên bố quân

đội ta đã sẵn sàng thay thế Quân đội Mỹ để Hoa-kỳ có thể rút được 50.000 hay 60.000 quân.

Việc thay thế là việc hợp lý vì không lẽ chúng ta mãi mãi trông vào sự chiến đấu của người ngoài để bảo vệ chánh nghĩa của chúng ta. Quân đội ta có thể coi là đã trưởng thành. Tinh thần tranh đấu vẫn không nao núng. Vũ khí khá đầy đủ và không còn thua kém Cộng sản.

Nhưng quả thực Quân đội ta đã đủ mạnh để chiến thắng hay đã giữ vững thắng bằng lực lượng đối với Cộng sản hay chưa ?

Nói vậy là vì chúng ta còn nhiều nhược điểm, hậu quả của một chánh sách không hợp lý trong quá khứ (tổ chức còn nặng nề vì theo tổ chức chiến tranh cổ điển, địa phương quân, nghĩa quân chưa được huấn luyện đúng mức, chiến lược, chiến thuật cũng vẫn là chiến lược, chiến thuật của một cuộc chiến tranh cổ điển, không mấy hiệu lực trong một cuộc chiến tranh khuynh đảo; quân đội ta lại đã quen lệ thuộc về mặt yểm trợ bằng trọng pháo, trực thăng vận... chưa tự túc được. Trên hết việc thay thế 600.000 quân Đồng minh hiển nhiên là quá sức chúng ta nếu việc thay thế đó không thể hiện một cách hợp lý.

Vấn đề đặt ra là chúng ta phải có một thời gian nào đó phải thay đổi tổ chức, chiến lược, chiến thuật cách nào đó, để dù không có sự hiện diện của Quân đội Đồng minh, không có sự yểm trợ của phi cơ, trọng pháo đồng minh, quân đội chúng ta vẫn có thể chiến thắng.

Thực ra thế nào chúng ta cũng còn một thời gian trước mặt để chuẩn bị vì việc rút quân không thể là việc một sớm một chiều đối với một quân số to lớn như vậy.

Liệu chúng ta có hành động kịp thời hay không, đó là một việc khác.

Ngoài khía cạnh quân sự của vấn đề rút quân, chúng ta cũng không thể quên những hậu quả, ảnh hưởng tâm lý, chính trị của nó.

a) Trong dân-gian đã có những lo ngại (được Cộng-sản khai thác) cho rằng Hoa-kỳ bỏ ta. Việc rút quân là nhượng-bộ đầu tiên tiếp theo sẽ còn nhiều nhượng bộ khác nữa.

b) Cộng sản coi việc Hoa-kỳ rút quân đơn phương là một bằng chứng rằng Hoa-kỳ không thể chịu đựng được lâu dài áp lực của dư luận chống chiến tranh mà còn phải nhượng bộ thêm nhiều nữa. Họ rêu-rao rằng việc rút 25.000 quân không có nghĩa lý gì.

Hoa-kỳ cần phải rút nữa, rút hết. Cộng-sản sẵn sàng trường kỳ kháng chiến. Còn phía chúng ta ?

c) Nếu Hoa-kỳ cho rằng việc rút quân rút khai thông hội đàm Paris và có thể làm cho Bắc Việt cũng rút quân hay giảm thiểu mức độ bạo động thì quả là lắm to vì người ta đã thấy hội đàm Paris vẫn bị kẹt, Bắc Việt không những không rút quân, không giảm bạo động mà lại còn gia tăng chiến tranh tới một mức độ khốc liệt trong những ngày vừa đây như các trận Tây-Ninh, An-Hậu.

Tổng-thống Nixon đã cảnh cáo Cộng-sản rằng việc Hoa kỳ rút quân sẽ không làm giảm khả năng chiến đấu của quân đội V.N.C.H và họ không nên làm « uyển chuyển » với « nhu nhược », « biết điều » với « không kiên quyết ». Tuy nhiên người Cộng-sản không thể không biết rằng dư luận Hoa-kỳ hết sức nóng nảy, muốn sớm chấm dứt chiến tranh và chánh quyền Nixon muốn đi tới một giải pháp kịp thời để giúp ông và đảng Cộng hòa của ông có ưu thế trong cuộc tuyên cử Hạ nghị viện năm 1970 và Tuyên cử Tổng thống Hoa kỳ năm 1972. Cộng-sản chờ một Điện-biên-phủ thứ hai.

Chắc chắn không có một Điện-biên-phủ thứ hai về mặt quân sự. Nhưng về mặt tinh thần, có gì bảo đảm ?

NHẬN ĐỊNH 2 : LO NGẠI CỦA NGƯỜI DÂN MIỀN NAM

a) *Những nhượng bộ liên tiếp* : Các Pgiời chánh trị tỏ vẻ lo ngại mà thấy rằng phía chúng ta cứ nhượng bộ hoài trong khi Cộng sản vẫn tỏ ý ngoan cố không chịu lùi bước ly tặc. Ngay cả đối với lập trường căn bản, chúng ta cũng đã « tỏ thiện chí » quá nhiều.

1.— *Về việc nói chuyện với Mặt trận giải phóng*. Chúng ta đã đi từ lập trường « không chấp nhận nói chuyện với cái gọi là Mặt trận giải phóng » (thông điệp của Tổng thống trước Quốc Hội ngày 2-11-68 ; « chúng ta không chấp nhận nói chuyện với MTGP và không ai bắt buộc chúng ta phải làm chuyện đó được » (TT Nguyễn văn Thiệu tuyên bố ngày 5-11), tới chánh sách « chúng ta sẵn sàng nói chuyện riêng với Mặt trận Giải phóng nếu họ muốn » (tuyên bố của Tổng thống ngày 25-3-69) ; « tôi xác nhận đề nghị đưa ra hồi tháng 3 là sẵn sàng nói chuyện với MTGP » (tuyên bố của Tổng thống trong cuộc hội đàm Midway ngày 9-6-69).

2.— *Về việc bảo vệ hiến pháp*. Người ta thường nhắc tới Hiến pháp 1967, điều 4 cấm hoạt động tuyên truyền cho chủ nghĩa Cộng sản. Có người đặt câu hỏi nói chuyện với Cộng sản có vi phạm Hiến pháp hay không ? Cụ thể hơn là câu hỏi « Nhận cho Cộng sản tham gia tổng tuyển cử có vi hiến hay không ? Chấp nhận tổng tuyển cử trước thời hạn ấn định trong hiến pháp có vi-hiến hay không ? Chấp nhận việc tổ chức một ủy ban hỗn hợp để tổ chức, kiểm sát tổng tuyển cử có vi-hiến hay không ?

Những nhà luật gia sẽ nghiên cứu những vấn đề này để giúp chánh phủ giải thích chánh sách của chánh phủ. Ngay bây giờ cũng đã có người đặt vấn đề tu chính hiến pháp (chánh phủ đã cải chánh và minh xác không hề có ý định này). Cũng có người đặt vấn đề mở một cuộc trưng cầu dân ý để xem có cần phải thay đổi hiến pháp hay không ?

b) *Gánh đồng sàng dị mộng của đồng minh*. — Bên cạnh cái lo ngại chánh phủ ta nhượng bộ Cộng sản quá nhiều còn một lo ngại không kém quan trọng ; lo ngại rằng Hoa Kỳ và Việt-nam không có một lập trường duy nhất trong cuộc đàm phán với Cộng sản. Cảnh « đồng sàng dị mộng » đó không phải là ngày nay mới có. Từ xưa tới nay, từ ngày lúc bắt đầu cuộc « đồng minh » chưa bao giờ hai chánh phủ đối chiếu lập trường, chánh sách để đi tới một lập trường, chánh sách chung. Chính vì vậy mà người ta đã thấy có những bất đồng ý kiến giữa Sài Gòn và Washington khi Hoa-kỳ ngưng oanh tạc Bắc Việt, khi họ nhận đề Mặt Trận Giải-phóng tới dự hội đàm Paris, khi Tổng-thống Nixon đề cập tới vấn đề ngưng bắn, trung lập, tổng tuyển cử trong bài diễn văn ngày 14 tháng 5 của ông. Hai bên cũng không hề bàn tính với nhau về quan niệm sống chung với Cộng sản ở Nam Việt-nam này ; cái nguy hiểm mà người Hoa-kỳ không thấy khi cho rằng nếu chỉ có 10 hay 15% người Cộng sản sống chung với người Không Cộng sản thì không có gì đáng ngại vì ở Pháp, Ý, Nhật... Cộng sản hoạt động như một chánh đảng công khai mà có sao đâu. Họ quên rằng tại các nước ấy Cộng sản không vũ trang chống chánh phủ, không khủng bố, giết hại nhân dân.

Thiết tưởng đã đến lúc cuộc đồng minh giữa hai quốc gia, dân tộc Việt-Mỹ phải đặt lên trên nền tảng hợp lý hơn, chân thành hơn, chặt chẽ hơn, khoa học hơn.

Những lo ngại trên một phần quả là chánh đáng. Nhưng ta cũng

không nên quan trọng hóa những mâu thuẫn biểu diện trong chánh sách của chánh phủ ta và chánh sách của đồng minh chúng ta. Chắc chắn Hoa-kỳ không thể « bán đứng » hay bỏ rơi chúng ta để miền Nam Việt nam lọt vào tay Cộng sản vì quyền lợi lâu dài của Hoa kỳ, vì danh dự của một cường quốc có trách nhiệm đối với lịch sử nhân loại, vì truyền thống chánh trị đạo đức của Hoa kỳ, không cho phép Hoa kỳ làm như vậy được.

Trên thực tế, Việt nam 1969 không phải là Quốc gia VN năm 1954. Chúng ta đã có một nền tảng hiến chánh tạm vững chãi, một quân đội đã trưởng thành ; chúng ta có một số đồng minh thực tình giúp đỡ chúng ta ; chúng ta đã thấy nhân dân giác ngộ về chánh trị trong dịp biến cố Mậu thân và đã hơi hiểu biết thể nào là chánh sách Cộng sản đối với tài sản, đời sống con người qua những cuộc khủng bố, giết hại dân lành bằng pháo kích, ám sát tập thể, tòa án nhân dân...

Thất bại của Cộng sản hồi Tết Mậu thân trong việc thành lập các ủy ban cách mạng hay Liên minh dân chủ hòa bình tỏ ra rằng cả những người chống đối chánh quyền VNCH cũng không mấy ai theo họ. Gần đây trong việc thành lập Chánh phủ lâm thời họ đã không thu hút được những người (họ tưởng thu hút được) trong giới chánh khách lưu vong hay những người bất mãn, oán hận trong nước, cũng là một bằng chứng phủ nhận những lời tuyên truyền của họ tự nhận là đại diện chánh đáng của nhân dân miền Nam.

Tuy nhiên nếu ta không nên có mặc cảm tự ti đối với Cộng sản thì chúng ta cũng không nên cho mình đã là thánh thần mà tự tôn, tự đại. Chế độ VNCH đã khắc phục được một số khó khăn, vượt qua được một số thử thách, nhưng liệu trong cuộc tranh đấu chánh trị, quân sự, xã hội quyết liệt trước mặt có thắng được địch hay không ?

NHẬN ĐỊNH 3 :

Cộng sản tạo ra cho họ một vũ khí lợi hại và một tư thế tranh đấu mới khi thành lập một chánh phủ lâm thời.

Đối với những người hiểu biết thì chánh phủ mới cũng chỉ một hình thức mới của Mặt trận giải phóng, nhưng đối với người

dân tầm thường, nhất là người dân quê ở những vùng xa lánh thì một chánh phủ là một chánh phủ.

Những cơ quan mới mà chánh quyền cộng sản sẽ đặt ra sẽ tìm đủ mọi phương pháp, mánh lới để cạnh tranh với ta về đủ mọi mặt, chính trị, chuyên môn, kinh tế, xã hội trong công việc phục vụ nhân dân. Trong khi đó, chúng ta phải nhận chân rằng chúng ta có rất nhiều sơ hở, khuyết điểm.

Cộng sản sẽ cố đưa ra những thành quả hết sức cảm dỗ : một nền hành chánh gần dân, phục vụ dân, sạch sẽ, vô tư, dân dị, khiêm tốn ; một nền tư pháp nhanh chóng, hữu hiệu ; những cơ quan chuyên môn làm việc đắc lực, không bị gò bó trong những thủ tục phi lý, nặng nề phức tạp

Còn chúng ta ? Chúng ta không thể giữ mãi những bộ mặt cũ, những thủ tục hủ bại, chánh sách hành chánh lạc hậu cũ kỹ. Ta chẳng nên quên rằng bản chất con người hay ưa mới, chán cũ. Chúng ta phải cố gắng canh tân và phải làm gấp.

NHẬN ĐỊNH 4 : HÒA-BÌNH QUỐC CỘNG.

Sớm muộn chúng ta cũng sẽ phải sống chung với người Cộng sản trên đất nước này. Có thể khi hòa bình trở lại rồi họ sẽ còn vẫn tiếp tục chủ trương dùng bạo động, khủng bố để buộc một số người theo họ. Có thể họ sẽ mang mặt nạ nhân nghĩa, ái quốc, ái quần, tranh đấu dân chủ, tự do, công bằng, nhân đạo để lừa gạt nhân dân, để rồi khi « cách mạng thành công » rồi họ mới ra mặt thực là Cộng-sản. Trong bất cứ trường hợp nào chúng ta cũng nên hết sức cẩn thận. Đừng nên có ảo tưởng một nền hòa bình trong yên vui. Người Cộng-sản không thể chấp nhận được một miền Nam độc lập đối với họ. Cuộc tranh đấu giữa người Quốc gia và người Cộng sản chỉ đổi chiến trường. Hòa-bình chỉ là một giai đoạn chiến thuật để họ chuẩn bị một cuộc khuynh đảo khác, bằng vũ-lực hay bằng những phương pháp hợp pháp.

Họ sẽ sử dụng mọi phương pháp tranh đấu hợp pháp (biểu tình, đình công, bãi thị, tuyên truyền, chống chánh sách, chống cộng, bôi nhọ, công kích những người chống Cộng).

Họ sẽ lợi dụng những phần tử « quốc gia » ngày thơ, cả tin, dùng những những người này để loại trừ những kẻ chống Cộng.

Nếu chúng ta không muốn bị Cộng sản thôn tính thì phải biết rằng hòa bình trong cuộc sống chung với Cộng-sản còn khó gấp mấy chiến tranh.

NHẬN ĐỊNH 5 : NẾU CỘNG SẢN KHÔNG CHỊU ĐÁP ỨNG NHỮNG NHƯỢNG BỘ CỦA CHÚNG TA.

Có thể hội-đàm Paris cứ kéo dài như Hội-nghị Bàn-môn-điểm ở Triều-tiên (lời nay đã 16 năm). Tình thế sẽ ra sao ? Chắc chắn Hoa-kỳ sẽ không leo thang chiến tranh. Họ sẽ cứ rút quân. Họ sẽ để lại một số quân-đội ở Việt-nam. ; sẽ giúp đỡ VNCH tăng cường quân đội để có thể đương đầu với quân Cộng-sản. Quân đội ta có thể cầm cự trường kỳ với Cộng-sản ; có thể thắng họ ; cũng có thể đánh ra Bắc nếu có thời cơ và đủ sức.

NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT LẠC QUAN HAY BI QUAN

Triển vọng ngày mai sẽ thế nào ? Khó mà tiên đoán vì ý định của mọi phe phái liên hệ tới vấn đề Việt nam không sao lường được. Giả thuyết được nhiều người cho là có cơ hội thể hiện là giả-thuyết sau này ; Hoa-kỳ sẽ tiếp tục rút quân. Một số Quân đội Hoa-kỳ sẽ ở lại VN trong một số căn cứ. Bắc Việt sẽ đáp ứng, cũng rút ngấm một số quân đội chánh qui về Bắc. Hoa-kỳ giúp đỡ V.N.C.H tăng cường việc võ trang để quân đội miền Nam có thể thay thế họ lần lần.

Cuộc hội đàm Paris sẽ tiếp tục. Sẽ có những cuộc mật đàm (tay đôi hay tay tư, Bắc Việt và Hoa-kỳ ; Mặt trận Giải-phóng và V.N.C.H hay cả 4 phe). Có thể đi tới thỏa hiệp vào cuối 1969 hay 1970. Giải pháp tổng tuyển cử ở miền Nam có thể được chấp nhận. Cuộc tổng tuyển cử có thể được tổ chức vào 1971. Ai sẽ tổ chức : Chắc chắn là hai bên phải cùng tham dự việc tổ chức, dưới một hình thức nào đó. Có thể đặt một cơ quan giám sát quốc tế để giữ cho cuộc tổng tuyển cử có tánh chất tự do và nghiêm chỉnh. Sau cuộc tổng tuyển cử sẽ có một quốc hội mới. Đa số các đại-biểu trong quốc hội sẽ là người không Cộng-sản. Hoa-kỳ sẽ không còn e ngại mà chịu rút hết quân khỏi miền Nam.

Hiến pháp có thể bị thay đổi. Nhưng chánh quyền sẽ là một chánh quyền không cộng-sản. Cộng-sản (trả hình hay không) sẽ đóng vai thiểu số đối lập. Chánh-phủ (không cộng-sản) sẽ phải đương đầu với vô số khó khăn do tình thế hậu chiến và Cộng-sản gây ra ; sẽ mất dần uy tín trong khi Cộng-sản được nhân dân ủng hộ vì nhân danh nhân dân họ sẽ đòi đủ thứ dân chủ, tự do, công bằng xã hội, nhà ở, việc làm, cơm áo...

Rồi sau đó, chừng 1974-75 sẽ có những cuộc tổng tuyển cử mới.

Thiểu số đối lập có nhiều triển vọng trở thành đa số,

Công việc đại khái sẽ xảy ra như vậy NẾU TRONG TẤT CẢ THỜI GIAN TỪ NAY TỚI 1974-75 CHÚNG TA LUÔN LUÔN THUA NGƯỜI CỘNG SẢN.

Tôi không tin chúng ta thua người Cộng-sản như vậy.

Dân trí ngày nay đã hiểu biết thế nào là Cộng-sản. Chúng ta sẽ biết tổ chức hàng ngũ để không còn những hỗn loạn mà ta thường thấy trước đây và hiện nay. Sự hiện diện công khai của Cộng sản sẽ thúc đẩy mọi người quốc gia chân chánh kết hợp với nhau để đương đầu với và chiến thắng được Cộng-sản. Viện trợ của các nước bạn sẽ giúp chúng ta kiến thiết và giải quyết được một phần lớn các khó khăn của thời hậu chiến. Một số những người trong phe Cộng-sản sẽ bị hủ hóa khi họ bỏ cuộc tranh đấu cách mạng mà trở về sống đời sống một người bình thường.

Nếu chúng ta ý thức được sở trường và sở đoản của chúng ta mà chuẩn bị kỹ lưỡng ngay từ bây giờ cuộc tranh đấu tương lai đối với Cộng-sản thì Cộng-sản không thể thắng, chúng ta không thể bại.

Cũng có thể quan niệm rằng tổng tuyển cử không phải là giải pháp duy nhất để thể hiện hòa bình ở Việt Nam. Có thể hai bên cùng giải giới rồi thỏa thuận đi tới một quy chế trung lập pháp lý như Áo, Thụy sĩ với những bảo đảm hữu hiệu hơn là quy chế trung lập của Ai-lao. VNCH cũng có thể chấp nhận để cho những người chưa tham gia cuộc tuyển cử 1967 được tham dự một cuộc bầu cử bổ túc cho Quốc hội hiện hữu để quốc hội của ta đại-diện toàn thể nhân dân.

Nếu người Cộng-sản quả có thiện chí hòa bình thì không thiếu chi những ý kiến xây dựng mà hai bên có thể thảo luận để thể hiện một nền hòa bình hợp lý, có thể dung hòa quyền lợi của mọi người.

CHUẨN BỊ TƯƠNG LAI.

Chúng ta phải làm gì để chuẩn bị cuộc tranh đấu trong tương lai?

a) Việc thứ nhất phải làm và phải làm ngay, tuy rằng đã chậm là thống nhất chánh sách, chiến lược, chiến thuật chống Cộng của Đồng-minh để chấm dứt cảnh đồng sàng dị mộng và trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Cần phải có một cuộc đối chiếu toàn diện về các nguyên tắc (chiến tranh, hòa bình), về các quan niệm (tổng tuyển cử, trung lập, ngưng chiến, hòa bình trong danh dự...) về các giải pháp (quân sự, chánh trị...)

b) Việc thứ hai là chúng ta (chánh quyền, quốc hội, chánh đảng...) phải cùng nhau chung sức nghiên cứu một quốc sách ứng hợp với hoàn cảnh và nhu cầu lịch sử để thay vào chánh sách vá vúi, lẩn hồi, lai căng, tùy thời mà chế độ quốc gia vẫn theo đuổi từ 1949 cho tới bây giờ. Quốc sách đó phải căn bản ở quyền lợi và nguyện vọng của nhân dân chứ không phải chỉ phục vụ quyền lợi một thiểu số.

Quốc sách đó phải hướng về việc huy động toàn lực nhân dân nhất là phần nhân dân có tổ chức (tôn giáo, chánh đảng, nghiệp, đoàn, hội đoàn...) và việc sử dụng những khả năng của mọi đoàn thể, mọi cá nhân. Quốc sách đó cũng phải vụ về việc làm sáng tỏ chánh nghĩa của chúng ta để lấy cảm tình và ủng hộ của dư luận quốc tế. Quốc sách đó phải mưu việc tự lập, tự cường về khắp mọi mặt; không thể mãi mãi nhờ cậy người ngoài từ miếng cơm, viên đạn tới những sáng kiến tìm kiếm hòa bình tại những cuộc hội đàm hay trong những cuộc vận động quốc tế.

c) Đã đến lúc các lực lượng tự do, dân chủ (đoàn thể hay cá nhân) bỏ tị hiềm, quên tiểu dị mà kết lại tập thành một đoàn thể nhất trí, vững mạnh; chuẩn bị cán bộ; tổ chức nhân dân để kịp thời đối phó với tình thế mới,

d) Trên hết chúng ta cần phải có một chánh quyền có khả năng lãnh đạo quốc dân, sáng suốt, trông xa, tính trước, thành tín đối quốc dân, đối với đồng minh; khoan dung, đại độ đối với những người thiện chí không cùng ý kiến với mình; không có mặc cảm sợ Cộng sản mà cũng không lạc quan, tự cao, tự mãn quá độ.

Chúng ta có chánh nghĩa Tự-do, Dân-chủ. Chúng ta có đại đa

số quần chúng chống Cộng (Công-giáo, Cao-đài, Hòa-hảo, Phật Giáo, các chánh đảng quốc gia, cả các đoàn thể thợ thuyền, sinh viên...). Chúng ta có một hậu thuẫn quốc-tế hùng hậu. Chúng ta đủ điều kiện sống còn trong một quốc gia độc lập tự do. Nhưng cuộc tranh đua với cộng sản sẽ đòi hỏi ở chúng ta, và nhất là đòi hỏi ở nhà cầm quyền rất nhiều.

Lòng ái quốc chưa đủ. Liêm khiết chưa đủ. Thủ đoạn chưa đủ.

Những người lãnh đạo nhân dân phải ý thức rõ ràng đường lối lịch sử và biết hi sinh tất cả để làm tròn sứ mạng đối với dân tộc. Quốc dân sẽ biết hi sinh nếu họ biết rằng hi sinh đó là hi sinh cho đại nghĩa chứ không phải hi sinh để phục vụ quyền lợi riêng tư cho một số người. Được như vậy thì tương lai mới sẽ là tương lai của chúng ta, của Tự do, của Dân chủ.

trần văn tuyên

VŨ. KHẮC KHOAN

những người không chịu chết

tiếp theo

Sơn giật mình. Thu không còn là Thu lúc nãy. Thu đã biến thành một nhân vật khác thường — một nàng công chúa như Sơn thường nhìn thấy tỏ đậm giáng và màu trên những tấm hình quảng cáo treo trước cửa những rạp chiếu bóng. Tóc chảy mượt xuống bờ vai, đôi mắt đen thẳm đã mất hẳn vẻ vô tư của bề phẳng mặt hồ, giờ đây là hai vực giếng khơi. Thu mặc một bộ đồ lụa màu hồng kiểu dạ phục Âu châu. Bộ đồ chắc mặc lần đầu — còn rõ nếp gấp —, mà hình như đã lỗi thời trang — Thu lại càng xa vời, lại càng không thật, lại càng như dễ dàng tan biến —, nếp váy buông dài sát đất che kín những bước chân di chuyển — Thu tiến vào như trong một giấc mơ, lại càng không thật : một nàng công chúa hiện về từ những thế kỷ xa xưa mà châu Âu xôn xang vó ngựa Thánh chiến. Thu đứng trước Sơn còn đang sững sờ nhìn nàng. Một lát sau...

THU

Sơn, anh Sơn. Thu đây mà.

SƠN

Thu. Thật Thu à. Lạ nhỉ.

THU

Sao lại lạ ? (Chợt cười.) Thế là hòa nhà. Lúc nãy anh làm em

sợ. Bây giờ thì đến lượt anh. (Quay một vòng, váy xòe rộng theo bước chân.) Trông em có đẹp không, anh ? Bộ đồ này em mặc lần đầu. Ba em mua cho em đấy. Mua ở đây. Mua son. Chứ không thì đắt lắm. Anh có biết không ? (Chỉ pho tượng người thiếu phụ.) Bộ đồ của bà này đấy. Năm ngoái bà ấy mặc mãi. Nhưng kia, sao anh cứ nhìn em hoài vậy. Sao anh chẳng nói gì cả. Hay là anh giận em lên chậm ? Em phải đợi mãi, ba em ngủ say rồi mới lên chải đầu, mở tủ...

SƠN

Nhưng sao Thu lại ăn mặc như thế này ?

THU

Không đẹp hở anh ?

SƠN

Đẹp. Đẹp chứ. Nhưng Thu vẫn chưa trả lời anh. Thu mặc như thế này để làm gì ?

THU

Đố anh biết.

SƠN

Chịu.

THU

Anh quên rồi. Đêm nay là đêm của em, của anh. Đêm nay là đêm cuối cùng của em.

SƠN

vội

Đừng. Đừng Thu. Đừng nói gở.

THU

Sao lại gở ? Em đã nguyện rồi mà. Lạy Trời, lạy Phật...

Sơn tiến lên, như định ngăn Thu nói. Nét mặt Sơn thoáng một vẻ khác thường làm Thu ngưng lời. Trong yên lặng, hai người nhìn nhau như hai người lạ. Một lát sau...

SƠN

buông thõng tay, giọng dành vậy.

Em niệm Phật đi.

THU

vẫn còn ngờ ngác

Anh làm sao thế, anh Sơn ?

SƠN

Không. Không làm sao cả. Em niệm Phật đi. Anh muốn em sống mãi mãi... với anh.

THU

ngây thơ

Đâu có được ? Em. nguyên từ lâu rồi. Lại Trời lay Phật. Cho con được gặp tình yêu. Một đêm thôi. Rồi mai, con sẽ xin chết. Thấy không, anh ? Em nguyện rồi mà. Mai... sáng mai. Trời ơi, mấy giờ rồi anh ?

SƠN

Ba giờ hơn... Sắp rười.

THU

Thế thì sắp bốn giờ rồi, sắp sáng mất rồi. Em muốn đêm cứ kéo dài mãi mãi, không bao giờ sáng. Mặt trời đừng mọc. Mặt trời đừng mọc nữa.

SƠN

thở dài

Ngày mai... mặt trời sẽ mọc, Thu ạ. *(Chỉ về phía tấm màn hậu điện.)* Phía này.

THU

Sao anh biết ?

SƠN

hơi lúng túng

Đó là hương đồng mà. Anh phải biết chứ.

THU

Đúng. Đó là hương đồng. Mặt trời mọc đằng đông. *(Một lát.)* Thôi cũng được. Cũng vẫn đúng như lời cầu nguyện của em. Lay Trời, lay Phật, cho con được yên. Rồi con xin chết. Con xin được chết lúc rạng đông, chết trong gió lộng và trời xanh ngắt, chết với tình yêu, chết tự nhiên như đứa bé vào đời, chết không phản bội, không giết nhau...

SƠN

nắm chặt vai Thu

Thôi. Thu. Anh không muốn nghe. Anh không muốn nghe nữa. *(Trước giáng điệu ngạc nhiên của Thu, Sơn buông tay, ngoảnh đi.)* Anh muốn yên lặng. Anh muốn cứ như thế này mãi. Đừng có gì xảy ra.

THU

Cứ như thế này thì em chẳng sợ gì cả. Nói thật, em cũng sợ chết lắm anh ạ. Nhưng bây giờ thì em chắc chết... cũng như thế này mà thôi. Em chắc chết là... yên lặng trong đêm kéo dài mãi mãi. *(Một lát.)* Hay là... chúng mình đang chết, chúng mình chết rồi hở anh ?

SƠN

chua chát

Chưa. Chưa mới khổ. *(Một lát.)* Giả mà chết rồi thì cũng tiện.

THU

Anh không thích sống à ?

SƠN

Đề làm gì ?

THU

Đề... yêu em.

SƠN

Yêu em. Nhưng em còn đâu nữa mà yêu. Em nhất định chết
kia mà.

THU

Ờ nhỉ. Ờ... thế thì sống đề làm gì nhỉ ?

SƠN

Đó.

THU

Vô lý nhỉ.

SƠN

Chả có cái gì là có lý cả. Nghĩ cho cùng thì chả cái gì
có lý cả. Như... như gian hàng này, rồi quần, rồi áo, rồi một lũ
tượng, rồi anh, rồi em... Vô lý. Vô lý.

THU

Lúc này, ở dưới nhà, nghĩ đến anh, em tưởng như anh là một
con gió. Thoảng qua rồi hết. Lên đây, mở cửa thấy anh, em
mới yên tâm.

SƠN

Em chưa biết rõ anh là ai. Em vẫn còn đang mơ ngủ.

THU

Em không cần biết rõ. Thế này là đủ.

SƠN

Anh là một đứa trẻ vô thừa nhận nghĩa là không cha không mẹ.

THU

Em biết rồi mà.

SƠN

vẫn tiếp

Anh sống lê la đầu đường xó hẻm. Anh sống móc túi cướp
giật. Anh sống đâm chém. Anh bị nhốt vào Viện Tể Bần. Rồi một
đêm, chẳng hiểu tại sao, anh hết chịu nổi, anh đâm chết lão gác.
Rồi anh chạy, anh chạy có cớ. Anh chạy vào đây. Lấy cấp bộ đồ
này, nấp sau lũ tượng. Và... cảnh sát thì vây từ phía. Đến mai,
sáng mai, cảnh sát sẽ ập vào đây. Anh sẽ bị bắt, bị giam, bị đưa
lên máy chém hay ít nhất cũng tù một gông. Đó. Đó, anh đấy.
Anh là một thằng ăn cắp. Anh là một thằng giết người. Em nghe
rõ chưa ?

THU

Anh là một chàng hiệp sĩ sống như cơn bão. Anh cướp của
người giàu để cứu người nghèo. Anh giết người, em biết chứ.
Nhưng anh giết toàn những tên gian ác. Lão gác là tên trùm đảng
đại gian đại ác. Nó định đến đây để bắt cóc em. Nhưng anh đã
kịp thời rút gươm ra đâm chết nó. Rồi anh phi ngựa, vượt bầy
khu rừng rậm, vượt chín quả núi cao, anh đến tìm em.

SƠN

Thu viết tiểu thuyết chắc hay lắm. Thế còn Thu ?

THU

Em chỉ là Thu.

SƠN

Đâu có ? Thu là một nàng công chúa, nàng công chúa ngủ trong
rừng. Tiếng suối chảy trong rừng, lời chim ca trong lá ru Thu ngủ

đã được một trăm năm. Giữa đêm nay, giấc ngủ phải chấm dứt. Anh vâng lệnh Trời lệnh Phật đến đây để đánh thức em. Em thấy không, anh cũng biết viết tiểu thuyết đấy chứ.

Nhưng Thu không để ý đến lời nói cuối cùng của Sơn. Thu như đang mơ ngủ, như nhìn thấy chính mình đang sống một cuộc sống phi thường, mình là công chúa, người đối diện với mình là một chàng hiệp sĩ hào hoa phong nhã.

THU

Công chúa ngủ trong rừng, Em là Hằng nga ngủ trong rừng. Em biết. (Một lát.) Em đã tỉnh giấc chưa anh? Hay là phải đợi đến khi trăng Đông có mặt trời mọc?

SƠN

Anh lại đây để đánh thức em.

THU

Và đến mai, rạng đông, em lại đi vào giấc ngủ. Đêm lại xuống với em khi mặt trời mọc?

SƠN

Đằng nào cũng vậy

THU

Mặt trời đừng mọc. Mặt trời đừng bao giờ mọc nữa. Em thù mặt trời. Anh ơi, mấy giờ rồi, anh ơi.

SƠN

hốt hoảng

Bốn giờ. Chắc là sắp bốn giờ rồi. Bốn giờ sáng. Làm thế nào bây giờ?

THU

Đợi (Một lát.) Anh có nghe thấy gì không?

SƠN

Tiếng đồng hồ chạy. Tích tắc. Tích tắc. Đấy. Đấy.

Trong yên lặng, ấn tượng xê dịch thời gian lan ra. Rồi chợt ngừng. Chuông đồng hồ vang lại. Như những nhát búa đóng chắc nịch vào đỉnh. Bốn nhát. Bốn giờ. Cảm giác bị dồn, bị bủa vây, bị bóp nghẹt choán trọn hai người.

CẢ HAI

Đấy.

Sơn vùng ra, như muốn rũ khỏi cái ma lực xoáy hút của cảm giác. Chàng quay đi. Một lát, trong yên lặng nặng chịch...

SƠN

Bốn giờ. Trời ơi, sao mà lạ thế này. (Giọng khác hẳn đi.) Thu.

THU

như chợt tỉnh

Em đây.

SƠN

Anh chóng mặt. Tự nhiên anh thấy chóng mặt quá.

THU

bước vội lại gần Sơn

Anh chóng mặt à? Hay là...

SƠN

Không, anh không đói đâu. Anh khát. Ở đây có nước không em?

THU

Có chứ, nhưng ở dưới nhà. Em xuống lấy nhé. Anh đợi em.

SƠN

Em lên ngay nhà.

THU

Em lên ngay mà.

Thu quay đi tới cửa, ngó lại cười, rồi ra, tiếng chân khua hăng trong yên lặng hành lang. Một lát, rồi người đàn ông lúc nãy từ từ tiến lại, đứng sau lưng Sơn. Yên lặng.

SƠN

vẫn ngoảnh đi

Đâu ? Ông đưa ngay cho tôi. Thu sắp lên rồi,

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Ta còn thì giờ. Cậu đừng lo. Cậu nhớ chứ ? Cậu nhớ tất cả chứ ?

SƠN

Nhớ. Nhớ.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cậu ra đây

Sơn theo chân người đàn ông như một cái máy lại phía hậu điện. Người đàn ông kéo rộng tấm màn rồi liến ra sát tấm cửa kính hậu. Hắn đứng lặng một lát rồi mở chốt dầy mạnh tấm cửa. Tấm cửa mở rộng ra ngoài trời. Tòa building xây dở bên kia đường lúc nãy như gần lại, góc cạnh kỷ hà những bức tượng chưa hoàn tất vươn lên, in hằn hoang dã trên một khoảng trời xanh thẫm mực tàu đặc quánh dầy sao.

Cậu trông kia.

Sơn như bị thôi miên, tiến lại gần hơn, gần hơn nữa.

Cần thận, cậu Sơn. Bảy tầng đấy.

Người đàn ông bỗng thả đầu ra ngoài, nhìn xuống đường rồi lại thụt vào, lưng vẫn quay lại phía Sơn.

Chà, cao dữ. Mới nhìn mà đã rợn người (Một lát.) Chiều sâu đối với tôi có một ma lực quyến rũ lạ thường. Vực thẳm, hố sâu, thung lũng, giếng khơi. Đó là nhược điểm của tôi. Có những đêm, tôi đứng lặng nơi đây hàng giờ. Tôi o bế hàng giờ cái cảm giác rợn đầu gối của một động tác tưởng tượng buông trôi, lặng chúi vào cái dốc thoải của một chiều sâu vô cùng tận...

Bỗng người đàn ông quay phắt lại dang tay sừng sững giữa khung cửa thấp sát mặt đất, lưng quay ra phía ngoài đường, gió ngoài trời thổi lộng bông mái tóc hoa râm, mắt quắc lên nhìn thẳng vào Sơn. Nhưng từ nãy Sơn đã đứng yên một chỗ, tưởng như thủ thế mà trông mắt lại như vượt khỏi người đối diện, như xa ra, như muốn hướng tới một vì sao nào đó đang lấp lánh tí trên cao.

Tôi biết cậu đang nghĩ những gì. Cậu nghĩ rằng chỉ cần một động tác bất ngờ là tôi... là xong. Có đúng không ? Nhưng bây giờ thì hết bất ngờ rồi. Và... ngay như cậu có thực hiện được cái ý nghĩ đen tối đó thì sau đó... cậu sẽ làm gì ? Vấn đề vẫn còn nguyên vẹn. Cảnh sát vẫn tìm được cậu. Có lẽ lại còn nhanh hơn.

SƠN

bình tĩnh

Ông làm. Tôi không nghĩ gì cả.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cậu nhìn tôi chăm chăm.

SƠN

Nhưng tôi không trông thấy ông. Đúng như vậy. Từ nãy, từ lúc cánh cửa mở rộng ra ngoài trời, thì tôi không còn trông thấy ông nữa.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cậu thấy gì, cậu trông thấy gì mà đắm chiều như vậy ?

SƠN

Tòa nhà xây dở bên kia đường và sao trên trời. Ông bị thu hút bởi chiều sâu. Ông mê chiều sâu đi xuống. Còn tôi thì... thì khó nói quá... thì hình như lại là chiều cao. Từ nhỏ tôi vẫn chỉ thích những cái vươn lên. Chim bay mất hút. Tàu bay lạc vào mây. Một tòa nhà xây dở cao dần. Những ngôi sao lấp lánh cao tít vòm trời. Tôi thấy thênh thang, mát mẻ, trong lành. Tôi thấy...

Rồi Sơn im lặng. Người đàn ông nhìn Sơn, gật gù.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Tôi xin lỗi đã nghi oan cho cậu. Cậu nói tiếp đi. Tôi chắc rằng cậu có nhiều ý nghĩ thú vị trong đầu, nhưng chưa có dịp thổ lộ. Thì bây giờ còn sớm. Ta có thể nói chuyện với nhau ít phút nữa. Cậu bảo rằng cậu thích cái hướng lên cao. Rồi gì nữa, cậu Sơn ?

SƠN

Gì nữa ? Tôi cũng không hiểu. Vì khó lắm. Tôi thấy rắc rối lắm. Có bao giờ ông bị nhốt vào một căn phòng tối om, một cánh cửa sổ nhỏ cũng không có... Tôi bị một lần. Và tôi thấy yên tâm lạ lùng. Cái khổ là có một cánh cửa mở ra ngoài trời, một lỗ hồng để nghe lọt tiếng động ngoài trời. Tối om trong yên lặng thì tôi không nghĩ gì cả. Nhưng... một mảnh trời xanh, một tiếng còi tàu ngoài bến, một cành cây, một chút gió. Ấy thế là... ấy thế là tôi thấy như trong tôi có một cái gì lỏng lẻo. Tôi muốn vọt ra ngoài. Tôi...

Nhưng Sơn đã ngừng bật. Vì tiếng chân đi ngoài hành lang tuy xa nhưng nghe đã rõ.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

khép vội cánh cửa.

Tôi không đóng chốt. Cho nó chắc.

SƠN

Ông đưa cho tôi...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

lấy ở túi ra một gói nhỏ

Đầy.

SƠN

cầm lấy, ngẩn ngừ

Không phải là ..

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Không. Cậu yên trí. Vội lại... Nhưng mà thôi. Hãy cứ thế đã.

SƠN

Ông có chắc rằng sau một tiếng đồng hồ...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Tôi thử rồi.

SƠN /

lắc đầu, chép miệng

Ông nói như đinh đóng vào cột. Cái gì ông cũng biết.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Tôi sống mười năm nay có một mình. Tôi nhiều thì giờ. Cái gì mà tôi không biết. Thôi. Chào cậu.

Trong giây lát, người đàn ông đã trở thành pho tượng. Cửa mở. Thu vào.

vũ khắc khoan

(còn tiếp)

THƠ

huy tường, đặng tân tới, từ hoài tân

thuở muôn ngàn

nặng người nửa ngọn cây thô
vườn cao su đáng lộ xô tiếng buồn
tôi về tay tỏ nguồn cơn
lệ phơi khô giữa mặt đường trần nhẵn
chiêm bao hồn bỏ lên ngàn
đất xa xăm cũ chim vàng hát ru
lối mòn cỏ dạt sương thu
ngậm ngùi tiễn tuổi già nua về trời
tôi trần gian ngã xuống đời
lất lẩy hồn mọn chờ người vui xa

bước chân quan tái

đi lưng chừng giữa ngàn xanh
mây vi vu khẽ động cành thiên thu
mai qua sương khói mịt mù
ải xa bóng lẻ bay vù dáng ai
chân đau đôn bước tuyền đài
lệ nghìn năm rướm gót hài nột non

rừng cô đơn

năm năm ngồi hát ru ngàn
giọng khèn khuya mỗi tắt ngang nửa vời
thân già lún dưới non coi
ngàn sau ruộng tiếc một thời vô công

từ hoài tân

nghe kinh

Ướt hai tà áo nâu rồi
Bên chùa mục giọng kinh hồi lệnh sang
Giọt chuông rơi thấm cổ vàng,
Nghe kia sư nữ vừa choàng áo tu
Tôi nằm ấp lá đêm thu,
Mai sau nở trái sương mù pháp không

huy tường

thu trong lá mộng

Ngộ nàng qua áo trắng xanh
Vườn thu cỏ bước mong manh mộng về
Ngủ ngày tới mãi đêm khuya

Thức ra tóc dầm sương bia mộ người
Áo xanh trắng đỏ hồn bơi
Niu bờ ciêu đồ huyết trời tịch không
Đứng trong vườn cây nhớ mong
Bóng ai mờ khuất giữa giòong huyền linh

những đêm mưa rừng vườn tây

Ngủ vườn Tây, nghe gió Tây
Tôi nằm thức giữa vườn ngày chiêm bao
Bay ngoài không lá xanh xao
Một tàn hiu quạnh ngọn cao biên trời
Chạy hoài giăng lệ ma rơi
Bên kia đời đã xê dời chân tôi
Đến đây tôi mất tôi rồi
Đầu đông gió thổi bờ phôi mộng hiền
Năm vườn Tây, lạnh cô miên
Những đêm mưa rừng triều miên xuống cầu

mây trắng trên đồi

Ngàn năm mây trắng trên đồi
Cũng ngàn năm mây trắng hoài lang thang
Đêm ra đầu xóm trông sang
Mừng còn mây trắng hàng hàng lừng lơ
Nửa khuya mộng cũ bơ vơ
Khóc mây trắng rụng đồi xưa tan tành
Mộng vàng thoát chạy loanh quanh
Ôm đồi mây, vuốt lòng mong manh trời

đặng tấn tới

NGUYỄN TRẦN KIỂM

nội dung hòa bình

Hội đàm Ba lê đang tiếp diễn như một hậu quả thiết yếu của thực tại lịch sử, như một trọng điểm tượng trưng cho nỗi hoài vọng tha thiết của tuyệt đại đa số người Việt hướng về một nền hòa bình đã từ lâu mong đợi. Như thế, lịch sử đang dần dần thể hiện những áp lực tất yếu của nó ; cũng có thể nói là lịch sử đang thể hiện những nhu cầu nội tại mà các chiêu bài chính trị giai đoạn đã thay phiên nhau che khuất trong gần mười năm chinh chiến vừa qua. Nói cách khác, thực tại lịch sử sâu xa đang chuyển mình đề rồi sẽ tự kết tinh thành định mệnh.

Nhưng, đằng sau viễn tượng dịu dàng của những ngày tháng an nghỉ và hồi sinh sẽ đến, dân tộc Việt còn phải nghĩ đến tương lai... Cho nên, vấn đề được đặt ra cho ý thức Việt nam ngày nay là phải kiểm nhận đầy đủ những dữ kiện cũng như những yếu tố đang dần dần thành hình, và hình dung được cuộc diện mới trên vùng đất Việt nam, một cuộc diện được ấn định phần lớn bởi những yếu tố mới. Ý thức Việt nam phải được vận dụng để đạt đến một viễn kiến thỏa đáng về con đường đang ẩn hiện trải dài trước mặt, trước khi những biến cố và những chi tiết thời cuộc xuất hiện đòi hỏi những biện pháp cụ thể ngắn hạn.

Trước nhất, sau 8 năm chiến tranh Việt Pháp và sau gần mười năm máu lửa của một cuộc chiến không có định nghĩa hiện vẫn chưa kết thúc, người Việt đã nhận thấy rõ rệt tình cách quốc tế trong mọi hiện tượng chính trị, quân sự, kinh tế đã xuất hiện trên giải đất này. Tình cách quốc tế này đã được che dấu hoặc được ngụy trang bởi nhiều người trong nhiều giai

đoạn vì những lý do tiện nghi chính trị rất dễ hiểu ; nhưng trong sự phản tỉnh trước ý thức và lương tâm, và trong nỗ lực tìm hiểu một đoạn đường mới, thì rất ít người có can đảm bỏ quên thực tại thâm trầm đó, chẳng hạn chúng ta hãy nghe cựu Quốc trưởng Bảo Đại tâm tình vào thời gian trước hiệp định Genève 1954 : « *Anh thừa hiểu rằng Việt Nam chỉ là một món đồ chơi giữa các cường quốc, một món hàng để tranh chấp. Chúng tôi bị tràn ngập bởi chính trị quốc tế ; tự chúng tôi, chúng tôi chẳng là gì cả... Từ đó phát sinh ra một cảnh huống thật là tảm tợ, một cảnh huống sẽ còn kéo dài cho đến lúc nào những thực tại sâu xa của thế giới đã quyết định xong vận mệnh vùng Đông dương.* » (« Vous savez bien que le Vietnam est un jouet parmi les Puissances, tout juste un enjeu. Nous sommes dominés par la politique internationale, un néant par nous-mêmes. Il en résulte une situation précaire, qui durera jusqu'à ce que les réalités profondes du monde aient décidé du destin de l'Indochine. » (*Trích dẫn bởi Lucien Bodard trong bộ La guerre d'Indochine*). Những « thực tại sâu xa » của thế-giới được nhắc đến ở đây đã và sẽ kết tinh thành những dữ kiện quyết định khuôn khổ trong đó người Việt sẽ thi triển những vận dụng quốc gia của riêng mình. Trong quá khứ, khi lý thuyết domino và chính sách ngăn chặn (policy of containment) đối với Cộng-sản Á-châu còn thịnh hành tại Mỹ quốc, khi Cộng-sản quốc-tế còn đầy vẻ đe dọa với tính-cách thống-nhất gần như tuyệt đối của nó, thì tại Việt-Nam chúng ta đã có mười mấy năm « chống Cộng » kèm theo với mỹ từ « tiền-đòn của thế-giới tự-do » v.v... Ngày nay, khi Đông Âu chuyển mình và Nga-sô đem quân-lực can thiệp trực tiếp vào Tiệp-khắc, khi hai thành trì của cách-mạng Cộng-sản là Nga và Trung-hoa nổ súng vào nhau vì một vùng biên thùy hẻo lánh, khi người Mỹ đã nhận chân được những thực tại phức tạp của Á-châu và đang muốn giảm thiểu vai trò « cảnh-sát thế giới » của mình, thì tại Việt-nam chúng ta đang có những danh từ thời thượng mới, chẳng hạn như một « giải-pháp chính-trị », sự « hòa-giải dân tộc », « thực-tế » hay « thực-thể », v.v... Tương tự như thế, những chính sách, đường lối, cùng những nhân vật đã kế tiếp thay đổi trên chính-trường Việt-nam từ sau thế-chiến.

1. Trong hiện-tại, tiếp theo sự sắp xếp mới của các tương-quan lực-lượng trên thế-giới, và vì nhu cầu tại quốc-nội, chính sách của

người Mỹ đang được duyệt xét và chuyển-hướng. Theo quan niệm mới của các nhà lãnh-đạo Mỹ, thế-giới đã vượt khỏi giai đoạn của các cường-quốc có quyền quyết-định, mà trên hết là Mỹ quốc và Nga-sô như hai siêu-cường ; trái lại, hiện nay các quốc-gia hạng nhì ngày càng có nhiều tự-do để theo đuổi đường lối riêng, chính nhờ ở chỗ quyền-lực của các siêu-cường đã được phát triển lớn lao đến nỗi tự họ giải-hóa nhau, và do đó trở nên ít hiệu-quả. Như Kissinger đã nói rõ : « *Khả năng tiêu diệt khó có thể trở nên một sự đe dọa hợp lý trong thực-tế* » (« The capacity to destroy is difficult to translate into a plausible threat »). Ngoài ra, mặc dầu hơi bất tiện cho việc xử lý của chính quyền Mỹ, một thế-giới mới có tính chất đa-dạng đa-nguyên (pluralistic) vẫn phù-hợp với quyền lợi dài hạn của Mỹ quốc hơn, theo ý ông Kissinger. Các nhà lãnh đạo mới tại Mỹ nghĩ rằng đã đến lúc nước Mỹ nên từ bỏ một phần những quan-niệm về một « sir mạng » quốc-tế mà người Mỹ đã tự khoác lấy từ sau thế-chiến, và phải nhìn thế-giới mới theo những quyền-lợi riêng rẽ của từng quốc gia, những quyền lợi này cần được hiểu rõ và cần được dung hòa hòa giải với nhau để bảo vệ hòa bình thế giới. Chính cũng vì đặt nặng vấn đề tìm hiểu và dung hòa quyền lợi các quốc gia trong quan niệm mới về chính sách đối ngoại, cho nên tại Hoa kỳ ngày nay mới có những vận dụng mới nhằm khai thác ý thức quốc gia tại Bắc Việt đối diện với Trung Cộng, và, mặt khác, một khuôn mặt trẻ của chính trường Hoa kỳ là ông Edward Kennedy lại lên tiếng khuyến cáo người Mỹ nên nghiên cứu việc thiết lập bang giao với Trung Cộng cũng như việc đề cho quốc gia này gia nhập tổ chức Liên Hiệp Quốc.

Về phương diện chiến lược quân sự, như một hệ luận của lối nhìn mới về thế giới bên ngoài tại Mỹ, đã có những vận động để giảm thiểu những nỗ lực cũng như những phí tổn về quốc phòng. Ví dụ như khuyến cáo của ông Carl Kaysen, phụ tá của McGeorge Bundy dưới thời Kennedy, muốn đem ngân sách quân sự từ 82.5 tỷ US\$ trong hiện tại xuống mức 50 tỷ US\$ cho những năm 1970... Lý luận của Kaysen dựa trên ba điểm chính : (1) sự đối địch giữa Nga Mỹ đã trở nên ít khốc liệt hơn nhiều ; (2) an ninh của Hoa kỳ thực ra được bảo đảm nhiều hơn với sự hạn chế vũ khí hạch tâm, hơn là với nỗ lực chiếm ưu thế nguyên tử như trước đây ; và, (3) đặc biệt đối với vùng Á Phi và Mỹ la tinh, thì những tranh chấp

có thể sẽ bùng nổ trong vùng này trong những năm tới sẽ không liên quan đến quyền lợi của Hoa kỳ một cách mật thiết đến nỗi Hoa kỳ phải can thiệp, *hơn nữa những tranh chấp đó cũng không thể giải quyết được bằng sức mạnh quân sự của Hoa kỳ.*

Như vậy, hiển nhiên là khuynh hướng cấp tiến tại Mỹ ngày nay là từ bỏ phần lớn vai trò bực bề và phiền toái của một « cảnh sát viên » của thế giới, hay ít ra là cũng từ bỏ thói quen can thiệp bằng quân sự. Thực ra, người Mỹ còn rất nhiều dụng cụ chính trị, ngoài sức mạnh quân sự...

Riêng về Á châu, dư luận trí thức Mỹ gạt bỏ hiểm họa vũ khí hạch tâm của Trung Cộng; hơn thế nữa, nhiều nhân vật còn kêu gọi chấm dứt cái chính sách « ngăn chặn » (containment) của Mỹ nhằm vào chế độ Bắc Kinh mà, theo họ, không phải là một cường quốc có chủ trương bành trướng, trong hoàn cảnh hiện tại. Đặc biệt đối với sự can thiệp Mỹ tại Việt Nam, những nhân vật này nghĩ rằng đầu mối của sự can thiệp này là một nỗi sợ hãi *sai lầm* mà người Mỹ đã có về một sự xâm lấn chiếm chính quyền của Cộng sản được điều khiển từ bên ngoài. Không hiểu chúng ta, ở Á Đông, có nên hãnh diện hay không, khi các nhà trí thức Mỹ có kinh nghiệm về Á Châu tỏ ý không tin rằng người Á Đông có thể được điều khiển từ bên ngoài, như nguyên Đại sứ Mỹ tại Nhật bản Edwin O. Reischauer đã quả quyết: « Các nước Á châu không thể nào kiểm soát được từ bên ngoài, dù là với chủ nghĩa Cộng sản hay với bất cứ ý hệ nào khác » (« Asian countries cannot be controlled from abroad, even through Communism or any other ideology »). Không thể kiểm soát được *từ bên ngoài*, như thế có nghĩa là còn có thể có những lẽ lối khác theo những phương hướng khác; do đó mới có những kỹ thuật chiến tranh đầy loạn, chiến tranh cách mạng của Cộng sản; do đó mới có đề nghị của ông Kissinger mở ra một diễn đàn hội nghị thứ hai giữa SAIGON và M.T.G.P.M.N. để tìm đến một giải pháp chính trị, và người Mỹ được đứng ngoài, không trách nhiệm đến; và cũng trong chiều hướng nhận định trên của ông Reischauer mà nhiều người Mỹ nghĩ đến chuyện vận dụng Bắc Việt để thực hiện một hình thức ngăn chặn mới đối với Trung Cộng, thay thế cho chính sách *containment* cũ đã trở nên thiếu linh động... Có rất nhiều hệ luận sẽ cần được suy diễn từ những nhận định trên cho chính

trị tại Á châu, trong những năm trước mặt. Ngay bây giờ, và từ quan điểm Hoa kỳ về chiến tranh V.N. thì kết luận của Reischauer là người Mỹ không nên triệt thoái quá nhanh, vì như thế đối với người Á châu sẽ có vẻ như một cuộc bán đứng; tuy nhiên, việc đưa nước Mỹ ra khỏi hoàn cảnh rối rắm tại Việt nam đối với Reischauer là một việc thiết yếu và bó buộc, mà ông gọi là một « đòi hỏi của quốc gia » (« a national imperative ») cần được thực hiện trong vòng tối đa 2 năm.

Trên đây là đại cương những nhận định mới của ý thức Mỹ, được kết tinh từ sự quan sát và suy tư trên những diễn biến của thời cuộc quốc tế, những nhận định có thể điều hướng các triển vọng hành động của chính quyền Nixon; những hành động này sẽ có một tầm quan trọng lớn, bởi vì chúng sẽ là những nét điêu khắc đầu tiên ghi tạc nên lịch sử của những năm 1970... Sở dĩ người Việt cần nắm vững triển vọng hành động của người Mỹ, là bởi từ hơn 15 năm nay số phận V.N đã ràng buộc quá nhiều với cường quốc này, và cũng bởi định mệnh V.N là một định mệnh quốc tế. Với một định mệnh như thế, thì đức tính quan trọng số một cần thiết cho dân tộc là sự dẻo dai và khéo léo, để có thể làm một kẻ đồng hành tốt (*good partnership*), đồng thời không đánh mất thực thể dân tộc; lịch sử sinh tồn của người Việt từ ngày lập quốc đối với thế giới bên ngoài cũng không đi ngoài bi quyết đó... Và cũng với một định mệnh « quốc tế » như định mệnh V.N, chúng ta nên nghĩ rằng sẽ không bao giờ thiếu những tương quan *cơ cấu* (*relations structurelles*) giữa Việt nam với một hay nhiều ngoại bang dù dưới hình thức này hay hình thức khác. Các tương quan cơ cấu đó có thể tùy theo từng giai-đoạn lịch-sử mà mang nặng màu sắc văn-hóa, kinh-tế hay quân sự, nhưng bao giờ cũng bàng bạc màu sắc chính trị. Trong giai-đoạn sắp đến, khi tương quan quân sự đã thay đổi và nổi lên, khi chiến lược quốc-phòng và quan-niệm về thế-giới mới của người Mỹ đã thực sự rẽ vào một lối khác, thì tại V.N chúng ta sẽ có những tương-quan cơ-cấu về kinh-tế, kỹ-nghệ,... với Mỹ và những đại diện của họ là Nhật-bản, Úc, Pháp v.v.. Những tương quan này đã được đặt nền móng trong thực-tại lịch sử từ mười mấy năm nay, với một chuỗi những quốc gia tương đối thịnh-vượng và ổn-định chung quanh lục-địa Á-châu, mà viện trợ cũng như đầu tư lớn lao của Mỹ (công và tư) đã góp phần tạo

nên : Nhật, Nam Hàn, Đài-loan, Phi-luật-tân, Thái-lan. Dù sao, Việt-nam cũng sẽ quyết-định hình-thức và mức độ của hiện diện Mỹ tại Á-châu : nếu Mỹ tự coi như thất bại ở đây, thì khuynh-hướng « biệt lập » (isolationist) sẽ thêm sức mạnh tại chính-quốc ; nếu Mỹ tiến đến được một giải pháp để rút chân ra khỏi V.N mà vẫn thực-hiện được những cam kết chính yếu đầu tiên của mình với Á-châu, dưới một hình thức nào đó, thì những « xây dựng hậu chiến » sẽ khởi đầu cho một chuyển hướng mới ; cái gì đích xác sẽ xảy ra vẫn còn nằm trong biên tế bí ẩn của lịch-sử, nghĩa là của tự-do con người. Tuy nhiên, mọi chiều hướng biến chuyển đều đã được chuẩn bị và dự trù, và điều có xác xuất cao nhất sẽ xảy ra là một hình thức hiện-diện tối thượng của Mỹ tại Á-châu, như một nhân vật ngoại-giao cao cấp ở Anh đã nhận định : « Sẽ không có vấn đề Mỹ thống trị Á-châu theo nghĩa cồ-diễn, nhưng có lẽ là một sự hiện diện tối thượng (*paramountcy*) của Mỹ chưa hề thấy trong lịch sử, trong đó sức mạnh quân sự sẽ luôn luôn thận-trọng lấp ló ở chân trời... » Chân trời ở đây sẽ là chân trời Thái-bình-dương, mà từ sau đệ nhị thế chiến người Mỹ đã có khuynh hướng tận dụng ưu thế về không quân và hải quân để biến thành một « cái hồ của Mỹ » (*an American lake*), mở đầu cho một quan niệm hiện diện chiến lược mới của Mỹ trong hậu bán thế-kỷ 20 tại Á-châu được gọi tên là « thời đại Thái-bình-dương » (the Pacific Era).

Đại-cương diễn tiến của ý thức lãnh đạo chính trị Mỹ là như thế. Những thí nghiệm thực tế, những tương quan mới trong thực tại lịch-sử quả có điều chỉnh trong chi-tiết những ý-đồ sơ khởi, quả có thay đổi phương thức thi hành những ý-đồ đó. Nhưng các vấn đề được đặt ra do nhu cầu sinh tồn của các quốc-gia thì không thể thay đổi nhiều và thay đổi mau, cho nên tựu trung giữa quá khứ và tương lai không có sự đứt rời tương quan ý nghĩa. Chẳng hạn như trước đây người Mỹ đã muốn tạo dựng một miền Nam V.N triệt để chống Cộng để ngăn chặn sự bành trướng của Cộng sản Á châu xuống phía Nam, thì ngày nay họ còn muốn vận dụng cả miền Bắc Việt vào mục đích này, và đang sẵn sàng chấp nhận những hệ luận của đường lối mới này ; chẳng hạn như trước đây người Mỹ rất sẵn sàng tung bộ binh vào lục địa Á châu, nhưng ngày nay, khi thực tế cho thấy Á châu là một vùng lầy không thể hiền nổi, thì

họ đã trở về xây dựng chiến lược mới trên ưu thế không hải quân tại Thái bình dương. Như thế có nghĩa là chính sách ngăn chặn Cộng sản Á châu trước đây của người Mỹ chỉ thay đổi phương cách để trở nên tế nhị và gián tiếp hơn, và vòng đai an ninh chung quanh lục địa Trung hoa có thể sẽ được nối lỏng tiếp theo tình trạng mới của thế giới, nhưng dĩ nhiên là nhu cầu an ninh của Mỹ quốc vẫn còn cần được đáp ứng, và không một chính quyền nào của nước Mỹ, quá khứ hay vị lai, có thể không quan tâm đến việc đáp ứng nhu cầu này bằng một phương thức phù hợp với giai đoạn.

Từ đó mới phát sinh ra nhu cầu Việt hóa, hoặc phi Mỹ hóa (*dis-americanisation*) cuộc chiến tại V.N, hoặc kết thúc cuộc chiến ; từ đó mới có cái chính sách « củ cà rốt với cây gậy » được Johnson đưa ra cùng với sự leo thang chiến tranh cách đây 4 năm ; từ đó mới có việc cam kết không bỏ rơi Nam V.N để làm một thứ tin dụng trao đổi (*monnaie d'échange*) đối với khối Cộng sản Á châu, mỗi khi cần thiết. Như vậy, dù leo thang hay xuống thang chiến tranh, dù theo đuổi chính sách ngăn chặn hay muốn mời Trung hoa vào Liên hiệp quốc, dù oanh tạc Bắc Việt hay muốn tái thiết và viện trợ Bắc Việt để tận dụng tinh thần quốc gia Việt nam làm một thứ hàng rào ở phía Nam Trung quốc, tất cả những thứ đó chỉ là vấn đề biện chứng tinh vi giữa thúc đẩy của thực tại và kết tinh của tri tuệ. Trên biện chứng này, được xây dựng tất cả bang giao quốc tế, tất cả ý nghĩa và giá trị của mọi cam kết, và phẩm chất của biện chứng sẽ quyết định giá trị của mọi đường lối, chính sách. Miền Nam V.N, mà sự sống còn được đặt giữa trung điểm của những giao thoa quốc tế, cần đặc biệt lưu tâm đến sự hình thành một biện chứng có phẩm chất tốt, từ đó kết tinh một đường-lối đúng, không ảo tưởng, dù là ảo tưởng quốc gia hay quốc tế...

Giữa trung điểm của những giao thoa quốc tế, ý sống của dân tộc Việt vẫn là căn bản quyết định, nhất là trong một giai đoạn mà những « thực tại sâu xa » của thế giới đã đi đến chỗ kết tinh thành một hệ thống tương quan lực lượng mới, cống hiến cho vùng Đông dương những điều kiện chính trị tương đối có thể xác định được, có thể dò hiểu được. Một khi những « thực tại sâu xa » của thế giới đã dần dần đi đến chỗ lắng đọng và kết tinh thành một cục diện mới tương đối ổn cố, thì những vận

trị trên vùng đất này. Miền Nam V.N phải tồn tại trên những công thức khác với những đường lối đã xử dụng trong dĩ vãng và đã lỗi thời để trở nên không có giá trị gì hơn những tấm bích chương, biểu ngữ nhặt nhòa vương mắc trên những bức tường rêu phong nghèo nàn còn sót lại của một quê hương gần như tan nát. Tựu trung, các trọng lực và tương quan chính trị cần được định nghĩa lại đều xoay quanh hai vấn đề chính : *một*, là tương quan giữa người Việt với người Việt, giữa người Việt không Cộng-sản và người Việt gọi là Cộng-sản ; *hai*, là tương quan giữa người Việt với ngoại bang, đặc-biệt là các cường quốc liên hệ đến vận mệnh Việt-nam. Vấn-đề được đặt ra rõ rệt như thế, bởi vì xét từ nguồn gốc dẫn đến hiện trạng V.N, chúng ta cũng chỉ thấy tự-trung là *một vận động giải thực* (décolonisation) và *một tranh chấp về đường lối xác định thực thể dân tộc*. Thêm vào đó định mệnh quốc tế của V.N, cho nên hai vấn đề nguyên thủy nói trên lẫn lộn vào nhau, tạo nên cho câu chuyện Việt-nam một vẻ rối rắm ít thấy trên thế giới từ sau thế chiến thứ 2.

Bây giờ, trong một bối cảnh quốc tế mà những yếu tố đã dần dần kết tinh và trở nên sáng tỏ, vấn đề tại V.N là tìm được một thái độ thích ứng đối với chính mình và đối với người. Từ quan điểm này, sẽ có một số những thái độ cần được xác định, quy tụ quanh ba trục chính : giải quyết nội bộ miền Nam, thái độ đối với Bắc-việt, và thái độ đối ngoại.

Tranh chấp võ trang đã không-hủy diệt nổi miền Nam V.N như một vùng đất không Cộng-sản, bởi vì thực tại thế giới không thể chấp nhận một sự kiện như thế. Miền Nam đương nhiên phải tồn tại. Nhưng sự tồn tại này bị điều kiện bởi hai hệ luận : sự *tự cường* về phía những người Việt không Cộng-sản là một vấn đề then chốt ; và, sự *lãnh hội một sự thực* kết-tinh từ giai đoạn tranh chấp là điều không thể tránh. Tất cả việc giải quyết nội bộ miền Nam, và cả tương lai miền Nam, tùy thuộc ở cách thức những người Việt ở đây rút tỉa những hành động thực tiễn từ hai hệ luận nêu trên. Chúng ta sẽ được trao lại tận tay trách nhiệm về chính mình. Hãy nghe nhận định của báo *Christian Science Monitor*, được đưa ra ngay từ lúc chính phủ Sài Gòn mời chuẩn bị gửi những nhà thương thuyết sang Ba-lê : « Giai đoạn tìm ra giải pháp chính trị sẽ không tới ở hội đàm Paris. Nó sẽ thoát thai từ

nền chính trị ở chính Nam V.N. Hoa-thịnh-đốn không có 'dự liệu' vóc dáng của giải pháp ấy. Hoa-thịnh-đốn chỉ dự liệu các sự thay đổi trong khuôn khổ của giải pháp sẽ thành hình đó. Nhân dân Nam V.N một ngày kia sẽ tìm ra vận mệnh chính trị của chính họ. » Như thế, sẽ không có một cường-chế nào, từ bất cứ phía nào, để đặt định lên miền Nam một nội dung chính trị tiền chế và dài hạn ; một sự cưỡng chế kiểu này, nếu thực hiện được, thì đã xảy ra trong giai đoạn tranh chấp võ trang rồi, và nếu sự cưỡng chế có thể thực hiện được, thì tất nhiên đã không có hội đàm Paris hiện nay. Những gì sẽ xảy ra trong thực tế sẽ chỉ là diễn tiến của một đòi hỏi đã có từ lâu, tức là đòi hỏi giải quyết bằng cách này hay cách khác một tình trạng xã hội chưa có sinh lực nội tại và chưa ổn thỏa ; nói một cách sâu xa và dài hạn hơn, miền Nam sẽ còn tiếp tục nhu cầu chuyển hóa đã được ý thức Việt gọi lên từ khi va chạm với văn minh da trắng. Trong khuôn khổ đó, và cho những ngày tháng ngay trước mặt, về phía những người Việt không Cộng sản đang có những chuẩn bị với những tên gọi thời thượng như : kết hợp các lực lượng không Cộng sản, đấu tranh chính trị, v.v... Những chuẩn bị và hành động này chỉ có viễn tượng và ý nghĩa trong khuôn khổ quan niệm dài hạn nêu trên mà thôi ; nếu được quan niệm sáng tỏ và đúng mức như thế, chúng sẽ bao hàm được một giá trị vừa chiến thuật vừa chiến lược trong giai đoạn hồi sinh Việt Nam ; nếu chỉ được quan niệm như một phản ứng tự vệ, thì chúng ta sẽ tiếp tục đứng trong thế phản ứng bị động như đã xảy ra từ trước đến nay, và tan rã thất bại chỉ còn là vấn đề thời gian. Bởi vì, nói tóm tắt, giai đoạn không tranh chấp võ trang sắp tới chỉ là một giai đoạn để cho người Việt *thi đua* thực hiện một xã hội có thịnh vượng và *có danh dự*. Trong dài hạn, thành phần nào có nhiều khả năng và triển vọng hơn để thực hiện điều này đương nhiên sẽ nắm ngọn gió trên, trong khi chờ đợi gió chuyển về mùa thống nhất. Như thế, nếu chúng ta quan niệm đúng đắn việc tập hợp các lực lượng không Cộng sản V.N và cuộc đấu tranh chính trị trong một diễn trình liên tục lịch sử được cập nhật hóa cho từng giai đoạn như vừa nói, — một quan niệm duy nhất đứng đắn, có mạch lạc, và có khả năng mở rộng tầm khai triển không giới hạn trong thời gian, — thì thiết yếu cần phải có một số đề dặt về tổ chức và về nhân sự. Đáng kể nhất, về tổ chức, là

không nên bị hấp dẫn một cách giả tạo bởi các hình thức, qui chế, hay tên tuổi xưa cũ, hữu danh vô thực, hoàn toàn không còn khả năng điều động các vấn đề chính trị đã đổi mới, cũng như không đủ huấn luyện để xử lý các khía cạnh kỹ thuật phức tạp; ngoài ra, nếu kể như một lực lượng đối kháng với Cộng sản, thì rất nhiều các tổ chức hào nhoáng đó có một tác dụng kém xa các cộng đồng tôn giáo tại miền Nam. Về nhân sự, cần dứt khoát với bọn hoạt đầu có mặt trong mọi giới, sản phẩm của một giai đoạn dĩ điểm chưa xót trên quê hương... Sự hiện diện của những khuôn mặt này chỉ làm nản lòng những ý thức mạch lạc và những tâm hồn có thiện ý nhất đang gìn giữ tiềm lực của họ cho một môi trường hay một giai đoạn mà họ nghĩ rằng những đóng góp của họ sẽ được hữu hiệu hơn. Dứt khoát với những con người trực lợi trong mọi hoàn cảnh và bằng mọi cách này, dứt khoát với những kẻ tưởng rằng tất cả lịch sử chỉ là bon chen và tiêu xảo, dứt khoát với loại người này chính là để chứng tỏ một giai đoạn mới tương đối nghiêm chỉnh đã mở đầu, và cũng là để tạo môi trường làm việc cho những phần tử thực sự có giá trị của dân tộc. Những dè dặt về tổ chức và về nhân sự vừa nói là cần thiết để miền Nam có thể dần bước có hiệu quả vào con đường tự cường và thi đua xây dựng mà sức ép của thực tại đã vạch ra như một con đường duy nhất dành cho miền Nam sau cuộc chiến.

Một công thức chính trị sẽ được kết tinh *như một căn bản trung hòa giữa nhiều sức ép của lịch sử V.N từ sau thế chiến*; đây cũng là thời kỳ kết tinh rõ ràng của những sự thực căn bản trên vùng đất này, và nhân dân V.N sẽ không né tránh *những sự thực đã hiển hiện từ một dĩ vãng đầy máu thuẫn*, bởi vì sẽ không có bàn đạp vững chãi nào khác hơn cho lịch sử V.N. khai triển trong tương lai ngoài những sự thực này. Trong quan điểm lịch sử, có thể coi những lắng đọng đầu tiên này của sự thực V.N. như một thành quả tích cực nhất được phát hiện từ những năm chiến tranh phân hóa vừa qua; mặc dầu nó sẽ còn được tiếp tục gạn lọc thêm nữa trước khi trở nên một đường hướng thống nhất hơn, hay một ý nghĩa thuần-khiết hơn cho bước tiến dân tộc, trong hiện tại nó cũng đã cho thấy rằng dân tộc Việt *tham thiết cần tự do*, nhưng dân tộc này cũng *không thể sống không có danh dự*. Đây là then chốt của thảm kịch Việt Nam. Những thứ khác, —

Cộng-sản, Quốc-gia, v.v., — chỉ là danh từ, ít nữa là đối với viễn tượng lịch sử Việt từ những năm 1970... *Ở cả hai bên chiến tuyến, sự thực cần phải được lãnh hội*. Đó là con đường duy nhất để cho con máu lửa tan nát được chấm dứt.

Người Việt-nam không thích Cộng-sản, bằng chứng là cuộc di cư lớn lao năm 1954, bằng chứng nữa là các vận động Cộng-sản tại V.N chưa bao giờ tự nhận là Cộng-sản. Đó là niềm hy vọng và cũng là điều tin tưởng ở Nam V.N. Nhưng, mặt khác, những người đã từ bỏ quê hương miền Bắc vào Nam chắc chắn cũng không phải là để nghe ông Mansfield nhận xét rằng thủ đô miền Nam là một ổ điểm! Xét riêng trong nội bộ miền Nam, những khúc mắc chung quanh thực trạng phức tạp này đã là yếu tố chính tạo nên những cơn lốc lương tâm Việt-nam, được thể hiện bằng những chấn động và phân ly chính trị dưới nhiều màu sắc, nhất là từ sau 1963.

Trong khuôn khổ sự phân định mới những biên thù ảnh hưởng giữa các cường quốc trên toàn thế giới, với kinh nghiệm của một cuộc chiến nhiều hy sinh dũng liệt nhưng không có chiến thắng, giai đoạn đang tới sẽ là giai đoạn người Việt đối diện với sự thực của đất nước mình, và huy động một nỗ lực mới để hành động thích ứng, đặt quê hương trên một phương hướng triển khai phù hợp với nhu cầu dân tộc và với điều kiện quốc tế hơn. Trên căn bản này, chúng ta sẽ tìm ra nội dung của sự tự cường, sẽ giải quyết vấn đề thế chế cho từng giai đoạn. Trên căn bản này, tự cường sẽ không hẳn có nghĩa là củng cố sức mạnh của mình để đối phó hay để tràn ngập một đối phương, mà *thiết yếu là để có khả năng thực hiện một nội dung xã hội tiến bộ, có sinh lực, và do đó có đầy đủ viễn tượng mở rộng cho sự hóa giải những thành phần đối địch, cho sự hội nhập của các thành phần khác nhau trong một chính nghĩa đã được gạn lọc và tổng hợp qua một quá trình phân hóa, mâu thuẫn, tranh chấp*. Có thể nói, trong viễn tượng đường dẫn này, tự cường sẽ có nghĩa là chạy đua để đạt đến *một chính nghĩa chung*, chính nghĩa của một dân tộc muốn sống trong tự do và danh dự. Khi chính nghĩa này đã được thiết lập, tạo nên một hình ảnh quốc gia xứng đáng trước mắt quốc tế, thì với lãnh đạo khéo, sự thịnh vượng sẽ đến dễ dàng, trong bối cảnh quốc tế liên hệ đến Đông Nam Á ngày nay. Cũng có thể nói vấn đề trọng

tâm đối với chủ nghĩa dân tộc Việt Nam từ gần 30 năm nay cũng chỉ là làm sao tiến triển trong chiều hướng đó, nhưng vấn đề đã không thể được quan niệm rõ ràng trong quá khứ, một phần lớn cũng vì guồng máy chính trị quốc tế đã ảnh hưởng quá mạnh trên vùng đất này ngay tiếp theo sau thế chiến, vào lúc cuộc vận động giải thực trên thế giới thứ ba đang ở vào cao trào của nó; sự phân ly nội tại giữa người Việt với người Việt ngay từ buổi đầu của vận động giải thực tại V.N... cộng với những chấn động của chính trị quốc tế trong giai đoạn thử thách chưa phân định, được thế giới biết đến dưới tên gọi « chiến tranh lạnh » và được người Pháp tận dụng trong thời kỳ đầu để tiến hành cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa, cả hai yếu tố đó đã góp phần xóa mờ con đường nguyên thủy của dân tộc Việt cũng như đã đào sâu thêm sự phân ly giữa những người Việt. Về sau này, trong một vài dịp, khi chiến tranh lạnh trên thế giới đã đi vào giai đoạn kết tinh và lắng dịu, nhưng tại V.N thì lại dậy lên một đợt tương tàn và hy sinh không nhìn thấy lối thoát, trong những dịp đó lương tâm dân tộc đã bùng lên thành một ý thức lẻ loi và sớm tắt nhưng cũng đủ để cho người Việt tự vấn và dò tìm lại được một đoạn đường dĩ vãng đã mờ, một tương lai cần thiết phải đạt. Đó phải chăng là ý nghĩa thực sự và tích cực nhất mà người ta có thể nhìn thấy đằng sau những biến động miền Trung 1966, hoặc những biểu ngữ trong ngày Phật đản năm nay, như : « Dân tộc còn đau khổ, Phật tử còn trách nhiệm ».. ?

Như vậy, tự cường trước hết là để không bị cưỡng chế, dù sự cưỡng chế phát xuất từ phía nào; nhưng tự cường muốn có nội dung dài hạn và giá trị chiến lược, thì thiết yếu phải nhằm tạo cho được môi trường mà nhân dân đã từ lâu mong đợi, phải tiếp tục con đường dân tộc đã bị xóa mờ hoặc đánh lạc hướng bởi nhiều năm phân ly nội tại và can thiệp quốc tế. Chính nghĩa sẽ đương nhiên hiện diện về phía những ai tiến bước trên con đường này, trong khi áp lực quốc tế sẽ giảm thiểu, bởi vì quốc tế đã tìm ra quân binh mới, quốc tế đã mệt mỏi, và quốc tế đang muốn nói với chúng ta : « Các anh muốn gì ? Hãy làm đi. » Tất cả những vấn đề hiện tại ở Nam V.N đều chỉ có thể được quan niệm một cách đứng đắn trong khuôn khổ trên mà thôi, từ việc tập hợp chính trị, đấu tranh chính trị, đến giải pháp

tối hậu cho miền Nam, và ngay cả viễn tượng tái thống nhất đất nước cũng chỉ là cánh cửa lịch sử mở ra ở đầu kia con đường *tự cường trong sự thực* này mà thôi. Vấn đề thế chế chỉ còn là vấn đề tìm những hình thức giải đoạn cho một nội dung chính trị đang biến chuyển nhưng đã được nhìn thấy trong một quan niệm *động*. Nó sẽ đương nhiên được giải quyết theo các trọng lượng. Chúng ta chỉ hi vọng thêm một điều là việc giải quyết sẽ được hướng dẫn, soi sáng bởi ý thức dân tộc. Dưới ánh sáng này, tất cả vấn đề nội bộ ở Nam V.N. trong sự phân tích và giản lược cuối cùng, là việc gây dựng điều kiện cho một *chuyển hóa nội tại*, trong có sự lãnh hội sự thực lịch sử bao hàm việc hội nhập những ý sống cũng như những phản ứng phân ly vào trong một cuộc *thi đua nội-dung-hóa một chủ nghĩa dân tộc*. Từ đó sẽ hiện diện điều mà người ta đã có thói quen thích gọi là chính nghĩa, từ đó sẽ đẩy men lên được một yếu tố và một thành phần tổng hợp có tác dụng giải hóa. Trong một cơ duyên nào đó, cánh cửa thống nhất dân tộc sẽ mở ra như đoạn kết của một bi kịch, như một thành quả lịch sử đáng kể nhất của Việt Nam phần cuối thế kỷ 20,

Với tự cường đúng nghĩa, chính nghĩa sẽ là chính nghĩa, tại Miền Nam. Với cái chính nghĩa đã đạt được qua sự hội nhập lịch sử, một chính nghĩa có thực chất và bền vững bởi đã kết tinh từ căn bản bền vững và thiết thực nhất tức là ý sống của dân tộc, với một chính nghĩa như thế miền Nam sẽ có đủ uy thế và thuận tiện lịch sử để xử lý, điều động các vấn đề liên hệ giữa Nam và Bắc V.N. trong một viễn tượng dân tộc có tính chất thực tiễn và ít biệt lập hơn. Điều này đã không hề được quan niệm trước đây, tệ hơn, đã bị tránh né, cũng bởi vì miền Nam chưa hề có thực chất và thế lực, miền Nam từ sau Genève 1954 đã luôn luôn ở trong thế tự vệ bị động, và vì những tương quan trong quốc tế trước đây chưa cho phép. Trong giai đoạn trước, hệ thống tương quan quốc tế đã được thể hiện trên vùng Đông-dương qua những chấn động tương tranh, và do đó đã thúc đẩy các thành phần Việt-nam tiến bước trong những phương hướng hoàn toàn đối nghịch; trong những điều kiện mới đang thành hình trước mắt, tinh thần dân tộc nếu được điều động sẽ có thể tìm được những giống trời chảy và khai

triển tương đối đồng qui hơn. Đây là một cơ hội lịch sử mà người Việt phải ý thức kịp thời, và phải được quan niệm rõ ràng hơn để có thể góp phần tạo nên cho lịch sử Việt một khúc quanh đúng hướng tốt đẹp, nhân những cơ hội có thể nói là hiếm hoi trong quá trình những ảnh hưởng ngoại nhân trên vùng đất này. Chúng ta có thể dùng hai tiếng « cơ hội », bởi vì không có những điều kiện quốc tế thuận tiện thì mọi cố gắng triển khai ý muốn dân tộc khó thành tựu được như ý muốn khởi đầu, bằng chứng là đã có những người lãnh-đạo Việt-nam đã phải chết vì thử bước trên những nẻo đường dân tộc trong những điều kiện quốc tế « không thuận tiện ». Bây giờ, với những chấn động quốc tế tương đối thuận lợi, với nỗ lực tự cường đúng hướng tại miền Nam, những người Việt ở đây sẽ có thể — và có bổn phận — đào sâu vào một quan niệm mới về tương quan giữa hai miền Nam-Bắc. Mặc dầu sự phân chia lãnh thổ vẫn phải còn tiếp tục trong một thời gian trước khi hội đủ thêm một số điều kiện nhân sự và hoàn cảnh để tiến đến thống nhất, mục tiêu chính yếu trong dài hạn đối với mọi người Việt chắc chắn vẫn phải là sự thống nhất đất nước ; đó là nhiệm vụ to lớn và đáng kể nhất mà người Việt phải hoàn thành trong một tương lai không quá xa ; và nếu những người Việt-nam đã dính liu vào lịch sử Việt trong mấy mươi năm qua mà không làm được, vì quá nhiều lý do, thì nhiệm vụ thống nhất sẽ được đảm nhiệm bởi những người Việt trẻ hơn dù muốn dù không sắp phải xây dựng lịch sử. Nhưng, điều cần lưu tâm ngay từ bây giờ, là phải sử dụng cơ hội cho phép những vận động dân tộc đồng qui, để xóa bỏ dần những cách trở giữa hai phần đất nước và dân tộc đã bị phân ly một cách bất thường. Với từ-ngữ chính trị và ngoại giao, người ta có thể gọi những chuẩn bị này là sự « sống chung hòa bình », là sự « bình thường hóa », là « tái lập quan hệ bình thường » v.v... Trong căn bản, đối với những người Việt không Cộng-sản, thực ra đây chỉ là một vấn đề quan niệm chính xác trước lương tâm, và, do đó, một vấn đề tự tin. Bởi vì, nếu, sau cuộc chiến, miền Nam đã có đủ ý thức và thực chất để quan niệm và thể hiện sự tự cường như là một nỗ lực để giải quyết một tình trạng xã hội, và cuộc đấu tranh chính trị như một thi đua để đem lại cho chủ nghĩa dân tộc một nội dung xác thực và đúng đắn, thì cái gọi là « bình thường hóa » tương quan giữa hai miền

Nam-Bắc chẳng qua chỉ là sự nối dài của một thái-độ căn-bản đã được-xác-định ở miền Nam, và cũng là những bước đầu êm ái tiến đến một trắc-nghiệm, một chọn lựa tối-hậu của dân-tộc. Cuộc thi đua sau cuộc chiến tại miền Nam để làm sáng tỏ chính nghĩa tự-do và dân-tộc, một khi được thể-hiện thành tự, đương nhiên cũng sẽ phát-sinh một thi đua, một thử thách gián-tiếp giữa Nam và Bắc V.N. Vì thế, việc bình-thường hóa tương quan Nam-Bắc sẽ là một bằng chứng tự tin của miền Nam đối với chính mình; nó sẽ không bao giờ được nghĩ đến bao lâu miền Nam tự thấy chưa có đủ thực-chất, như đã được thấy trong quá-khứ. Nó cũng sẽ là một bằng chứng của tình dân-tộc thiết tha giữa những người Việt, biết soi chiếu những vấn-đề nội-tại trước lương tâm, và biết dựa theo những điều-kiện khách-quan để chuyển dần những phân-ly lịch-sử trở về trên những nẻo triển-khai có viễn tượng hóa-giải và tổng-hợp.

Những tương-quan đối-ngoại từ đây cũng cần được quan-niệm theo tiến-triển của bối cảnh quốc-tế, và theo nhu-cầu củng cố thực-thể dân-tộc, tức là hai yếu-tố căn-bản và liên-hệ với nhau hết sức chặt chẽ đã xen lẫn nhau tạo nên một bộ mặt chính-trị rối rắm lộn xộn tại miền Nam mỗi khi có sự mất quân-bình, hoặc thiếu phân định chính xác giữa hai yếu-tố đó. Chẳng hạn, khi tất cả chính-sách miền Nam là « chống Cộng » cùng với Mỹ, mà đồng thời lại không biết củng cố thực-thể dân-tộc để dần dần tìm đạt được một giải-pháp Việt-nam đối diện với Cộng-sản Việt-nam, thì tức là đã tự ký-sinh vào khuôn khổ quốc-tế và bỏ trống hần căn-bản thiết-yếu kia, tức vấn-đề kết-tinh và triển khai dân-tộc. Kết-quả tất nhiên là Cộng-sản vẫn còn là một vấn-đề nguyên vẹn tại đây, mà miền Nam cũng chẳng mấy hài lòng với đồng-minh Mỹ, và nhất là thỉnh-thoảng lại có một lãnh-tự miền Nam lên tiếng chỉ trích đồng-minh của mình trong một cơn hờn dỗi ngắn, như những vùng vàng dành độc-lập (sursauts d'indépendance...). Ngược lại, trong những trường-hợp muốn đổi hướng về một kết-kinh hay thỏa-hiệp cho một giải-pháp Việt-nam dựa trên dân-tộc, giữa lúc quốc-tế chưa đi đến cùng một kết-luận, thì kết-quả là ý muốn kết-tinh đã quá trễ, và những người chủ-xướng đã bị quốc-tế loại khỏi bài-toán V.N. Đó là một vài hình ảnh của trò chơi quốc-tế tại V.N. cho thấy tất cả sự khó khăn của lãnh-đạo trên một vùng đất mà sự phát-triển và sống còn

thiết yếu dựa trên sự quân bình thực tiễn. Cơ cấu can thiệp quốc tế đều có tác dụng của nó trên cả hai miền V.N. nhưng miền Nam bị khuynh đảo nặng nề bởi chưa hề thoát khỏi tình trạng ký sinh, nghĩa là chưa thiết lập được tương quan quân bình giữa cơ cấu yểm trợ quốc tế và nội lực dân tộc. Cho nên, trong tương lai, điều quan trọng là miền Nam phải thanh toán được tình trạng ký sinh này. Đây là vấn đề danh dự then chốt ở miền Nam, và cũng là khởi điểm tiên quyết cho mọi vận động thống nhất dân tộc.

Viễn tượng thực tế cho thấy vùng Đông dương sẽ còn là vùng trách nhiệm của những cường quốc đã tạo nên hiệp định Genève 1954: người Mỹ đã một mình tiến sâu vào vùng này từ khuôn khổ nói trên, và người Mỹ cũng chỉ có thể rút lui sau khi đã tìm được một công thức nhất quán cho khuôn khổ quốc tế đó. Định mệnh địa lý và lịch sử của Đông dương là như thế: những đợt sóng quốc tế giao thoa chuyển động không ngừng, tạo nên những phong trào và ý niệm tại địa phương, tạo nên cả máu lửa và những cơn trốt ý thức mịt mù bí hiểm. Nhưng đáng kể là người Việt đã và sẽ còn tồn tại qua những cơn lốc giao thoa đó, và vấn đề chính yếu qua lịch sử Việt là làm thế nào để xác định được một công thức quân bình cho thực thể dân tộc qua những giao thoa đó. Từ căn bản này, ý thức thực tiễn của dân tộc chắc chắn sẽ tìm được những lập trường và thái độ đối ngoại thích ứng sau cuộc chiến. Một chế độ đã hội nhập được sự thực lịch sử sẽ định liệu được những liên lạc ngoại giao tiến bộ cần thiết, và định liệu cả cơ cấu yểm trợ quốc tế cho các quốc gia trong Đông dương cũ. Người Việt sẽ hiểu rằng sự tự cường đôi khi đi đôi với khả năng làm một « bạn đồng hành tốt », rằng tình trạng mất quân bình không phải là một điều có thể được tiếp diễn vô hạn định, và nhất là hiểu rằng, trong hiện trạng, quân bình V.N chỉ có thể thiết lập được trong quân bình quốc tế. Đó là tất cả môi trường cho vận động dân tộc Việt. Hiểu như thế rồi, thì mọi hình thức qui chế đều có thể được cứu xét không mặc cảm, và, trước tương lai tiến triển không ngừng, vấn đề danh xưng sẽ trở nên thứ yếu.

Trụ trung, những phân hóa và sắt máu khốc liệt đã kết dệt nên thảm kịch V.N từ buổi đầu của cuộc vận động giải thực đến nay chỉ có thể hiểu được, và chỉ có thể hình

dung được một lối thoát chuyển tiếp, khi được đem chiếu soi trước lương tâm dân tộc và trước cơ cấu quốc tế luôn luôn là một khuôn khổ bó buộc trong đó trôi chảy những vận động của dân tộc Việt, kể từ hiệp ước Pháp-Hoa 1885. Trước lối duyệt xét triệt để này, thì giản lược cuối cùng của vấn đề Việt-nam dựa trên hai khía cạnh chính: sự xử lý đối với chính mình, và sự điều động tương quan đối với người. Từ đó mới đặt thành loại vấn đề giữa người Việt với người Việt, tại Nam V.N, và đối với Bắc V.N; và vấn đề giữa người Việt với khuôn khổ quốc tế, tức các cường quốc liên hệ. Sự phân định rõ rệt này đưa đến những quan niệm giải pháp ba giai đoạn, ba bình diện, ba diễn đàn, mà những người ngoại quốc liên hệ đã đưa ra rất mạch lạc, như các ông Kissinger, Jean Lacouture (trong quyển « *Le Viet-nam entre deux paix*, » 1965). Tại sao những người V.N chưa chịu nhìn thấy? Hay tại vì dĩ vãng đã quá nặng nề trên vai những người ở Bắc Việt, quyền lợi đã quá dày ở Nam Việt? Vì người Việt lười biếng tron hèn, hay vì người Việt chỉ có thể quan niệm sau quốc tế? Hay chỉ vì V.N có quá nhiều « hào kiệt »?...

Dẫu sao, sự tiến hóa vẫn là một tất yếu của lịch sử, và trong viễn tượng tiến hóa đó, chúng ta có thể xác tín: con đường mạch lạc đúng hướng trước mặt chúng ta phải là con đường xây dựng thực chất và tự cường từ bên trong, khéo léo và thực tiễn đối với bên ngoài, và, sau đó, tình dân tộc sẽ mở một cánh cửa đi vào tương lai.

Giờ của sự thực đã đến... Chúng tôi nghĩ thêm: giờ phút của sự thực lịch sử là giờ phút cần sự hiện diện của rất nhiều khuôn mặt. Miễn là những khuôn mặt đó đã hoặc sẽ góp phần kết tinh nên sự thực, và làm sáng tỏ sự thực cho sự triển khai lịch sử của những thế hệ đến sau.

nguyễn trần kiem

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

tiếp theo

Con người Trầm khô như sau một cơn sốt, tê cứng ứ đọng. Người đàn ông bỏ thế ngồi xồm, ấn cùi tay vào giữa hai đùi nâng chiếc cảm-chê-dôi lên. Trầm vẫn ngay đơ như một phỗng. Khi Chu làm cho người nàng ngã nhào trên sàn ván, nàng có cảm tưởng chàng vừa xô đổ một cỗ tượng. Nàng hững hờ lướt mắt trên hàng chữ lớn một tờ báo đăng tải tin tức quân lính Đại Hàn đổ bộ sang Việt Nam sáng qua. Nàng thoáng tự hỏi lính Đại Hàn sang đây có mang theo Cao-ly-sâm không? Chu cào cẩu một nửa ngực nàng đau như gấu cắn. Ồ... phải mang thêm một lớp mút lót ngực nữa làm giáp che thân. Nàng nằm yên như một khúc chuối chưa trôi sông, không cảm thấy một tia khoái lạc len lên miền khao khát, không có một mạch nước ngầm rỉ xuống trũng sung sướng. Không phải là một thứ nước bề trắng sữa tiêm vào thân thể... như thường, như thường; từng tảng thịt không hề cảm thấy ngon, thấy béo và thấy bở... như thường, như thường, đứng vững như bánh chưng chưa bóc. Giây phút thần tiên của chót vót khoái lạc chỉ là sự tuyên truyền nhầy nhụa của những sách dạy về tình dục. Chu nằm ngửa ra xuôi tay xuôi chân như người vừa qua một cơn giải phẫu, như chỉ còn một heo hút hơi tàn không đủ giết chết con muỗi vo ve bay qua. Trầm lồm cồm ngồi dậy chải tóc, vuốt áo, gài nút, sửa chéo quần đi bách bộ trong phòng. Chu vì gác xép vẫn bề ngang chín bước, bề dài mười một bước. Vách nhà đóng bằng gỗ mỏng phải dán tấm bìa cứng

để ngăn hơi trời luồn qua. Tiếng rao hàng dưới đất cất lên nghe không rõ thức ăn gì. Xe kem rẽ tiền đi qua rung chuông để nhận nhất. Ăn kem còn mát miệng, giấc ngủ sinh lý không ra mùi vị gì cả. Không phải là đắng, không phải là chua, chẳng cay như quế, cũng chẳng lạt như cơm chan nước rau để ăn với quả cà.

— Anh cần nhảy, tất cả vì em, và, tất cả nhờ em...

Chót lưỡi Chu le ra nhanh như con rắn học trò bò lên lá cỏ. Trầm lẩn quẩn nghĩ cây hồ người nghe chuyện ái tình ung thối có thẹn thù mà xếp mình chấp lá vào nhau hay là phải đợi đến sự đụng chạm. Con chim sẻ nhỏ có chịu làm tổ trên mái ngói bình khang hay là phải lựa chọn mái nhà gia giáo.

— Anh là một thằng đại bịp.

— Đừng nói xàm anh đánh chết.

— Tôi nghèo rồi...

Như mũi kim chích vào tay chảy ba giọt máu, như lúc ngồi già ọt tõi pha nước mắm chua ngọt bị bắn một tí vào mắt vội kéo mái tóc xuống chùi chùi, Trầm xoắn xang nghĩ rằng Chu không phải là một tên bịp mà rất thành thật với nàng.

Trầm từ từ nghĩ đến chuyện trở lại Huế.

Trầm nhớ lại buổi tối đối diện với Cỏ May đề ngày mai đi. Đêm như rơi từng canh rơi, từng canh khô bằng bành, Trầm ngồi như đông lạnh trước bàn viết một tay đề lên cuốn truyện Kiều — Nguyễn Du, một tay chống nghiêng nâng cảm và ngâm kêu nhỏ: Kiều ơi, mình cũng đau khổ ngất ngư như Kiều vậy, kiếp mình cũng bạc như kiếp Kiều vậy. Đời nát ra như cháo lỏng mà càng kêu than thì cuộc hồng nhan càng thắt chặt trên niềm đau khổ tròn mê mê tội lỗi, phải không Kiều, phải không chị? Chị vì ngón đàn tung tung mà đoạn trường, mình vì viết lách lãng quăng mà đa truân. Mình và Kiều cùng nõi khổ với nhau: Kiều là một nghệ sĩ trình diễn, mình là một nghệ sĩ sáng tạo... Ngày mai mình đi Saigon lánh nạn, lánh một tâm nạn... Vé máy bay đã mua rồi, Cỏ May đã đến ngủ lại đề đưa tiễn rồi... Vậy Kiều cho mình xin một ý kiến, xin một câu, xin một lời chỉ dẫn nhé! nhé! Trầm nhắm mắt, mở sách ra, dí ngón tay trở vào hai câu lục bát:

Sự đời đã tắt lửa lòng

Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi...

Trầm từ từ nghĩ đến chuyện trở lại Huế.

Bề ngang năm thước, bề dài bảy thước, căn phòng ngủ mê hoặc ngăn-nấp như chiếc hộp lớn nhất Trầm lại, nàng đi lui đi tới đo khắp chu-vi trong con túng-quần tinh-thần dồn nén. Trầm nghĩ nếu bây giờ mình co-dò chạy quanh phòng một vòng chắc là mệt. Trong những đêm tối, gian phòng là ly cà-phê đen và Trầm đi lui đi tới là chiếc thìa khuấy qua khuấy lại. Bức vẽ truyền-chân của nàng treo trên tường có bối cảnh một màu thịt bò cuồng nộ sần-si. Không nuôi một con chó ở với mình cho có bạn. Nỗi cô-đơn khô-khốc, hừng hực bức bối, nỗi cô đơn rang dòn khiến Trầm nghĩ đến mấy người hùng của chuyện kiếm hiệp thường có một lúc ba bốn vợ đẹp. Đa thê thế thì thôi, mình đây một lấy một mà không được. Những áo gối, khăn phủ bàn, nệm trải giường hôm nay thay màu trắng trông bệch bạc như màu bệnh-viện. Trầm mở tủ lạnh cầm miếng thịt bò khô đưa lên miệng nhai ăn. Có tiếng gõ cửa, Trầm mặc kệ không mở, không mời, không tiếp, không nói, không cười, không nhìn ai hết. Từ hôm trở lại Huế, Trầm cài then cửa trốn trong nhà, núp kín, lặn chìm tung tích. Tiếng gõ cửa tiếp theo, Trầm hắt ra tiếng cười nhẹ cúi xuống cầm củ cà-rốt gọt vỏ ăn sống. Củ cà-rốt ngon như màu son mandarine Trầm vẫn thường bôi môi. Trầm quẹt diêm châm cháy đèn thuốc trắng phau và vì mình như cái môi lửa cháy bùng và cháy ngầm khi những cuộc truy-hoan lướt tới từng cuộn dài...

Trời rất mát, lá khế lẫn-tần gợn gió reo mừng trong con vui nhỏ. Trầm đốt dở một điếu Salem nữa và nghiệm thấy có một bờ khao khát nào đó vỡ vụn bắn tung và tỉnh cảm thì ùn-ùn như khói nấu cơm chiều. Trầm lắc đầu, làm một phép yoga rồi vào buồng tắm lấy hết áo quần dơ bẩn đem ra giếng giặt rửa. Phoi xong vào nhà nhìn mặt đồng hồ ở con số 12. Ngày đã qua hết một nửa và buổi chiều rồi cũng vô vị như buổi sáng. Nàng cầm cà-mèn leo tường nhảy ra ngoài đi mua bánh khoai về ăn. Ngủ trưa dậy coi xong tờ báo là bốn giờ chẵn. Đi ra đi đi vào hát vài câu nằm vật xuống nệm xem sách thì trời đã chạng vạng. Một ngày sắp rồi ra khỏi tương lai. Tương lai là khối thời gian còn đề trắng. Ngày của nàng là như vậy và đêm của nàng là ngủ. Một thân, một phận, một mình. Ngày nào ngày ấy đều đặn sắp xếp thành chồng trước mặt. Trầm muốn lắc mạnh cái đầu cho gậy quách cái cổ.

Trầm bước ra cửa ngõ đón mưa trùng vọt lộn từ Bãi dầu lên bán thành phố.

— Trầm.

Người đàn ông đỡ xe đạp chống một chân xuống đất thốt kêu cái tên nghe nhẹ như đám bụi mỏng. Trầm muốn nhảy lên một cái như cô hàng sữa của La-Fontaine.

— Ui chào! Trời ơi... Anh Trương.

— Nghe tin Trầm trở về... lần nào đến tìm cũng cửa đóng then cài... làm gì mà biến mà lặn tãi thế?

— Tìm tui mà làm chi! Tui như cái tấm xà răng, xà rồi vứt đi, mỗi lần quét nhà, quét cả cái tấm.

— Có phải tại Trương đã làm Trầm bỏ đi?

Đột nhiên nổi chán chương âm u cùng màu xám tâm tư loảng ra tan biến dần dần như ngọn đèn leo lét được khêu tim chợt sáng lóe, Trầm cảm thấy phấn khởi, vui mừng tới tấp.

— Khoan vào nhà đã anh Trương, đợi mua thêm vài cái trứng vịt lộn nữa mời anh thôi...

— Anh không thời đâu, đàn ông không khoái thời trứng vịt lộn.

— Trứng vịt lộn ở Bãi dầu ngon lắm, ấp bằng trấu, có khi ấp bằng hơi người nữa đấy.

Hai người khoan thai đi vào, Trương bảo Trầm rót ly nước lọc. Chàng cầm chén nước trong hai bàn tay trân trọng húp từng hớp nhỏ, hai mắt mở lớn tròn long lanh, thông minh như hai chiếc huy hiệu của tâm hồn và chàng có những lúc chớp mắt thật hơn hờ. Trương càng cười thì nụ cười càng trầm, càng lắng, bàng bạc bao nỗi cô đơn êm ả. Trầm dịu giọng lên tiếng:

— Bây giờ tôi không còn cô đơn nữa vì tôi không thêm đề ý, không lý đến. Tôi coi như là đã thoát ra ngoài cái sự đó rồi, nghĩa là như một kẻ vẫn đạp gai nhưng không thêm kêu đau nữa... À...à... lâu nay anh Trương có thường gặp Cô May không nhỉ?

Trương cười:

— Cô May ví như chim hồng chim học, còn thân này ví bằng con chích choè nó đậu cành chanh, bị thế nào được, ai cho gặp mà ham.

— Anh làm như hết thương Cô May từ lâu rồi.

— Có người chủ-trương rằng tình yêu đôi khi cũng như thù-

hận, tình yêu và thù-hận nhập vào nhau lẫn-lẫn lộn-lộn. Vậy thì, cô Trầm... mỗi tình cũng tựa như mỗi thù, ta nên mở chứ không nên cột, nên cởi chứ không nên thắt,.. Biết chưa?

— Anh đề tâm thù Cỗ May chắc? Xin can...

Tiếng nói của Trương chợt êm như tiếng lá trở mình:

— Chúng ta thừa sức đề hiểu nhau, nhưng, chúng ta không đủ sức yêu nhau... Tại sao vậy Trầm nhỉ?

Bàn tay Trương bịn-rịn bỏ tới áp nhẹ lên vai Trầm, Trầm hồn-hồn nhìn những sợi gân nổi trên tay người đàn ông tái mặt cười:

— Anh làm lạ như chớp.

Gió đầu đêm lao-xao quạt vào thân-thể mơn man Trầm làm nàng mát rười rượi như chiếc lá tằm sương bình-minh. Cái ý thức cụt ngủn, cái óc não khỗ sở căn-cối thường xuyên rút gọn nỗi vui giờ này đã hóa thành làn hơi bay đi. Trầm không còn co-quắp vì những suy-tư nghiệt-ngã, những ám ảnh trĩu nặng giờ này bên Trương, Trầm dễ chịu, Trầm mát dịu, Trầm dần nở như thau đậu xanh qua một đêm ngâm nước lạnh. Lòng người đàn-bà giờ đây là cánh bướm rộng-rãi, căng gió phàn-phật và mạch vui di-chuyển cuộn-cuộn hò ca. Chàng đứng đó, chàng đang được phóng-đại, trải lớn trên màn ảnh rộng; và, trước mặt chàng Trầm đây, Trầm thấp lè tè, bé lóc chóc, đang muốn nhón gót lên, đang muốn có chàng làm người yêu lớn để nhảy nhót, hót cồ bá vai... Trương thỉnh linh dang tay trùm trọn thân hình tươi rói, mát rượi của người đàn bà. Trầm ngộp thở đi, Trầm ươn người nói: anh Trương, ai cho phép em thay thế Cỗ May gọi anh bằng anh nhỉ? ô hay! con nhỏ Trầm sao may mắn quá nhỉ? ai cho phép may thay thế?... Ô hay! tại sao người đàn ông này lại ôm tôi, ép sát tôi, nén cứng tôi như nén giò thủ thập này?... Anh Trương, em như cảm thấy em đang biến từ hình thể to đến một hình thể nhỏ, em thu hẹp, em rút bé dần dần bằng con rấn thun để chun vào cổ chai. Còn anh, anh sống động quá, anh già dặn lịch duyệt như thêm một giáp tuổi để so sánh với em, em trẻ xuống, tươi non, tuổi ba mươi rớt rụng hết mười. Nụ cười người đàn ông càng trằm, và nụ cười trằm đó đặt lên hai môi Trầm, Trầm, Trầm... làn đàn bà dường thông minh lắm... bây giờ tôi thương em, tôi mê em điên khùng... Em hãy nhỏ xuống đi cho tôi lớn lên, cho tôi sờ m

được khuôn mặt tình yêu sần sùi có những chấm mụn đã thành tình không thể nặn ra hết mủ độc được. Em hãy hiền lành, hãy ngoan ngoãn như mèo mun mèo mướp, hãy nói với tôi những lời ngọt như cảm thảo. Đây là lần thứ ba bàn tay tôi mó tới khối hôn mê hạnh phúc và hạnh phúc phải chăng là một máy xay vùn vụt quay với tốc độ gió, cuốn theo vô số mảnh vụn của thực chất đam mê bề tan ra.

Hoàng hôn như một cơn mê và lòng Trầm êm lắng như mặt hồ sen Thành nội. Trương và Trầm cũng đứng bên chiếc ghế, Trầm bốp nhẹ bàn tay Trương nói:

— Cỗ May đi chơi với Lê Hùng thăm thiết lăm rồi, chính miệng mấy con em mắc dịch của nó tố cáo với tôi.

Trầm chợt nhận thấy một tạ gạo cũng chưa nặng bằng cái cười nhếch mép của Trương.

— Thế thì chúng ta đủ sức yêu nhau rồi Trầm nhỉ?

Trương rủ Trầm ra ngoài cây nhãn ngồi chơi, Trương rủ Trầm xuống bến bách bộ. Trăng đi theo hai người sáng rõ và sao vắng rờn mảnh ghim lên màn trời lấp láy hoài không dứt. Dựa đầu trên vai Trương, Trầm ngó lên một chấm sao tím loang xa lắt lơ, nàng nghĩ rằng con sao kia đang ngáp, đang rung mình, đang mê hồn người và nàng nghĩ đến một tình yêu kiêu-hiệp. Hơi thở con sông diêu vợi, một mảnh trời sáng in xuống nước như tấm vương miện không-lở. Gió thổi lai vầy nhẹ tàu lá dừa, trời cao và trời cao lên yên tĩnh, Trầm kê đầu lên vai Trương giả dò ngủ gục. Bàn tay Trương sờ Trầm suốt mặt tiền thân thể.

Trầm đưa Trương ra tới cổng lớn đứng nhìn chàng đi khuất mới lững thững quay vào nhà ăn ba quả trứng vịt lộn thay thế buổi cơm tối. Đêm đó, Trầm nằm im như tượng, hồn như thoát ra ngoài người để nhìn mộng mị trôi về vớ vớ giấc ngủ gấm. Mười giờ sáng hôm sau Trương lại chơi mua cho nàng gói kẹo cau ruột trong như đường phên. Nhìn Trầm chồm chồm mút cực kẹo nhỏ, hai môi Trương gấn nụ cười ấm như hơi thuốc hỏi em đợi anh có lâu không? Có trông có ngóng có mong mỗi anh mau đến chơi không? Ồ không không... em không mong không ngóng ai hết. Khi em phải đợi chờ ai thì em bắt buộc em nên nghĩ rằng người đó không bao giờ có thể đến với em được. Trương búng tróc vào vành tai người đàn bà.

Họ đi cửa Thuận tắm nước mặn; ăn tôm luộc, cá nục luộc, đến chạng vạng Trương mới đánh xe đưa Trầm về tới nhà.

Trầm cúi nhặt mảnh giấy ai đến thăm không gặp đã vứt qua khe cửa : « Mi đã về mà tau không biết. Tau đến không gặp được mi. Ngày mai tau đến nữa coi mi ra rằng — Cỏ May ».

Trầm kéo tấm mền mỏng lên ngang cổ nằm cong người như con tôm. Nàng biết rằng đêm nay sẽ không an thần được khi những nỗi suy tư dằn vặt từng cơn nghiêng ngả thốn mạnh gặm rách giấc ngủ. Nàng lại nghe trong thâm tâm mình có tiếng cười khúc khích kéo dài thành chuỗi trườn tròn xoáy vào vùng trống chiếc bụng dỗi lên thành quách cao bộ ngực làm nên từng trảng hồi âm của một lớp dày tội lỗi. Trầm cảm nghe có một triệu nước nghịch hùng-hỗ chảy xoáy trong lưu-vực tình-cảm, Trầm cảm nghe có sự bủa vây của loài kiến vàng đang ri-rỉ cắn vào thung-lũng lương-tâm, Trầm cảm nghe những tiếng rit nhỏ của mấy hàm răng dư-luận. Nàng muốn trách móc mình nhưng quai hàm đã cứng, nàng muốn tát vào má mình nhưng bàn tay đang sốt tê-liệt: tội phần bội nặng trăm phần rồi. Tình yêu ăn cướp được lệ như tia chớp. Tội lỗi nặng từng tạ và tội nhân không thể tha thứ cho tội nhân được và tội nhân không xin được sự khoan hồng của ai cả. Cái thân thể này đã bao lần đầu thú dưới sức nặng của đàn-ông nhưng vẫn chưa thấm thấu được bài học đích đáng cuối-cùng, vẫn chưa trở thành được một thứ gả chọi của kỹ-tinh tử, vẫn tham yêu, vẫn thèm tình, vẫn dậy sóng nghịch-ngỗ, vẫn gào, vẫn hú, vẫn gây huyên náo cho xã-hội. Đam mê thì núi lửa, tình dục thì chói-chang, tham-vọng thì ngùn-ngụt và đói khát ái-ân như trẻ con ngứa răng bả ai cũng cắn. Thì ra Trầm vẫn còn một nắm thịt đỏ hồng treo trong lồng ngực mệnh danh là quả tim. Thì ra Trầm vẫn còn mơ một gian nhà bếp cho nàng làm bà lớn, một căn phòng ngủ màu hồng, một chiếc giường rộng cho mình nằm trong, cho người đàn ông nằm ngoài xem sách đọc báo đợi chờ giấc ngủ. Thì ra Trầm vẫn yêu Trương như 1 mối tình cuối kiếp... Trầm ngồi dậy té lịm trên giường hai con mắt ngập nước, nàng loáng-thoáng nghe một giải ngôn ngữ dư luận thất cổ : trên thân-thể con Trầm là cả trăm thằng đàn ông ! Lời buộc tội đáng như thuốc trụ-sinh và đúng như một con số... Vâng, thân thể tôi đã bao lần bị chiếm và đã bao lần bị tái chiếm nhưng tình yêu vẫn chưa ngửa cổ chịu

chết. Cuộc-sinh tử của tình yêu phải chăng là sự sống chết của chiếc đồng hồ : đồng-hồ chết thì lại lên giây-cót.

Bao nhiêu tội lỗi tôi đã làm cho tôi nhẹ hơn một tội lỗi tôi đã làm cho Cỏ May.

Trầm đứng lên bật đèn tình cờ nhìn vào bức ảnh nàng chụp chung cùng Cỏ May với chiếc périssoire 4 chèo trên bến đò Cồn. Hôm ấy Cỏ May mượn áo Cao-hồi, quần Jeans của Trầm đóng bộ chụp hình với nụ cười mạnh tiến, một tay chống nạnh, một tay gát lên vai Trầm. Lâu nay Trầm vẫn cười Cỏ May là xưa như đồ cổ, không mặc đồ đầm, không mặc đồ tây, chỉ mặc đồ dài... hôm nay mặc Jeans vào trông có vẻ cách mạng lắm lắm. Hai người vừa bơi thuyền vừa hát một bài ca tình cảm của Y Vân suốt từ Đập đá lên đến chùa Linh Mục rồi quay lộn lại Cerele để Trương đón đi ăn cơm Âm phủ. Đêm đó Cỏ May ngủ lại nhà bạn. Hai người nằm nói chuyện tào lao đến một giờ sáng khô cả nước miếng nước mồm ; đêm đó Cỏ May kêu hoài cái tên Trương, cái tên nàng sẽ dỗi lên đầu sau đám cưới, cái tên sẽ đem tặng nàng mối hạnh phúc chung thân... rồi Cỏ May lại xuýt xoa rằng tuy nhiên Trương chỉ là mối tình kẻ cuối, các con của nàng mới chính là tình cuối kiếp... Cỏ May trở mình kêu nhỏ : con của tau với Trương mới chính là...

Con của tau ! Con của tau !... Ba chữ đó lặp lại thành sáu chữ Trầm thật thương những đứa con gái sắc son tình thâm ý sâu : vừa mới yêu đã nghĩ đến bốn phận làm vợ, đám cưới chưa làm đã tính chuyện đẻ con. Tình tròn như quả bưởi và tình vàng như trái đu đủ, tình chung như con cua cái suốt đời mang yếm, tình trọn như tổ chim rột rột ngàn năm đeo mãi cái vôi.

Trầm nhớ là mình đã cười khi bóp tay bạn :

— Mi thì khur khur như ông Từ giữ oản, còn tau thì loay hoay chụp chụp bắt bắt... Chán quá !

Trầm chớp chớp mắt rời tấm ảnh ngó trừng trừng vào hiện tại. Trầm nghe từ cổ lồng mọc lên những lời nguyên rủa rét buốt cùng với bao nhiêu bọc giận bắn lên tung tóe mặc dầu nàng đã nhiều lần tự bào chữa : Vì Cỏ May đã là của Lê Hùng, cuộc móc nối giữa mình với Trương chỉ là một sự chuyển mục tâm thường. Nàng vùng vằng đốt một điều Salem làm bầm : Lương tâm đã táng tận tuyệt gốc rễ, tình bạn bây giờ chỉ còn tro lại cái bã trâu. Ồi ! Thánh thần sẽ vật cổ tôi ! Đói mắt Trầm ngán ngán ánh lệ, nàng

gục mặt hồi lâu rồi đứng dậy kéo học bàn moi ra hai viên thuốc an-thần cho vào miệng.

Cỏ May đập cửa ầm ầm và réo gọi tên Trầm rồi rít. Trầm vùng dậy miệng mở chát ngậm, tóc tai bu xù ra mở cửa bảo bạn ngồi chơi rồi đi đánh răng rửa mặt. Trầm mang hai cốc sữa lạnh đặt lên bàn bảo ;

— Hết cả cà-phê, uống sữa suông cho mập vậy.

Cỏ May xoắn-xít :

— Bộ mi ưng ai ở Saigon sao mà ở tịt trong vậy làm tau có đơn hết cỡ nói, dòm lui dòm tới tả hữu chỉ còn cái bản mặt dòn dác của Lê-Hùng...

Trầm nghĩ thầm : tau đang niệm Phật cho mày lấy Lê Hùng đây !...

Cỏ May láu táu :

— Mi đi Saigon có mua gì cho tau không ?

— Ôi ! Nhiều lắm, nhiều đồ nghề lắm lắm : hàng vải này, phấn son này... đủ để mi làm một cô dâu...

Đuôi mắt Trầm nheo cười cùng với chiếc miệng, Cỏ May u-uất nói nhỏ :

— Tau bây giờ chỉ muốn đòi tất cả để chuộc lại những ngày trong tù.

Giọt mưa rào rào nước nở trút xuống đầy chén linh hồn, nước mắt nào ràn-rụa thấm vào lưới mặt-mặt, loài cua nào suốt đời mang yếm giữ an-ninh bộ ngực, Trầm choáng váng nhận ra rằng Cỏ May vẫn còn nghĩ đến Trương với tất cả hỏa lực tiềm tàng của tình yêu cũ. Tình yêu dai như thù-hận. Tình yêu không phai của Cỏ May là vết nám trên mặt người con gái nào đó Trầm đã gặp khi đi đường. Lời nói của Cỏ May thốn mạnh vào tâm tư nàng đau điếng hẳn lên tình cảm những bầm tím khó phai pha. Trầm nghĩ ngẫm : có ai giúp mình niệm Phật cầu cho Cỏ May lấy quách Lê Hùng. Nàng nhọt-nhọt bảo bạn :

— Với người đang yêu mi hiện tại mi nên nghĩ cho chín... đừng vờn nhau nữa, đừng giỡn bóng với tình yêu nữa.

Cỏ May chồm lên :

— Ai ?

Trầm chăm chăm nghĩ đến Lê-Hùng.

— Ai nữa !

Cỏ May khẳng định :

— Tau hiện tại không có tình với ai cả.

— Có.

— Không.

Rồi Cỏ May cười xòa ;

— Kể bảo có người bảo không... Có có không không. Tình yêu hóa ra là sắc-sắc không-không... Khôi hài thật !

Trầm êm giọng :

— Mi cứ ưng làm kẻ chung tình nhất trên võ trời đất này. Đừng nghĩ đại mà thành diêm. Đưa mỏ mở miệng tuyên bố xàm đời em chỉ yêu có một người, đưa đó sẽ ế chồng...

Cỏ May lắc đầu :

— Hết sạch-sành-sanh rồi...

— Vẫn còn nhưng không được nguyên vẹn... vẫn tiếp tục yêu lại được, vẫn tiếp tục đòi mới được...

Cỏ May nhìn ngay ngắc vào mắt Trầm :

— Đạo này mi có gặp Trương không ?

— Có... anh ấy trông lúc nào cũng thung dung như Khương-Thượng câu cá... sốt ruột !

— Ủ, sốt ruột lắm !

túy hồng

(còn tiếp)

MẶC ĐỒ

« bloc - notes »

Tháng sáu 1969

● Những phát giác về cuộc khảo sát tài nguyên còn phong kín dưới lòng đất tại Miền Nam Việt Nam khiến cho những người thiết tha với đất nước này có thể mặc sức thả tưởng tượng bay vào một giấc mơ huy hoàng.

Trong khi hoàn cảnh chiến tranh và khả năng tài chính và kỹ thuật còn hạn hẹp chưa cho phép mở rộng toàn diện cuộc khảo sát, ta hãy tạm biết một viễn tượng là dung lượng khối dầu lửa của ta so sánh được với những quốc gia vào hàng phong phú nhất về phương diện này, tỷ như Nam Dương quần đảo.

Gia tài mà tổ tiên để lại cho chúng ta đất giá như vậy, trách nhiệm của những thế hệ hiện tại và tương lai đối với đất nước và dân tộc càng nặng nề, khó khăn. Trách nhiệm nặng và khó buộc mỗi con dân phải ý thức hơn nữa, cảnh giác hơn nữa, khôn ngoan hơn nữa, xứng đáng hơn nữa trong nhiệm vụ bảo vệ và tô điểm cho giang sơn này. Bởi hiện tại bản thủ đang dung dưỡng nhiều tham vọng mù quáng cá nhân mỗi người chúng ta đều cần nhắc cho nhau nhớ cái phận chung của từng hạt gạo, từng mảnh vụn tài nguyên thu hái được trên phần đất này. Nếu chúng ta không chung lưng góp sức, không nghĩ đến nhau, mạnh ai nấy « vờ », mạnh ai nấy « đớp » (1), chúng ta sẽ không thành một lực lượng tự cường, phần lớn công khó của tổ tiên chúng ta sẽ bị kẻ khác trước đoạt và chúng ta mãi mãi không ra khỏi cái cỏi bản thủ hiện tại. Mãi mãi

1. Hai động từ thông dụng của một nhóm người tự coi như tu tũ nhất nước.

chúng ta chỉ là một dân tộc già nua, kiêu hãnh nhắm với bốn ngàn năm văn hiến !

Làm trẻ lại dân tộc này với những phương tiện ta có thể tự tạo ấy nhờ khai thác tài nguyên quốc gia đã đành là không phải bằng những lời hô hào thống thiết mà bằng hành động tích cực. Hành động tích cực có thể hướng về hai mặt : bảo vệ và phát triển.

Đất nước đã là của chung, bảo vệ không phải là công việc của riêng chính quyền, toàn thể quốc dân — qua những cơ cấu dân chủ — có nhiệm vụ giám sát. Theo thể thức thông thường, các cơ cấu đại diện quốc dân có quyền thảo luận và biểu quyết ngân sách quốc gia. Công việc giám sát như vậy chưa đủ, nhất là trong trường hợp tương lai ngân sách quốc gia được tăng bội do những số lợi tức lớn mà các ngành khai thác tài nguyên đem lại. Cho tới nay kinh nghiệm ở nhiều quốc gia mới độc lập cho thấy các khoản ngoại viện, dù bị ngoại nhân kiểm soát, đã là đối tượng cho nhiều vụ hà lạm. Còn nói chỉ những ngân khoản có thể không lộ thuộc tài nguyên quốc gia, chính quyền có thể tự do sử dụng miễn là khéo léo đặt vào tiết mục ngân sách. Quốc Hội có khắt khe đến đâu cũng khó lòng bãi bỏ những khoản chi đồ sộ nếu thật tình khả năng ngân sách cho phép. Chúng ta không thể đề tái diễn tình trạng thê thảm như ở Á-rập Sêút nhờ nguồn lợi dầu lửa nhà vua xây cất dinh thự nguy nga trong khi dân chúng chui rúc trong những túp lều khổ cực. Chúng ta không thể đề tái diễn tình trạng thê thảm như ở Indônêsiá thời tổng thống « trợn đời » Su-các-nô ăn chơi thả cửa trong khi dân chúng sắp hàng dài mua giá đắt từng lít dầu hôi cây nhà lá vườn về đốt đèn, đun bếp. Đề bảo vệ gia tài của tổ tiên, bằng cách tài bồi ngay cho gia tài đó, có một sáng kiến mới lạ đối với các nhà lập pháp trên thế giới nhưng không phải không đáng chú ý : đó là một đạo luật đặc biệt quy định những ngân khoản thu được bằng việc khai thác tài nguyên quốc gia (hạn định một số tài nguyên đặc biệt nhiều lợi tức mà thôi) phải được dành riêng vào công cuộc đầu tư có tính cách rõ rệt khuếch trương tiềm lực quốc gia như những kế hoạch kỹ nghệ hóa, cải tiến nông nghiệp, phát triển giáo dục, đào tạo chuyên viên. Làm như vậy chúng ta sẽ không tiêu phí những gì chúng ta được thừa hưởng của tổ tiên. Lấy tài nguyên từ lòng đất lên ta lại dùng để bồi đắp cho mảnh đất này bằng những công nghiệp để lại cho mai sau.

● Trong tháng vừa qua bao nhiêu ồn ào nhân một câu nói in trên báo, câu nói có thể hiểu theo nghĩa rộng và có thể hiểu theo nghĩa hẹp, đã đem lại đầu đề bàn cãi cho một số những người làm văn học nghệ thuật ở Sài Gòn. Đó là vấn đề kinh nghiệm yêu thương.

Bàn cãi nhiều, nhưng ai nấy đều ngừng lại trước một định luật mà không một người đàn ông nào xứng đáng với danh nghĩa đó lại không nhìn nhận : tư cách của người đàn ông làm cái bóng mát che đỡ cho người đàn bà. Sống, anh tích lũy bao nhiêu là kinh nghiệm về đàn bà, nhưng anh không có quyền san sẻ kinh nghiệm của anh cho người khác vì mãi mãi cái đẹp phải là một khám phá cho những người ham đẹp. Thằng đàn ông nào hạ mình đi học khôn về đàn bà nơi những thằng đàn ông khác nó chỉ là một đồ tồi. Với lại đã chắc ai dạy khôn ai ! Anh đã làm ư ? Hãy cẩn rằng mà nhận những hậu quả nếu có, vì người đàn bà đã tặng anh kinh nghiệm đó đang ngồi kia đề xét nét anh, đề định giá anh. Nếu anh quả là một thứ từng quân một đời cho người nương tựa thì người đàn bà sẽ bội phục anh biết bao nhiêu, sẽ thấy anh đàn ông biết chừng nào và chắc chắn sẽ yêu anh hơn biết bao nhiêu. Nếu anh tầm thường đến độ san sẻ kinh nghiệm « đau xót » của anh, người đàn bà sẽ nhìn anh ra sao khi biết anh đã trả được hận bằng biện pháp hèn hạ nhất. Tương quan giữa người đàn bà và người đàn ông đâu có thể bắc lên cân như ra chợ mua cá, cũng không thể cân bằng như tương quan giữa đàn ông với đàn ông : ăn miếng trả miếng. Đó là một định luật bất công nhưng hết thấy những người đàn ông đều chấp nhận. Vì nó định nghĩa, định giá được cái vai trò đàn ông ở đời. Đáng yêu những người đàn ông lấy dĩ làm vợ mà tạo được cho vợ sự tin tưởng làm vợ, làm mẹ. Đáng buồn thay những người đàn ông đã coi người mình yêu tầm thường như một con dĩ !

● Tình cờ đọc được trong một số báo đã cũ. Có hai cái tên gọi chú ý : Barbra Streisand và Oriana Fallaci. Một người là cô đào đắt giá nhất hiện thời trên thị trường Hoa Kỳ và thế giới ; một người nổi tiếng vì những bài phỏng vấn trong đó sự thật nhảy chơi như những con cá trong lưới vừa kéo lên.

Barbra không phải là một cô đào với tất cả những công thức cần thiết nơi trình diễn cũng như ở ngoài đời. Là một diễn viên Barbra lại là một cô gái xấu — xấu thật, nếu ta quan niệm đẹp là cái gì làm cho mát con mắt — và công khai nhìn nhận rằng mình xấu. Không phải bây giờ, khi lên đến tột đỉnh danh vọng, khi *cachet* một đêm trình diễn là mười bảy ngàn đô la, giao kèo một cuốn phim xấp xỉ hai triệu đô la, cô đào này mới coi thường cái xấu của mình như vậy. Từ lâu trước, khi cô gái Do Thái mới bắt đầu nuôi mộng kiếm thật nhiều tiền. Vào đời trong một hoàn cảnh hết sức khiêm nhượng, Barbra đã từ chối lời khuyên nên học đánh máy và tốc ký cho thật giỏi vì nghĩ rằng một viên chức giỏi không giúp đạt được mộng. Muốn đạt được mộng phải thành một bà hoàng. Barbra Streisand thật sự đã thành một bà hoàng. Không biết bà hoàng sẽ giữ ngôi được bao lâu, nhưng với cái tính đó còn là bà hoàng hay không, Barbra sẽ mãi mãi không là một con người tầm thường.

Ít khi chúng ta được đọc một bài phỏng vấn tươi dỏi đến như thế, nhất là người bị phỏng vấn lại là một phụ nữ. Đặc biệt nữa là cái tài moi móc của cô phóng viên Ý Fallaci không có mấy dịp biểu lộ trong cuộc hội diện này. Cá tính bộc trực của cô đào Mỹ Do Thái không đợi phải gọi lên đã bật tung ra.

Xấu, ám ảnh kinh khủng của những cô gái, Barbra không coi đó là chuyện quan hệ. Tại sao không tới mỹ viện sửa cái mũi Cléopatre chồm chồm giữa mặt ? Tại hồi đó tôi không có tiền và tôi sợ đau. Cô gái nào mà không sợ đau, nhưng đau để mà đẹp thì vẫn ham, cá tính của Barbra ở đó. Barbra có kiêu hãnh nói thêm : Ai cũng khuyên tôi nên cho giải phẫu. Tôi từ chối. Rồi thì sao ? Kiểu mũi này bây giờ thành mốt. Không một phụ nữ nào thuộc loại đúng mốt không ao ước có cái mũi đó. Từ ngày tôi biết vậy... tôi cảm thấy giàu hơn. Sự kiêu hãnh có thể tha thứ được.

Lý thú nhất là chuyện ăn. Xưa kia Barbra nghèo, đến bây giờ giàu rồi vẫn thèm ăn, thích ăn, bất kể gầy béo. Barbra cho rằng ăn là cái thú trọn vẹn nhất đời, một cái thú thanh khiết, toàn diện, *gratuit*, không vương bận chuyện tâm trạng, thắc mắc tình cảm, vấn đề tri tuệ lồi thối. Cứ ăn và nuốt. Ngủ cũng thú nhưng không bằng ăn, vì chuyện ăn thỏa mãn cả năm giác quan. Răng nhai và chạm ròn rảng là một điệu nhạc. Ăn bất kể béo vì béo là hạnh phúc. Xưa Barbra gầy ốm, xương xẩu, từ ngày có ăn, béo ra, Barbra thấy đề

mê vui sướng. Béó thì có vấn đề ăn mặc, quần áo sao cho đẹp, nhưng Barbra tuyên bố bắt cần ăn mặc. Đối với Barbra tài nghệ không đủ, muốn thành công cần phải biết cái đối thế nào, có đối, có thêm : điều kiện của thành công. Cùng khổ, cá tính, thành công. Đó là Barbra Streisand. Đó cũng là đề tài suy nghĩ cho những người làm văn học, nghệ thuật.

mặc đồ

A. P. DE MANDIARGUES

lửa hồng

nguyên tác : Feu de braise. hoàng ngọc biên dịch

Florine đến nhà những người dân Ba Tây đang tổ chức một cuộc khiêu vũ, trong một tòa nhà rất cổ ở gần nhà thờ Saint-Sulpice. Những người đó, cô biết gì về họ ? Gần như chẳng biết gì cả, ngoài quốc tịch họ, như một tấm nhãn ghi nơi gửi dán trên những gói đồ, và còn biết được rằng họ chắc hẳn không quen nhiều người ở Paris lắm, bởi vì họ đã giao cho những người gác đàn công việc gửi các giấy mời, một cách rất đại khái, hình như vậy, trong khu phố.

Cầu thang theo hình xoáy ốc, trong một chuồng thang tròn, khá tối, chung quanh là những bức tường bày nhầy, không được sơn phết lại, dĩ nhiên, mà cũng chẳng được rửa sạch, từ hơn một trăm năm nay ; tuy nhiên tấm thảm màu đỏ, ở dưới những cây sắt mạ vàng giữ chặt nó trên những bậc thang, lại sáng rực chói chang, cái chói chang chỉ có nơi màu vẫn được gọi là màu « đỏ xưa », và thành cầu thang thì ấm tựa như người ta đã hơi nóng nó sẵn để cho người khác để bàn tay nắm vào. Khi bước đến Vòm trên cầu thang, Florine đã nghe tiếng khiêu vũ, và tiếng động đó càng lớn dần khi cô bước lên mỗi tầng. Thật đúng : cầu thang dài bất tận. Bao nhiêu lần cô đã đi vòng trong chuồng thang tròn tối mù, bao nhiêu đường xoáy ốc cô đã đi qua, cô tự hỏi như vậy, và không trả lời được. Cúi mình xuống, để đếm những chỗ đầu cầu thang, cô chỉ thấy một cái giếng đen và sâu « như thời gian », bởi vì ánh sáng, do một chiếc máy đồng hồ điện không thông thường lắm, tắt hẳn ở những tầng dưới, rồi sáng lên ở phía cao hơn, rồi thì cao hơn nữa, để theo chân

người khách. Tiếng các nhạc khí (ngoài một chiếc dương cầm tồi, chắc hẳn chỉ có kèn, trống, phèn la và xập xõa) dội lại trong chuông thang với một cường độ gần như khủng khiếp. Người ta cũng nghe những tiếng vỗ tay, dậm chân, những tiếng hát, tiếng cười và những tiếng la « han ! han ! » thích hợp với những người tiêu phu hoặc là những người thợ rèn hơn là các người khiêu vũ. Qua những cánh cửa lớn khép hờ, những người lảng giềng nhìn lên phía trên, với một thứ kinh hãi, nhưng vẫn không dám phản đối. Khi Florine đi ngang qua những cánh cửa đó, họ lánh vào, kéo cánh cửa vô một tí (nhưng không đóng hẳn lại), rồi khi cô đi qua khỏi, họ lại vừa mở cửa ra, vừa thì thầm nói nhỏ. « Hoặc là họ khen chiếc áo của ta, hoặc là họ tò mò đấy », Florine nghĩ vậy.

Thật ra, cô có một chiếc áo đẹp, chỉ hơi mỏng một tí và đề lộ chiếc thắt lưng thun và những sợi dây treo tất, màu đen dưới lớp satin da cam. Những chiếc tất, hơi hồng, không trông thấy rõ, cặp vú rất trắng, rung rung, không có đeo một thứ yếm lót nào. Mớ tóc bồng bềnh trên đôi vai óng ánh như bộ da rái. Florine cảm thấy vinh dự đi ngang trước những người không được mời dự khiêu vũ, những người xấu xí và vụng về, chắc vậy rồi, bởi vì, cùng ở trong tòa nhà của họ, mà người giặc dan đã quên họ mất. Cô đi vượt lên họ, bực thang này qua bực thang khác, với một dáng đi của bà hoàng hoặc của ngựa cái. Khi lên đến trên cùng, cô biết rõ cái vinh dự của mình và sự hủ lậu của những người kia đến nỗi cô bắt đầu nghĩ đến họ với ít nhiều thương hại. « Nếu họ van nài ta, cô tự nhủ, chắc là ta sẽ nói lại mấy người Ba Tây kia mời họ lên ».

Cánh cửa mở cho cô ngay khi cô bấm chuông, bởi vì sau cánh cửa có hai người làm, sẵn sàng tiếp khách khứa đi vào. Mặc áo veste màu trắng, đeo bao tay trắng, họ nghiêng mình chào cô, sẵn sàng xin lấy chiếc áo choàng mà cô không có mặc. Những người Ba Tây này, chắc chắn là thuộc vào đẳng cấp cao nhất trong xã hội, và người ta hiểu là đối với đám dân ở những tầng dưới họ chỉ biết có khinh bỉ thôi. Họ đề cho mấy người gác dan chọn lựa khách mời là cũng bởi họ muốn bay bướm bất thường, kiêu cách, luộm thuộm phiền phức, nghịch thường một cách tao nhã, thích làm khác người. Nhưng vẫn không quên căn dặn những người này

phải nghiêm nhặt, và chỉ mời những người thuộc hàng cao quý nhất. Dù là người đứng điệu, và lại sinh ra trong một xứ nhiệt đới, người ta cũng không mở cửa cho bất cứ ai đến, khi mà người ta có những người trông coi việc ra vào là những tên thuộc giống họ pháp như vậy.

Không có gì lạ về việc trần nhà thấp đến nỗi một người tầm vóc hơi cao hơn mức bình thường một tí cũng có thể đụng đến nó mà không phải cố gắng gì cả. Ta phải biết cam chịu, phải vậy chứ, khi ta muốn ở chỗ cao hơn hết trong một tòa nhà, khi ta cảm thấy muốn phát bệnh với cái ý nghĩ là có người, ngay cả người làm, bước hoặc ngủ ở trên đầu mình. Lại đúng điệu nữa. Vàng. « Và ta chắc chắn, Florine nghĩ, là họ đã bít lối đi ở tầng mái nhà, hoặc họ đã đặt ở đó những cái bẫy. »

Căn phòng, chắc hẳn là đã được mượn có sẵn đồ đạc, bởi vì bàn ghế của nó cũng tầm thường như ở nơi phòng đợi của một người chuyên cất chai chân, hoặc tại nhà một y sĩ chữa bệnh bằng suối nước. Những màu sắc của cái họa phẩm kiệt tác, chụp phóng lại một cách xấu xí, treo thành từng cặp trong những khung hình rất đẹp. Có một vài chiếc lá thốt nốt khô cắm trong những lọ bằng đồng đặt trên những chiếc đế ba chân bằng gỗ sáng, nhưng những đồ vật như vậy cũng không phải là không có nơi nhà những vị bác sĩ thông thường, và cái phong vị nước ngoài nơi những thứ đó cũng rất là tương đối, dù người ta vẫn có thể thấy chúng đề vào những chỗ tốt trong các tòa lãnh sự ở các nước xa. Florine, tuy nhiên, không thất vọng, vì cô không trông đợi gì ở những con vật đó. Cô chỉ liên hệ với buổi khiêu vũ. Khi hai người làm bỏ cô đứng đó và sắp hàng bất động đối diện nhau, ở hai bên cửa lớn, cô để họ người này đứng nhìn trông mắt người kia (hoặc trong mắt bóng những chiếc nút áo veste của họ), và cô đi về phía có tiếng ồn một cách quả quyết. Tiếng ầm ầm dội vào tai cô khi cô bước vào căn phòng người ta đang khiêu vũ.

Đó chỉ là hai căn phòng, đúng hơn là một phòng khách, hai căn phòng mà người ta lấy đề làm một hành lang hẹp bằng cách hạ bức vách mới đây còn ngăn hai phòng, và dấu vết bức tường bị phá đi còn hiện rõ dưới lớp giấy màu sáng, được sửa lại một cách vụng về. Nhiều chiếc ghế chất đống, trong một góc, chân đưa lên trời, giống như một cái máy nhà nông hoặc một khí giới đánh nhau

xưa. Các nhạc sĩ, bên cạnh đàn dương cầm, đều treo lên một cái tủ có ngăn lớn; ngồi xôm dưới trần nhà như những đàn khỉ, họ đập vào chiếc tủ bầu phình đến vỡ cả gỗ cây, đồng thời, người thì thổi nhạc khí này, kẻ lúc lắc nhạc khí nọ, họ cho phát ra cái thứ âm thanh yêu quái đó.

Có điều rất ngạc nhiên (Florine phải tự nhận rằng đây, dù sao cũng là một sự thất vọng) là ở chỗ có quá ít đàn ông trong buổi khiêu vũ. Họ lại không còn trẻ lắm và ngồi yên, trên những gối đệm, dưới đất, hoặc ngồi trên những tấm thảm cuộn tròn, và họ uống một thứ nước gì có vẻ như là nước thuốc sắc trong những cái tách thấy buồn mửa được. Đó có phải là mấy người dân Ba Tây không? Dù sao, họ không có vẻ dân Ba Tây, trong những chiếc áo màu mờ đục, những chiếc cà vạt sắt ứa, những chiếc giày tròn. Một người trong bọn đi dép len. Đó có phải là ông chủ ở đây không? Hay là một khách mời, bị đau mấy cục chai ở chân tay hoặc bị bệnh thống phong, và người ta đã miễn thứ cho ông về cách ăn mặc, vì những lý do đó? Điều này chẳng có gì rõ ràng cả.

Các thiếu nữ khiêu vũ với nhau, họ cọ sát nhau bằng cử động của những bàn chải máy, rồi đụng nhau như những con ky mềm ở những nhịp đánh dấu bằng một tiếng xập xõa. Phần đông họ đều mặc quần ống bó và may vừa dính sát mỏng đến độ gần như muốn bung ra, màu đen hoặc xanh sẫm, với những chiếc áo len cổ cao mỏng, có nhiều áo có sọc hình ong vò vẽ, hoặc áo tay ngắn phụng phình ở thân trên. Các cô ít nhồi phấn, hay chẳng có nhồi phấn tí nào, cũng hay, bởi vì mồ hôi toát ra chảy ròng trên trán và trên má họ? Có một cô gái cởi giày ra, cô bỏ luôn cả tất, xắn cả quần lên nữa, và cô khiêu vũ một mình giữa những cặp đàn bà, vừa đánh nhịp bằng cái đầu với mớ tóc đuôi ngựa đen đậm hất từ sau ra trước, và lại còn theo nhịp điệu của nhạc nữa. Nhìn trước mặt, như Florine nhìn cô, cô gái giống như một con la cái một cách lạ lùng, với cái xương sọ dài, hai mắt gần nhau và quá lớn của cô. Cô này, ít ra, không thể là người cùng xứ với ta được. Dáng điệu của cô gái, lối xử sự của cô, đôi bàn chân không của cô (và sự vận động khéo léo của đôi bàn chân đó), bao nhiêu là dấu hiệu, nếu không bảo là chứng cứ, của một nguồn gốc Mỹ Châu và nhiệt đới. Khi có một cô khác mời cô gái nhảy, cô từ chối không úp mồm, với một nụ cười để lộ hai hàm răng đầy đặn.

— Tôi sợ chỉ dẫm lên chân tôi, mỗi lần cô gái đều nói để giải thích.

Bất ngờ, cô gái đó mời Florine, khi bản nhạc khiêu vũ, sau một phút ngừng, lại trở lên một cách âm ỉ hơn.

— Thế nếu tôi dẫm lên chân chị... Florine trả lời cô gái, vừa đưa tay chỉ những chiếc giày mạ vàng của mình, đôi giày gót cực kỳ nhọn và cao.

— Em, em bé ạ, em thì tôi chẳng sợ gì cả, cô gái bảo. Em có thể bước mạnh dạn đi. Tôi sẽ thấy sung sướng hơn là thấy đau.

Và cô gái đưa hai bàn tay ôm vòng thân cô, và chạm sát vào người cô hai lần, bụng kề bụng; vừa la « han! han! », bởi vì lúc đó các tiếng xập xõa lại vang dội.

Cô gái nắm tay cô bằng một sức mạnh không thông thường lắm. Bắp thịt gì, khuỷu đầu gối gì mà dữ vậy! Có đánh nhau, chắc cô gái sẽ quật ngã nhiều người đàn ông, và, gạt ra ngoài mọi ảo tưởng, gương mặt của cô gái có một vẻ thú vật không ngờ được, gương mặt không phải là thiếu một cái gì ghê tởm. Một mùi từ thân hình cô gái xông ra, rất mạnh và làm ta nhớ lại mùi của những bãi nuôi cừu, những chuồng bò hoặc những trại lính. Nhưng khỏi phải làm bộ thanh nhả, khỏi phải làm cao, khỏi nhăn mũi trong một buổi khiêu vũ của dân Ba Tây, và cơn cuồng loạn của bài khiêu vũ lên đến độ đi tìm một nguyên nhân nào khác mùi hôi thối thì thật là bần tiện. Tốt hơn, như cô gái kia đã nói, là nên bước mạnh dạn đi. Florine đến gần cô bạn gái cùng nhảy, cô siết chặt cái thân mình mà cô cảm thấy được những bắp thịt như đang đè trần dưới một lớp áo đan thưa trơn ướt, và đến lượt cô, cô bắt đầu vừa la « han! han! », vừa hết sức tống mạnh vào ở chỗ bắp vế và bụng.

Bây giờ chỉ còn tiếng ồn và những tiếng va chạm, ném cô vào một cơn say giấm dật. Tình trạng này kéo dài rất lâu, rồi cô thấy những cảnh hoa nở trên các màn trường như mờ đi, âm nhạc cũng như mất đi cường độ, và buổi khiêu vũ, chung quanh cũng như mất đi cái cuồng loạn của nó. Florine có một cảm tưởng như là lạnh lạnh và thấy chung quanh đều một màu xám xám. Cô tự hỏi có phải mình đang nằm mơ không. Cô sợ rằng tất cả chỉ là một giấc mơ, cô sẽ thấy giấc mơ tàn rất mau và lo sẽ tỉnh dậy, sẽ mất buổi khiêu vũ của mấy người Ba Tây (mà người ta không kịp đem giới thiệu với cô những người Ba Tây bí mật đó nữa!).

Nếu cô nằm mơ thì cô phải cố đi vào sâu hơn nữa, trong giấc mơ và phải cố tin vào thực tại của nó, cần phải quên nỗi âu lo hiện tại. Bấy giờ cô la « han ! han ! » với một giọng dữ dội vượt quá xa tiếng ồn mà người ta cho phép trong một buổi khiêu vũ (cô gái kia cũng đáp lại cô), và cô đưa bụng đập thật mạnh vào bụng (nó cũng không biết bao !) của cô gái cùng nhảy, để qua sự hung bạo của cảm giác, đạt đến sự yên tĩnh của trí óc và tâm hồn. « Han ! han... » Nếu, trước đó, cô không làm nứt xương móng mình, nếu cô không làm thủng xương móng cô gái kia, thì cô sẽ thắng sự nghi ngờ. Cô sẽ quên là cô đang nằm mơ, có lẽ thế.

Gương mặt, đối diện với cô, cũng biến đổi. Nó dài ra, bây giờ lại còn giống ngựa hơn nữa với làn da xanh đầy, tròng mắt lồi, lớp lông rậm rạp, môi trề xuống. Tựa như những cú đập đã làm nứt ra một nơi nào đó trên thân hình cô gái, gương mặt cô thật lùi, nó hơi chập chờn, và người ta có thể nói, theo chữ của hải quân, là « tàu nghiêng », mặc dù Florine còn cảm thấy trong lòng bàn tay mình cái thân hình vẫn cứng rắn kia. Rồi, khi có một ngọn đèn tắt, cô gái nhắm mắt lại. Florine thấy cô gái ngủ thiếp đi, thật sự, trong cánh tay mình, và bắt đầu từ lúc đó cả hai người không còn ở trong một không gian nữa. Còn Florine, dù không thích và không muốn, cũng không thể ngăn mình khỏi mở mắt ra được.

Thức dậy thật ghê sợ : lúc này là ban đêm, ở ngoài trời, dưới vầng trăng sáng rực. Không phải là đang nằm trên giường giống như cô vẫn tưởng sẽ bắt gặp lại mình, mà cô đang lại lắc lư, hai bàn tay bị trói rất chặt sau lưng, hai chân cũng bị trói, dưới đáy một chiếc xe bò có trần móc không cứng, chiếc xe mà các ô gà và các mô đất cho nhảy nhót trên đường (và tiếng gõ rên rĩ : han... han...) trong lúc những bình sắt đựng nước và những thùng chai không chạm nhau với tiếng kêu của trống và xập xỏa. Gió hú dài trên các cành cây phía trên mặt đường. Một cái bao dày cộm, có thể chứa thạch cao hay vôi, cứ mỗi lần xe lắc lại đập vào bụng cô. Hai người đàn ông, mà cô thấy những khổ lưng thô bạo nổi bật mù mờ, ngồi trên chỗ ngồi của xe. Một trong hai người cầm cương ; ông ta im lặng, và người kia không nói chuyện với người này. Làm cách nào họ đã bắt được cô ? Cô đã bị thuốc, có thể như vậy, vì đã thiếp đi trong một giấc ngủ quá mê, đã thức dậy quá trễ và

không còn nhớ một mảy may nào về những gì đã xảy ra cho cô. Hay là bây giờ cô đang mơ ?

Cô nhắm mắt lại, bởi thói quen, cô đưa bụng chạm vào cái bao, hi vọng thoát ra khỏi giấc mơ không đẹp đó và đề, rốt cuộc, đến được với những nệm chăn của cô, hoặc trở về với giấc mơ buổi khiêu vũ và đến lại với những người dân Ba Tây. Nhưng không, cô không thể đạt tới điều này được, có lẽ vì thiếu thời giờ, và không thay đổi nào xảy ra khi chiếc xe bò dừng lại. Họ đem thân cô xuống trước một cái hố, bên lề một con đường dài trong rừng, thẳng tắp và vắng ngắt, và họ bốc cái bao xuống, cái bao trắng toát dưới trăng, để bên cạnh cô. Họ không cời trói cho cô ; họ không đụng tới người cô nhiều hơn những gì cần thiết. Điều này chắc hẳn đã được giao trước, bởi vì cô không nghe một tiếng nào từ miệng họ nói ra. Cô thấy họ mỗi người đều lấy ra một con dao con, mở ra ; cô cảm thấy hai lưỡi dao cùng đâm vào sườn bên trái của cô và vào sườn bên phải của cô, và lại rút ra, rồi cô cảm thấy hơi thở cô trút ra giữa những xương sườn. « Người Ba Tây ? » cô còn nghĩ như vậy vừa nghiêng rằng, trước khi buống lơi và trước khi tất cả đều đổ nhào xuống.

hoàng ngọc biên dịch

NGUYỄN THỊ HOÀNG

trong mắt mưa

Người đàn ông lừng lững bước vào quán cà phê, chọn một cái bàn nhỏ trong góc trái, kéo ghế, chạm rãi ngồi xuống, để nguyên mũ và áo mưa. Con mưa bị ruồng rẫy lại bên ngoài, nhưng những giọt nước đi theo, bám đầy trên tóc mắt, cho nhập nhòa choáng váng hình ảnh bên ngoài xâm nhập, quay cuồng nung nấu những hình ảnh bên trong ngất ngư khiêu vũ. Hắn muốn tách rời những hình ảnh bên ngoài và bên trong xa lạ nhau, đuổi tất cả ra khỏi tầm mắt, khỏi tâm trí. Nhưng những sợi dây chùng đã bỗng căng lên. Những mạch máu rườn căng muốn đứt. Ý nghĩ sôi sục, căng phồng, phân tán và quần tụ lại, quay tròn mãnh liệt. Cứ như thế mỗi khi hắn nghĩ tới người đàn bà hẹn gặp trên kia. Và phân vân nên theo con tàu lên dốc miền lạnh hay trở về, buông xuôi và trôi nổi theo đà thẳng năm quen thuộc buồn rầu dưới đó. Nghĩ là trở về nhà. Không gì bắt buộc hay chi phối sự chọn lựa. Nhưng hắn ray rứt vì không chọn lựa được. Mãi như thế, đã từ lâu, từ khi mùa mưa bắt đầu. Và mùa mưa đã bắt đầu từ những ngày thơ ấu.

Bây giờ cơn mưa lại trở về đeo đẳng đó. Mưa cũng thúc bách và dập dồn như nhạc rớt. Quẩn trong lòng và ghiền trong hồn. Người đàn bà lại hiện lên, ma quái trong trí tưởng. Điều hắn tìm thấy ở người đàn bà, không phải là những gì người đàn bà có thể có, mà là những gì hắn có thể hình dung và thờ phượng trong tâm tưởng qua hình ảnh người đàn bà. Một sản phẩm miệt mài, một tuyệt vọng đón đau, hay một mê say mệt mỏi nào đó. Đàn bà chỉ là chất liệu để tạo dựng một thế giới ảo huyền trong mộng tưởng thôi. Bởi hắn muốn đi xa đời, như sóng muốn xa bờ, nhưng vẫn

phải dạt dào, trôi nổi, quẩn luyến không rời nơi mong từ khước. Như mưa ở trên mặt kính nhỏ khung cửa sổ. Giọt vắn rồi giọt dài. Buồn thiu nhỏ xuống rờn rờn nước mắt lạnh cảm.

Hắn mong có người nhà tình cờ tới đón ở ga ngã ba này để đừng phải phân vân gì nữa, chỉ bị lôi thốc đi, về đâu, tùy theo sự trôi biếng. Bởi chẳng có nghĩa lý gì để sắp đặt hay chống cự lại, ý muốn của chính mình, người khác. Hắn bỗng rã rời như cát chảy trên tay khi nghĩ, cho đến khi về trên đó, với người đàn bà, cũng không khác gì xuôi con tàu về dưới thành phố đồng bằng với nhà yên ấm. Mọi sự ở ngoài đời trong lòng hắn đã mất tích đi đâu hết. Hắn mở bết mắt để không thấy gì nữa hết. Con người cũng mù lòa như trời mưa, và đường xuống thấp, nẻo lên cao vẫn trải dài chờ đợi.

Một tiếng còi tàu bỗng ngân và khô, ray rứt. Tiếng còi tàu xoay lên tri nhớ những đợt khói ảm đạm của buổi chiều nghĩa trang lạnh buốt trên kia. Hắn bỗng nhận ra là mình đang chờ một chuyến tàu đến để đi thăm một người đã chết. Một người đã chết thì không thể phân biệt là tốt hay xấu đàn ông hay đàn bà, hạnh phúc hay đau khổ nữa. Người đã chết tới nơi tận cùng. Sao hắn đã chết và chẳng bao giờ đến chỗ tận cùng. Mà chỉ khởi điểm. Đó là điều làm cho rã rời tất cả những hy vọng nhen nhúm, những sợi nắng hanh hao thêm khát mở đầu một ngày tuyệt đẹp để nhân du. Phải; về đó để thăm một người đã chết, đã thân cận vô cùng mà bây giờ cách biệt và xa lạ hoàn toàn, còn hơn là một người chưa trông thấy mặt đang kia mút địa cầu xa tắp. Chỉ là cái cớ. Hắn muốn biết rõ ý nghĩ thật của mình. Lên đó để thăm kẻ đã chết, hay để gặp người đàn bà hẹn hò, mà chốc nữa tiếng còi tàu sẽ vang lên giục giả và tâm trí hắn sẽ rộn ràng đồ xô xuống khoảng vực sâu hồi tưởng, cả người đàn bà hẹn hò, cả người đã dưới đất nằm yên. Hay là trở về nhà. Nhà là một vùng không gian buồn bã nhất. Không lý nào kẻ chết lại lẩn mò về nơi buồn bã đó. Chẳng lợi gì cho ai hay cho chính mình. Vậy ta tìm khuấy lãng nơi đâu. Ta chẳng mong muốn gì nữa hết, chẳng gì hơn một khung giường thật mát, với cửa đóng kín bên ngoài và những cơn thẩn lẩn bước mờ hồ trên nền trần trắng xóa. Yên tĩnh và kín bưng. Ngủ một giấc dài. Trong giấc ngủ còn mơ thấy những sợi

giăng mòng lung ngoài rừng cây gió nổi. Lạnh thấm vào trong chiêm bao.

Lạnh vừa đủ để thêm một tách cà phê, khói thuốc thơm và cặp mắt đăm đăm nhưng đen nào để mà nhìn thấu suốt nát vỡ linh hồn. Nhưng những điều đó đã là cái vầng nổi mong manh của buổi thiếu thời dịu dàng. Bây giờ khác đi. Phải một cái gì ào ạt, quay cuồng và dữ dội đánh thốc bao vùng một đám mê bùi ngùi khép kín, thức dậy, kéo đi, ném xuống cái vực sâu thăm thẳm của tháng ngày còn lại. Hẳn nghĩ là mong mỏi đó, vì người đàn bà. Chuyến tàu sẽ tới. Người đàn bà cũng sẽ tới, như hẹn hò. Và sau đó... Hoặc ít ra là vì tình cảm với người bạn đã chết, đi thăm vùng nghĩa trang quanh quệ trên kia. Không. Cũng không như ý muốn trở về nhà. Lành bèn trôi nổi thật sự rồi. Và rỗng tuếch. Đột nhiên hẳn thêm một trắc trở nào đó đủ làm khô đau. Hoặc một tai nạn làm mới mẻ lại đời sống. Không gì xảy ra hết. Không gì ngoài những sợi mưa lê thê nơi cửa kính nhỏ, xóa mờ những bóng người qua lại ngoài hiên, cho hẳn ảo tưởng mình và thiên hạ cách xa nhau hai thế giới vô cùng khác nhau.

Hắn nhìn quanh. Nước mưa trên mũ long tong nhỏ xuống mặt bàn. Tách cà phê người bán mang lại đã nguội lạnh. Người khách thứ hai trong quán, ngồi quay lưng lại phía lưng hắn hồi vọng lại: ông chờ tàu nào.

chưa biết sẽ chờ tàu nào

làm sao mua vé

tôi nhảy bừa lên, mua vé sau, quên như thế.

Có dạo một thằng tự tử kiểu đó, trốn vé và nằm trên trần tàu. Tưởng tôi cũng định tự tử à, nghe dễ quá, người ta tự tử khi nào quá say mê đời sống, tôi không thích đời sống đâu, ông đi đâu. Có lẽ lên, có lẽ xuống, cũng có thể chờ một sự tình cờ nào đó.

vậy à, tôi ngược lại, đang tìm cách từ khước, một sự tình cờ, gì, người đàn bà, phải không.

có lẽ, sao biết.

trông cách ông chờ con tàu tới. Sự tình cờ ông từ khước, chính tôi kiếm tìm nhiều năm.

nếu ông thích, tôi nhường, người đàn ông nói đùa.

nhường một người thì dễ, nhường trái tim thì khó.

Không có trái tim đâu, cả tôi, cả người đàn bà, tất cả mọi người. Tôi cũng mong là không có trái tim.

Ông nghĩ sao nếu tôi thỏa thuận nhường cho ông sự tình cờ này. Sẽ giữ lấy, suốt đời, và từ phút ấy, sẽ chống chọi kịch liệt với những sức mạnh tương phản nào mong chiếm đoạt lại sự tình cờ tôi đã tìm thấy.

Ông nói nghe xuôi, ông làm gì vậy.

Tôi dạy, nghĩa là nói lấp nháp trước một đám đông nhỏ tuổi ồn ào, và lặp đi lặp lại hàng năm những điều cũ mèm đã nói, nắn, phải không.

Còn tôi, tôi là thằng lêu bêu, nghĩa là không làm gì, không đi đâu, đến đâu, lúc nào cũng vẫn có cảm tưởng vừa thoát ra khỏi một ràng buộc nào, và đang lao mình tới một khoảng không nào.

Lúc này ông vừa nói gì, tôi mãi chờ tiếng còi tàu nên không nghe rõ. Còn chờ nghe tiếng còi tàu là còn cảm thấy sung sướng được, nghĩa là cảm thấy đang sống, phải không ông.

Nếu may mắn được sự tình cờ tìm thấy ông nhường cho, tôi sẽ giữ kỹ suốt đời, và...

Bên ngoài, mưa bỗng lớn. Hai người nghe tiếng rào rào trên mái tôn. Tiếng những cành cây đập quần quai xuống sau vách gỗ. Người đàn ông tưởng đến khoảng đường ngập chìm mưa gió con tàu chốc nữa sẽ bơ phờ leo lên, cái sân ga lạnh lẽo đón tiếp những người đã đi qua cánh rừng già với những bóng cây còm cõi, lạnh lẽo nổi tiếp theo những lạnh lẽo, đời người chỉ có thế... Nhưng chợt hẳn nghĩ ra những điều lạ lùng trong giọng nói của người khách. Như bị chích một mũi thuốc tỉnh bất ngờ, hẳn nghe tim đập mạnh, nhìn kỹ lại người khách. Chưa lúc nào hẳn nghĩ đến điều đó cả, người đàn bà sẽ vượt ra khỏi tầm tay mình, thành của sở hữu một người khác, hay không của ai cả, còn mãi đó, nhưng không là của mình nữa. Hẳn nghe ray rứt khó chịu và đậm ghét người khách, nốc một hơi cạn tách cà phê nguội. Bên ngoài có tiếng ai đi qua màn mưa, huýt một điệu nhạc quen. Ngày mai khi qua đời chẳng còn gì trên hai tay, ngày mai xa nhau rồi cuộc tình nồng xin phôi phai...

Người đàn bà đến đó quá muộn, khi cơn mưa qua dứt từ lâu. Cái quán cà phê người đàn ông đã vào ngồi một góc chờ chuyển tàu đến, bây giờ lại hờ hững đón người đàn bà, cũng chỗ của người đàn ông, nhưng quay mặt về phía người khách. Người khách còn ngồi lại đó, hẩn chờ sự tỉnh cò,

Người đàn bà nhìn người khách và tự hỏi quả thật mình có mong muốn điều gì không, hay tất cả những ray rứt buồn rầu, những phiền vân sôi sục trong lòng chỉ vì sự dằng co mỗi một giữa hai con đường đi xuống hay đi lên. Nàng đã tưởng tượng nhiều ngày tháng con đường đi lên và con đường đi xuống. Một nơi là trường học của đứa con gái. Nó sắp nghỉ nỏ en một tuần lễ, sẽ chờ nàng đến đón, xin về nhà. Và thời gian của hai mẹ con thật dịu dàng đầm ấm, cũng đủ khóa lấp đi những trống không heo hút của thời gian quá nửa đời người cô đơn. Một nơi là ngôi nhà trống thơm mùi vỏ cây và ẩm mốc của tường mái gỗ lâu ngày, giữa vùng cỏ mọc hoang vu, phẳng phất câu thơ xa vời kỷ ức,... lit silencieux pour nos cheveux unis. Mọi điều đều xa tít tắp. Đến nỗi hình ảnh ném vào hồn choáng váng cũng chỉ là hòn cuội con ném vào lòng giếng cạn khô, âm vang, lông lốc, nhưng không gì vọng lại cả. Thời gian của hoài cảm cũng mất hút rồi. Vậy thì chuyển đi chỉ là một cách thấp lại bó đuốc đã tàn, bó đuốc đã tàn trong mưa chiều lạnh nhạt. Nhưng có thật sẽ thấp lại đuốc không. Cố nghĩ tìm đến đứa con gái lớn tuổi đón nó về nhà vì tình mẹ con, hay chỉ là lòng ích kỷ người đàn bà muốn lấp trống cô đơn vời bất cứ một sinh vật nào nhỏ nhoi bé bỏng. Cố nghĩ tìm đến nơi hò hẹn vời người đàn ông, vì người đàn ông có cái gì đủ sức kêu gọi hơi tàn ấm áp của quá khứ xuân xanh, hay chỉ đến, vì muốn soi thấy bóng dáng mình, để biết đích thực tuổi lòng và thời gian đã bao nhiêu dặm đi xa trên vóc dáng và tình yêu mình mang theo về đó. Nàng không biết. Tuổi gần bốn mươi vừa nồng nàn vừa lạnh lẽo. Lạnh lẽo vì đã quá nồng nàn, và nồng nàn vì sẽ vô cùng lạnh lẽo rồi đây...

Thấy người đàn ông trước mặt nhìn mình chăm chú, người đàn bà khó chịu quay mặt đi. Người khách mỉm cười. Hẩn biết người đàn bà là sự tỉnh cò. Và nàng sẽ theo người đàn ông lên trên đó. Hoặc đi một nơi nào khác, không biết chừng. Mọi chuyện

chỉ bắt đầu ở ngã ba. Bắt đầu và kết thúc nhất là ngã ba của những đường tàu đi định mệnh đất diu.

Bà đến trễ quá, người khách lên tiếng.

Sao ông biết tôi.

Vì tôi biết người kia, nắn vừa đi khỏi, sao hai người lại không đi một lần mà lại từng chuyển như vậy. Đi cách khoảng nhau và cùng đến một đích, rắc rối.

Tôi chẳng thèm dấu ông. Chúng tôi cùng đến một đích nhưng không một lần, vì những đường tàu khác nhau, chúng tôi đến từ những nơi khác nhau mà.

Chính những đường tàu vẫn làm thay đổi hết đời người.

Ông có vẻ biết nhiều chuyện quá.

Làm khách, không dự vào một cuộc vui nào của những người đi kẻ về, để biết nhiều chuyện lắm. Tôi không từ đâu đến và cũng chẳng đến đâu.

Ông đi chuyển tàu nào.

Chưa biết, khi nào thích thì đứng lên, ra ga đứng, chuyển tàu nào tới sẽ leo lên. Tôi chẳng có cái đích nào.

Thật đáng buồn.

Có cái đích mới đáng buồn, vì người ta phải mãi mê theo mà không bao giờ tới nơi.

Người đàn bà nghĩ đến đứa con gái nhỏ, bộ áo trắng ngày làm lễ rước tội, nụ cười nó khi bắt gặp nàng trong đám đông trước cửa trường học, đến phút mẹ con gặp nhau, và nói :

không tới nơi có phải vì không được đâu, tại người ta bỏ cái đích kia mà, hoặc cái đích không đủ sức kêu gọi ta đến nữa.

À, tôi bắt đầu hiểu.

Lẽ ra tôi không nói gì hết, dù sao ông là người lạ.

Quen chứ, tôi đã nói chuyện với người thân của bà, hẳn cũng vờ ngồi bàn này, nói chuyện với tôi và ra đi.

Không phải là người thân đâu ông.

Thì vậy vậy.

Phải, chỉ vậy vậy thôi, vì thế tôi nói có khi không tới đích, chỉ vì không muốn tới. Và lại, tôi mệt. Và lười nữa.

Bà nhìn mọi sự thật thờ ơ.

Không phải, vì có cái khác đáng chú ý hơn.

Hai con mắt người khách sáng lên tinh quái :

À, nếu biết thế, hẳn đã không đợi mưa chờ con tàu đến cho đúng hẹn.

Ông đừng làm tưởng, cái đích khác, và khác loại với cái đích tôi định tới.

Bà nói gì.

Con gái tôi.

Sao.

Nó chờ tôi đón về phép. Tôi không biết nên lên trên ấy hay xuống dưới kia đón con tôi. Hai sự việc xảy ra một lúc.

Bà thử cân.

Cái cân đã hư từ những ngày còn trẻ.

Khi có tuổi người ta mới bắt đầu trẻ, bà làm rồi.

Vả lại, tôi không muốn cân, hai đầu đường khác xa nhau, ông gọi giùm tôi một tách cà phê thật nóng đi. Hình như trời lại mưa.

Vâng, dạo này và quãng đường này thường hay mưa dai dẳng.

Hoặc tôi lạnh lẽo và con tôi ấm cúng suốt đời hay con tôi lạnh lẽo suốt đời cho tôi được ấm cúng từng phút giây mong manh.

Có phải đó là nỗi phân vân lớn nhất của bà không.

Cũng chẳng có gì lớn, nhưng chỉ có thế, ông biết, một điều không đầu đời khi ám ảnh hoặc thay đổi cả đời người.

Người khách ngồi nghiêng người qua phía khác không đối diện người đàn bà nữa. Bên ngoài, tiếng mưa đã bắt đầu lại rào rào. Nếu cơn mưa kéo dài, người khách nghĩ và mường tượng cơn mưa sâu hút và làn da trắng nõn của người đàn bà trước mặt. Hẳn nghĩ vẫn vợ. Hẳn tìm thấy điều gì và gọi cho người đàn bà một tách cà phê. Và vẫn ngồi như cũ. Ngày chín mười bên ngoài. Nếu cơn mưa kéo dài và chuyến tàu không tới. Lòng hẳn bỗng nhói lên. Sự tình cờ đã tới. Nhưng cũng có nhiều cách để người ta chiếm lấy sự tình cờ, một cách tục lụy hay thanh cao, trực tiếp hay gián tiếp. Hẳn cười, và nụ cười tắt ngấm khi nghĩ đến cơn mưa sẽ dứt, chuyến tàu sẽ tới, người đàn bà sẽ đi. Và người đàn ông người đàn bà sẽ ở với nhau trên ấy.

Có một điều, lẽ ra không nên nói, nhưng mà tôi phải nói, vì tình cờ là nhân chứng.

Người đàn bà lo âu ra mặt:

Chuyện gì xảy ra vậy, cho tôi ?

Hồi nãy, người đàn ông ngồi chỗ đó, trước mặt tôi, nhưng... Sao.

Không phải một, mà hai người.

Hai người đàn ông.

Không, một người đàn ông một người đàn bà, họ nói chuyện với nhau.

Có lẽ nào,

Tôi chỉ thuật lại tôi, bà nghĩ sao tùy ý. Và hình như họ lên tàu với nhau rồi, đi về phía nào không rõ, cái ngã ba nguy hiểm như vậy.

Người đàn bà xô ghế đứng lên. Nàng đứng sát vào cửa kính nhòa nhạt nước mưa nhìn ra vùng trời mù bên ngoài. Không thấy gì hết. Cũng không bóng một tàu về tàu đi.

Có lẽ lâu lắm mới có chuyến tàu khác tới.

Người đàn bà nói thần thờ và kéo ngược hai bàn tay lên che khoảng áo vai đen.

Thường thường, mỗi năm chúng tôi gặp nhau một lần trên đó, và đều đúng hẹn. Nếu vậy từ nay không còn lần nào nữa, không còn năm nào nữa.

Không chừng tôi nhầm, bà kiểm lại xem.

Kiểm cách nào. Dù ông không nói, điều đó cũng ám ảnh thường xuyên tôi rồi, vậy ông nói, hay bất cứ ai nói ra cũng đều có thực. Phải. Chắc chắn vậy.

Tiếng còi tàu bỗng thét lên. Người đàn bà vuốt lại mái tóc.

Chắc là tàu này về miền biển.

Trời đang mưa lớn.

Người đàn bà không nghe gì nữa. Chỉ còn bóng đứa con gái nhỏ mặc áo lễ trắng, và nụ cười thơ ngây mỗi buổi bãi trường. Nhộn hoắt và cao vút như một mũi kim chích buốt vào não óc, nàng nghe ngân lên hai chữ, rồi đây... rồi đây. Và cố ghì lại thật chặt tất cả mọi ý nghĩ, người đàn bà đứng đứng bước ra ngoài mba.

Con tàu vừa xinh xịch tới, người đàn bà bước ngay lên và khuất trong những hàng toa đen ngòm.

Con tàu của người đàn bà đi xuống. Con tàu của người đàn ông đã đi lên. Họ sẽ không gặp nhau. Sẽ không bao giờ gặp nhau nữa hết.

Đó cũng là cách chiếm đoạt sự tình cờ, và biết đâu cũng là cách đổi thay ? và cứu rỗi cả ba đời sống, người khách nghĩ và nhìn theo khối tàu đậu im lìm trong sân ga mưa bay, nhưng bà ta sẽ ra sao nếu biết người đàn ông đã ngồi đó một mình, chờ đợi, và ra đi cũng một mình đến nơi hò hẹn.

nguyễn thị hoàng

DU TỬ LÊ

phúc âm nàng

1

không, bây giờ y không còn đến đó
nơi có ổ gà, có rào kẽm, có bức trường thành, có sân bay có
nhà thương, nhà xác

nơi những trưa đi qua mắt y đồ lửa
những chiều về cát liếm thịt da
nơi ngày tháng vẫn trôi trong từng cơn thở nhọc

những phiền ần ức cầm
nghìn năm như đá dựng

nơi y đã ngồi
gom những viên sỏi đầu tiên của một hạnh phúc hiếm
(ôi hạnh phúc bất ngờ
như tai họa giáng xuống)

không, bây giờ y không còn đến đó
cho tới một ngày nào
một ngày nào người yêu y đủ lớn
— phải chăng đó là lúc nàng đã trưởng thành ?
— vâng đó là lúc nàng đã trưởng thành
mà đừng vội nghĩ rằng khi ấy nàng sẽ già và
tóc nàng sẽ rụng đi, cụt ngắn
trán nàng sẽ nhăn, rất nhiều vết nhăn tội nghiệp

tay nàng sẽ thô, những ngón mềm sẽ thô thom như những giòng
sữa sớm

ồ, không đâu, không bao giờ có thể

đó là lúc nàng giặt mình soi gương thấy mắt nàng lóng lánh
như những hạt mưa to

trong veo giòng nhãn nhục

đó là lúc nàng thấy tóc nàng dài, ngực nàng căng, và đôi môi nàng
thắm đỏ

nụ cười vì thế mà cũng xinh thêm

không còn se khô như những quả ô mai ngâm hoài vẫn mặn

đấy lời tâm sự của chàng

rất trang nghiêm

nhưng ngâm ngùi ngỏ với đám đông vô hình trước mặt

rồi đám đông tự động vui tan

úc bống tối trở về lấp đầy từng ngăn ký ức

trong một ngôi quán quen

chàng rã rời đứng dậy

nổi nhớ nhưng nhũn mềm

làm trùng thêm gân cốt

mỗi chúng mình đều khur khur giữ lấy cho mình

một số vết thương đã khô thành sẹo

và âu yếm ngắm nhìn

chân dung mình treo trên vách tường trí nhớ

2

vâng chúng tôi thường gặp nhau vào mỗi chiều thứ sáu

ngày chúa bị đóng đinh

ngày giáo dân không được phép ăn thịt

đề tưởng nhớ đến ngài

tôi là kẻ đã tự đặt mình ra ngoài vòng tín ngưỡng

nhưng đôi khi tôi cũng bàng hoàng

chợt nhận ra dù mình vô thần nhưng cuối cùng cũng đã mặc nhiên
tôn thờ một chúa

(chùa của tôi, ôi chùa của tôi

vô cùng yêu đuối)

nàng buồn như trái chín

mắt gầy đêm mưa xanh

hồn căng trên thập tự

đầu cuối xuống dương gian

chớp hoài đôi mắt ướt

tôi thích được quý dưới chân nàng

để chỉ xin những điều vơ vẩn

vốn là kẻ đa nghi

tôi không tin thượng đế

nhưng lại chắc một điều

hạnh phúc nào cũng thật

như trong tình yêu tôi

vốn sẵn cả trăm điều gian dối

đời sống ta như một ô chữ cũ

có xấp hoài cũng chẳng khác hơn

ngoài những vòng vô nghĩa

3

kẻ phán xét (1) trong nàng

bảo chiều này bão lớn

và ngày mai hãy thả chim câu

(những con bồ câu của thánh Nô Ên trong sáng thế kỷ)

để cho chúng bay đi

đem tin về

trời sẽ trong xanh vào những ngày kế tiếp

(1) ý của DOSTOIVSKY trong C. et.c)

tôi theo nàng rời tàu
bước lên bờ đất thịt

hãy tin, hãy tin
cuối cùng rồi chúng ta cũng sẽ có những bình minh tình yêu, ới
những ngày vàng sau quá đổi đau thương

4

vàng, chúng tôi thường gặp nhau vào những chiều thứ sáu
ở một góc đường
dưới những tàn cây gỗ dầu xác xơ lá nám
với nhiều sợi dây leo
xiết quanh thân cổ thụ
những buổi chiều hết tiền
chúng tôi rủ nhau lang thang dưới phố
và hôn nhau
ở mỗi đầu đường
ở giữa cua vắng
ở bên ngoài những cửa hàng trưng bày tạp phẩm
cũng có những chiều
chúng tôi rủ nhau chui vào rạp hát
và cũng rất thường
nàng rúc đầu vào ngực tôi nức nở
(hết như con gà mái cục cục đòi ăn, lúc đói)
tôi chẳng biết nói sao
vì chính mình cũng đang nát tan, nhục tử

tôi không tin thượng đế
nhưng lại chắc một điều là hận thù có thật
cũng như tôi tin nàng tuyệt vời
hơn bất cứ một người đàn bà nào hiện đang có mặt
(dù tôi không quên rằng tôi đã vi
nàng như một con gà mái hay cục cục, lúc đói

nhưng cũng xin thêm rằng con gà mái kia rất dễ ưa cả tin và tính
tình nhút nhát)

nàng tin nơi tình yêu
như giáo dân tin nơi phép màu của chúa
hãy tin ới hãy tin
nước sẽ rút về bờ kia tuyệt vọng
và ở cuối chân trời
một vàng hồng sẽ nở

5

bây giờ buổi chiều một mình trở lại cũng con đường có hàng
cây gỗ dầu xác xơ lá nám
với những sợi dây leo
quấn quanh thân cổ thụ
cũng vào ngày chúa bị đóng đinh
(nhưng tòa thánh đã loan tin vì tình trạng chiến tranh
đặc biệt cho phép giáo dân việt nam ăn thịt)
em làm sao hiểu được
nỗi đờn đau anh khi đêm đến trở về
thấp đèn lên kiểm tìm bóng mình cho đỡ quạnh
và lắng nghe bản tin cuối cùng
tổng kết vinh quang một ngày chiến sự
đời sống ta hôm nay
chỉ còn toàn chữ số

6

anh cố sống đề chờ
một ngày nào mẹ cha loan tin cho phép anh được đem trầu cau
đến hỏi em làm vợ
hay một ngày nào,
chúng ta sẽ bỏ đi rất xa
làm một phương bất hiểu

kịp khi hết đời mình.

trong cơn bệnh của ch.

nghe tôi chiều cũng lên đồi
cây chia nỗi nhớ từng ngôi lá tàn
qua sân cát dấu chân chàng
bếp trong khói muộn ngổ vàng đáng tôi
ngồi bao năm — buồn mấy đời
hiền sâu ghé gối tuổi còi, thân xơ
soi tôi bóng sắc phác phờ
vươn vai dòn ả đợi giờ bỏ đi
đầu khô trên cổ trụ tri
trăm giây oan nghiệt kéo về trung khu
tôi thơ lại, vốn cần cù
soạn đau thương cũ thức bù một khuya

người xa xăm — toan tính gì
lúc — tôi đã đến thôi thì liêu thần

nghe tôi đêm cũng bồi hồi
đốt vui giọng lệ nén người hai hàng
tinh vui kín nắp áo quan
trong xương máu dập hồn bầm oan kiên
góc tôi giường chịu nằm phiền
ngó lung trời thấp như liễn ngọn xa
gió đưa sương tạt la đà
quanh tôi bỗng lạnh một nhà điều hiu
nhỏ nhen tôi nhớ trăm điều
nhìn cho qua bữa đã nhiều chaucay

nghe tôi phật cũng lên chùa
chùa không xuống thế tôi giờ là tôi

du tử lệ

NGUY NGŨ

đêm trong thành phố mùa đông

Người đàn ông mặc chiếc áo len xanh cầm ngang cổ chai rượu đứng dậy rời khỏi chiếc bàn thấp đến ngồi tựa vào mặt quầy đối diện với mẹ Liên nói một câu ngắn gọn và hai người cười ngật nghẻo. Ánh sáng ngọn đèn giữa trần nhà nhợt nhạt chiếu xuống những mặt bàn tối thẫm, lăm lăm trống rỗng. Bóng mẹ Liên đổ hắt lên che một khoảng lớn trên mặt kệ đựng san sát những loại chai loại hộp. Tấm lịch lớn khuôn mặt người con gái môi ghé vào nụ hoa tường vi mỉm cười đôi mắt trông xuống vùng cửa hút gió. Người đàn ông áo len xanh lại nói nhỏ, mẹ Liên vừa cười vừa xua tay, khỉ nứa. Tiếng nói và khối thịt phì nộn động đậy, ngọn tóc vúi cao, chiếc bóng gập ghềnh chấp choạng trên đám chai. Lão Tâm lặng lẽ cầm chiếc ly xoay tròn, những ngón tay thô cẩu đen bám chặt, dít ly ướt nước vẽ thành từng vòng dính chồng nhau trên mặt gỗ. Trò chơi nói dài với nụ cười đờ đẫn không hồn kéo xéch đôi môi dày lên, hàm râu không cạo mọc lởm chởm và hai hốc mắt sâu khuất tối. Đàng kia bên cánh cửa sổ khép, chiếc màn xanh rủ phùng, một đôi gái trai chuyện trò lặng lẽ. Chợt người đàn ông nói lớn :

— Máy giờ rồi à ?

Mẹ Liên ngoái cổ lại phía cánh cửa thông ra phòng sau khép hờ hỏi lớn :

— Mai à, xem thử mấy giờ rồi con.

Lão Tâm ngừng mắt nhìn vào cánh cửa, một vệt sáng nhợt xanh bên sau và giọng nói khàn khàn của người con gái, mới tám mươi lăm, sớm quá gì thế má. Không gì cả, mẹ Liên nói lo

đến, cúi xuống với người đàn ông. Có tiếng hát ò ò bên ngoài, tiếng giày nghiêng rào rào rồi một người lính Mỹ da đen cao lêu nghêu hiện ra giữa khung cửa hai tay hấn vịn vào thành tường đầu hơi cúi tới hỏi một tràng dài, mẹ Liên vừa trả lời vừa lắc đầu nguầy nguậy, hấn bước tới, chân đá nhăm một chiếc ghế đồ lật ra, khum người xuống chống tay lên mặt bàn. Khuôn mặt đen bóng đôi mắt lồi, mái tóc xoắn lại như bị cháy dán sát vào da đầu, nước thấm trên tóc chảy thành giòng xuống mặt, hấn mấp máy môi làm dấu hỏi một câu khặc, mẹ Liên lại lắc đầu, no no, hấn ngả tay chào, chập choạng đi ra khuất vào bóng tối, tiếng hát và tiếng giày chìm lìm trong tiếng mưa miên man trên mái tôn trước hiên quán. Mẹ Liên nói đồng, tổ cha hấn nghiện thể về Mỹ không đánh Việt Cộng cũng đủ chết rồi, cha tôi cũng không dám buồn đến cái thứ đó chứ. Người đàn ông gật đầu. Tiếng người con gái tên Mai sau cửa nói ra, thẳng nào thể má. Ai mà biết, bọn đen... Đen à, người con gái bỏ lửng câu nói và tiếng dép đi động nhẹ nhẹ. Lão Tâm nâng ly bia lên uống một hơi cạn phần còn lại, cầm ly gõ xuống mặt bàn.

— Nửa à. Mẹ Liên hỏi, lão gật đầu kéo cao cổ áo. Mẹ Liên xách chai 33 bật nút, đem lại nói chậm chạp :

— Không khéo rồi lại say đó, lâu lâu nổi máu, uống bậy. Tệ quá. Đôi mắt lão Tâm ngược lên rồi cúi xuống nâng chai bia rót ra ly, đám bọt trắng sủi đục. Mẹ Liên trở về quầy, tay cầm xâu chìa khóa xoay đều, người đàn ông nói gì đó, mẹ trả lời nhỏ và cả hai im lặng cúi xuống tính toán trên mặt quầy. Lão Tâm uống ngụm bia, rút thuốc hút, chống hai bàn tay vào cằm ngó mông ra ngoài khung cửa. Con đường cắt chéo thành một dẹt dài giữa hai dãy nhà cao chất lên nhau mù mịt, những chiếc bóng đèn trắng cách khoảng sáng nhòa trong màn mưa. Chợt ngoài con đường hẻm phía bên hông nhà có nhiều tiếng la hét chửi thề, người đàn ông ngó ra dò hỏi, mẹ Liên kéo ngăn học sau quầy lấy chiếc khăn len vàng quấn vào cổ, nói thấp giọng, linh nhảy dù đi hành quân về uống rượu chơi gái đã quá rồi đó. Người con trai ho nhỏ, đứng dậy đến quầy đưa ngón tay bảo cho gói thuốc mèo đen. Mẹ Liên quay lưng mở tấm kiếng phía sau lấy gói thuốc đặt trên chiếc đĩa nhựa đầy tới, mỉm cười. Người con trai nói lí nhí gì đó, bóc giấy kẽm rút thuốc mời người đàn ông, quay nhìn lão Tâm và trở về

ghế ngồi. Người đàn ông vẫn tiếp tục kê ngón tay xuống mặt gỗ môi mấp máy. Chợt mẹ Liên nói lớn, ừ, thì thế, bao giờ cũng thế rồi, đứt kha khá vào họng là yên hết. Lão Tâm ngược nhìn lên, nụ cười sần sượng trên môi. Nhiều loạt đạn nổ đầu phía trên nhà ga, đầu thành phố, rồi nhiều tiếng nổ lớn và tiếng Mai hát lải nhải sau cánh cửa, em sẽ kêu anh mình ơi, mình ơi, em sẽ kêu anh....tiếng mưa chợt đổ xuống trên mái nhà từng đợt nặng theo cơn gió vút qua, vắng xa đầu ngoài những tiếng rao hàng rồi rả rề thê. Lão Tâm nâng ly bia đã tan bọt uống nhanh, gõ ly xuống bàn.

— Nửa à. Mẹ Liên ngó xuống cười, lão gật đầu môi thuốc, vò cái vỏ không ném xuống nền nhà ướt nhay. Mẹ Liên mang bia lại, rót ra ly cho lão. Lão hỏi thuốc, mẹ đến quầy kéo miếng kiếng tìm, lắc đầu, hết thuốc vàng rồi và gọi lớn, Mai à, coi sau két lấy cho má gói Mèlia vàng. Mai dạ, tiếng dép kéo lê lết một chốc, nàng đẩy cửa đi ra và khúc hát điệp trên tiếng dép, hai đứa kêu nhau mình ơi mình ơi, nàng nhìn mẹ Liên, mẹ Liên chỉ lão Tâm, nàng mang đến đặt vào lòng tay lão đưa ra.

— Nè, em nè. Tiếng nói lão khàn đục, khó khăn như thoát ra từ một vùng lầy tối thẫm.

— Gì ?

— Em hát... bài gì thế... bài hay quá... bác...

Mẹ Liên bật cười lớn, rồi người đàn ông, rồi Mai và đôi trai gái đằng kia ngoài cổ lại nhìn. Tiếng nói lão Tâm liu nhiu khuất hẳn giữa những tiếng cười chung quanh.

— Bác nghe hay quá... bài gì...

— Già gân quá à, ông muốn hát không? Mai chu môi cong còn hỏi

— Không, bác nghe hay... hay thiệt.

— Mai bỏ một ngày xe đến đây tôi tập cho.

— Không. Nụ cười và đôi mắt ngơ ngác ngó Mai, thoáng sợ hãi, bất lực. Không không, lão nói lắp bắp. Mai bỏ đi vào, mẹ Liên hỏi :

— Anh muốn tập giờ không tôi bảo hấn tập cho, rảnh đó.

Lão nhìn mẹ Liên rồi cúi xuống ly bia, cầm gói thuốc im lặng nhìn ra cửa. Có tiếng chân bước mau, một người lính đi vào, áo quần sũng ướt, nước từ chiếc mũ rùng rợn vành lụp chụp rông rã đổ xuống. Hấn cất mũ ra ngả bàn tay vuốt dọc khuôn mặt, nụ cười kéo nhếch hàng ria đen đậm lên, hàm răng trắng có nhiều

chiếc bít vàng sáng rõ. Lạnh quá má à. Hấn nói và ngồi xuống chiếc ghế nhỏ chỗ người đàn ông đã ngồi. Có rum không má? Mụ Liên gật đầu, có. Hấn bảo cho một ly cối, mụ rót mang đến, mời hành quân về à? Hấn như gặp dịp bắt vào chuyện huyền thuyên kể, nhảy dù đêm trong rừng, bị Việt Cộng rượt, đặt mìn trên đường mòn Hồ Chí Minh, 6 thằng bạn chết, phi cơ bị bắn, đi 14 tháng về còn 8. Lão Tâm chăm chăm nhìn hấn và uống từng ngụm bia nhỏ, chọt lảo cật tiếng hỏi, chết à? Âm thanh tro trắng, bơ vơ, chạm vào chung quanh khựng lại. Người lính nhìn lão gật đầu, quan sát, quay lại nhìn mụ Liên. Mụ Liên làm dấu, say rồi đó. Người lính mang ly đến ngồi tựa lên mặt quầy đốt thuốc hút, đưa ngón tay khêu:

— Còn con bé nào không má?

Mụ Liên lắc đầu:

— Có đâu, mấy hôm này tán về miệt kia cả, còn con Mai đó nhưng bận rồi. Người lính gật đầu úp trán trên thành ly. Khách hả? Không. Bận gì? Nó có kinh. Lão Tâm lại gỏ đít ly xuống bàn. Mụ Liên xách thêm chai 33, nữa à? mụ bật nút mang lại. Người lính ngoái cổ nhìn lão, nhìn đám chai, bật cười có vẻ thích thú

— Ông lão sần đời à? Vừa hỏi hấn vừa bước xuống kéo ghế ngồi đối diện với lão, tay nắm chặt ly rượu. Sần đời hả, uống cho say là vừa, hấn nâng lên uống một ngụm lớn, say là quên hết, phải không? Lão gật đầu với nụ cười đàn dòn như một đường vẽ vung nét, nhem nhuốc. Mụ Liên nói:

— Anh hát cho ông nghe đi, khoai tân nạc lắm.

— Thế hả? Ông thích bản gì nào?

Đôi mắt lão lơ lơ, bàn tay nâng chai bia đồ vào ly. Mụ Liên hỏi:

— Kia, anh Tâm, bản gì ông đó hát cho nghe kia, ông đó hát hay lắm, nhạc sỹ đó.

Người đàn ông nói chen vào, bản gì mà kêu mình ơi đó. Người lính phá ra cười uống rốc hết ly rượu đưa ly không lại quầy bảo cho ly nữa, mụ Liên vừa rót rượu vừa nói:

— Thật đó anh Tâm, mai lại đây con Mai nó dạy hát cho, nghỉ xe một bữa đi. Người đàn ông ngồi thẳng người dậy, vầy lưng lại chống khuỷu tay lên mặt quầy, hỏi mụ Liên:

— Lão chạy xe gì thế?

— Xe lam ba bánh đó, một thân một mình, thích thì chạy, không thì nghỉ khỏe quá, không bận không bè chi hết.

Người lính đẩy ly rượu đầy sóng sánh trên mặt bàn, nâng lên rót sang ly bia của lão một phần.

— Thế không còn không vợ gì cả à?

— Thì trước cũng con cũng vợ đảng hoàng như người ta chứ. Mụ Liên quay hỏi người đàn ông, à, nè, anh còn nhớ không à, lão trước lái xe cho thằng Lê-ông nhà đèn đỏ, Tâm, Tâm râu đó.

— Tâm, Tâm râu, người đàn ông lặp lại, thằng Lê-ông thì tôi nhớ, Tâm râu quên rồi, chị coi tri óc ai mà nhớ nổi, hai mươi mấy năm rồi tưởng chơi à, tôi đi từ lúc đó tới giờ.

— Ừ, hai mươi mấy năm, lúc đó lão lấy con Mai thợ may, may vôi thằng cha Xu, Xu cha thằng Kim Tiền tay-lo chừ đó. Lấy nhau được hai mụn con, rồi con Mai đâm thêm đi bắt bớ vôi thằng Phước con ông Cả Hồng, con thiệt vô hậu, lúc đó thằng Phước mới 15, 16 tuổi chớ mấy, thằng Phước no rồi đi ăn nằm sao đó vôi thằng Lê-ông, lão biết chuyện đánh đập um lên, lửa đầu chảy máu. Đánh nhau trận này, trận kia, nằm nhà thương, phú lít bắt chán rồi mỗi đứa một ngã, con Mai để lại cho lão hai đứa con, nghe người ta nói hấn đi theo thằng Lê-ông về Tây rồi, không biết thiệt không mà vắng đi từ đó tới giờ.

— Tội hả, người lính nói và rót thêm rượu vào ly cho lão. Ly bia trở màu sần nâu, lão bưng lên uống đầm đầm ngó ra cửa lặng lẽ. Còn hai thằng con? Người lính hỏi. Mụ Liên che miệng ngáp dài.

— Đâu mà hai thằng, một thằng một con. Tội nghiệp lão, bán xe lớn mua xe nhỏ nuôi cho hai đứa ở nội trú học trong trường nhà giồng luôn. Học hành sao đó được mấy năm cả hai anh em mò về đi học trường ngoài, rồi thằng anh bắt bớ vôi con Lan con ông Hồng Gia Ứng tiệm tàu thuốc bắc đó, thất tình thất ngải sao không biết bỏ học đi lính mang lon trung sỹ về đào ngũ theo bọn du đảng, bị bắt, đi biệt động quân đào ngũ lại về đón đường đánh thằng chồng con Lan gầy tay tét đầu rồi đi biệt kích Mỹ. Đi có gần hai năm chưa thấy tăm dạng gì cả.

— Ê chết rồi, biệt kích khỏe lắm chết nó vắt xác trên rừng không cần báo tin cho gia đình biết nữa. Người lính nói. Thế còn con em hần ?

— Thì cũng thế, hơn thua gì, bỏ học, ăn diện đua đòi, mỗi ngày cặp tay một thằng, rồi hết nghề vác l. đi làm sở Mỹ, bị bọn Mỹ nó làm cho phình bụng chịu không nổi tai tiếng, lão đánh như tử rồi cầm dao rượt theo con chạy khắp xóm, vừa chạy vừa khóc.

— Khóc à ? Người lính hỏi và cười khề khà nhìn lão Tâm, lão vẫn lặng lẽ trông ra cửa, hai tay nắm chặt ly bia. Đắng kia người con trai đứng dậy lại quầy trả tiền bắt tay người đàn ông, người lính rồi tiến sang lão, chia tay ra. Lão nheo mắt ngó người con trai và gật gật cười. Người con gái đi ra cửa quay lại nói, thôi đi anh. Hai đứa sánh vai nhau dọc thẳng con đường phía trước, mù vào vùng tối lớn. Mụ Liên tiếp lại câu chuyện, giọng chậm rãi, mỗi một :

— Khóc thiệt chứ bộ tôi nói đồn sao. Con nhỏ về lại bị lão tổng đuổi đi như đuổi tà, hần cũng đi biệt luôn từ năm ngoái tới giờ, nghe ở đầu trong H.C.

— Giàu to, lấy Mỹ chứ gì, H.C. mà, ban đêm cỡi trường nhồng nhộng đi rước khách, ngán lắm. Người lính trề môi lắc đầu, mở phanh nút áo, gãi soàn soạt, ngó ra ngoài, chợt la lớn. Ê, ê Châu, Châu phải không ? Chờ tao chút. Hai người lính từ trong hẻm đi ra, quặt lại trước cửa quán nhìn vào. Người lính uống chút rượu còn lại, trả tiền đi ra, hỏi bạn, được không, tao tìm nát cả vùng trên, tệ quá dạo này không nơi nào bán cả, rồi ba người quàng vai nhau đi trở lại hẻm. Người đàn ông nhìn theo im lặng lấy khăn tay lau hai bên khóe mắt, nhìn xuống lão Tâm, hỏi mụ Liên :

— Thế nhà giả ở đâu ?

— Trong hẻm kia, trước mặt tiệm giặt ủi Lạc Hồng, bên cạnh thuốc ho gia truyền Hưng Đạo đó.

— Cái nhà quét vôi đỏ ?

— Không cái nhà gác gỗ kia, nhà cửa thẳng Tâm Du trước đó, lão ở một mình, thế mà không chịu cho ai thuê ai mượn chỉ cả.

— Thế lão đề làm gì thế, hỏi mua thử ?

— Đừng hỏi lão nói câu lên giờ, thuê còn chưa cho nữa bán, lão nói ở mà đợi con Mai và mấy đứa con về.

Người đàn ông đến ngồi trên chiếc ghế trống mỉm cười với lão và kéo hộp thuốc xì gà ra mời. Lão cầm một điếu mần mê lúc lâu, người đàn ông quẹt lửa cho lão mời hỏi :

— Còn đủ sức mấy chai nữa. Người đàn ông cúi xuống đếm số chai dưới chân bàn, lắc đầu, bạn yếu quá, còn đủ sức mấy chai nữa tôi trả cho.

Lão Tâm cảm ly gỗ nhẹ, mụ Liên cười mang bia lại, ngồi vào bên người đàn ông.

— Anh còn nhớ tôi không, người đàn ông cười hỏi, nhớ không ? Tâm Tăng đây.

— Tâm Tăng.

— Ừ, tôi biết anh mà, biết chị Mai cả mà.

— Mai. Lão dò dẫm lập lại.

— Ừ, chị Mai đó.

— Ừ, Mai, anh biết ?

— Biết chứ.

— Biết giờ nó ở đâu không ?

— Không.

— Tôi chờ nó về... lâu rồi.

Mụ Liên cười chớp mắt yên lặng nhìn người đàn ông nói nhỏ tội nghiệp.

— Chờ về làm gì nữa, già rồi. Người đàn ông nói, lão lắc đầu.

— Ừ, chờ về... không biết bao giờ nó về... Anh biết nó về không ?

— Chắc không đâu.

— Tôi biết nó về mà. Còn chỗ nào nữa... Nó về.

— Không đâu. Bây giờ tôi hỏi anh này, già rồi, sống chẳng còn bao lâu nữa, bán nhà không thì bán bớt xe đi ăn lần là vừa mà chờ.

— Bán. Lão lắc đầu, nụ cười và hàm răng sún cách khoảng tối mù. Không đâu, không được đâu.

— Thế anh đề làm gì ?

— À, đề chờ bọn nó về... Mai vợ tôi nè, thằng Ân con Hạnh con tôi nè... Cho nó về ở, làm ăn chứ... tôi chờ.

— Không đâu, không còn ma nào về với anh đâu.

Chợt lão nghiêng rằng đứng dậy nhìn người đàn ông cảm ly bia dẫn mạnh, dít ly vỡ, bia chảy tràn cả mặt bàn, Mụ Liên hốt hoảng lùi ra nói mau ;

— Thôi lạy anh, ông nài khùng rồi đó, đừng chọc nữa.

Người đàn ông đứng dậy kéo vạt áo phủ vết nước vừa dính vào. Lão Tâm cười khề khà, rút trong túi quần sau ra một cọc tiền lớn hỏi mẹ Liên :

— Bao nhiêu ?

— Thôi anh về đi mai lại ăn sáng rồi tính luôn.

Lão tần mần đếm từng tờ bạc, nhìn mẹ dần giọng :

— Bao nhiêu ?

— Tôi đã nói, thôi anh về đi, sắp giờ nghiêm rồi, mai tính luôn.

Lão cất tiền, ngồi lại xuống ghế hút khúc thuốc xì gà bỏ dở. Người đàn ông trở lại quầy, nói với mẹ Liên gì đó, cười, đến đưa tay trước mặt lão.

— Thôi, bon nuy.

Lão Tâm yên lặng nhìn bàn tay, nhìn khuôn mặt người đàn ông, đôi mắt ngơ ngác di động, mí mắt sụp cúi xuống bàn lúc người đàn ông nói lớn, tao về nghe Mai và bước ra cửa. Mẹ Liên đến ngồi thu gọn mình lại sau quầy, kéo hộc đếm tiền. Tiếng những đồng bạc kẽm chạm vào nhau kêu leng keng xa khuất dưới khuôn mặt trắng buốt phì nộn cúi xuống. Chợt lão Tâm như nhớ ra cái gì, đứng dậy thoáng vội vã. Thân hình lão hơi nghiêng về một bên chiếc bóng ngả dài lên tường quờ quạng như một con thú, một con thú mất trí. Lão bước đi, một chiếc ghế bên cạnh bật đổ ra, đám chai ngã theo lăn nghiêng ngửa. Mẹ Liên ngưng đếm tiền ngó lão và gọi con Mai ra đóng cửa. Mai đi ra, mái tóc rối reng đã được chải gọn lại xuôi dài dọc theo sống lưng. Cánh cửa cọ trên mặt nền xi măng kêu thành tiếng đĩnh tai. Lão Tâm đứng dậy chống hai tay xuống mặt bàn lồm chồm những mảnh ly vỡ, khuôn mặt cúi khuất. Mẹ Liên nói :

— Thôi Mai, con gắng dắt lão về nhà chút, để đó má dọn cho.

— Nhà đâu biết mà dắt má ?

— Lão ở bên cạnh tiệm giặt Lạc Hồng kia, bố con Hạnh đó.

— Bố con Hạnh à ? Mai nói lơ đễnh và đi vào sau cánh cửa, một lúc sau trở ra, khoác thêm chiếc áo mưa màu huyết dụ, vỗ vào vai lão :

— Đi ba, sắp giờ nghiêm rồi.

Một cánh tay dắt lão, tay đẩy cánh cửa hông, Mai đứng lại một

chút ngó con đường hẻm vắng teo và bước xuống bậc thềm. Lão Tâm chấp choạng bước theo. Mặt hẻm trải đá phoi ra lồm chồm dưới ánh đèn đường, những vũng nước lớn, lánh sáng, bập bềnh rác rưởi. Mai đi sát vào người lão tránh qua vũng nước, hỏi :

— Ông là bố con Hạnh thật à ?

Lão vẫn bước đi im lặng một chốc, và tiếng hỏi mù tối.

— Con Hạnh, mà giờ ở đâu.

— Ai biết được.

— Ờ, mà con Hạnh. Lão nhắc nhiều lần đến con Hạnh. Mai nghe thoáng như lão gọi tên mình, quay lại hỏi nhỏ gì thế, lão vẫn im lặng lầm lũi bước đi, chợt lão bước dẫm vào một vũng nước, thân thể loạng choạng muốn đổ xuống, Mai nắm lấy vai áo lão kéo về phía mình và tiếng còi giờ nghiêm hú dài từ trung tâm thành phố dọc lên các ngã đường, tắt quăng, mất xa. Con mưa nhẹ, những hạt nước nhỏ bay lênh đênh bám quanh ngọn đèn tròn trên trụ cao. Mai hỏi còn xa gần nữa. Lão đưa tay chỉ, nói run run :

— Cột đó, sáng đó, cột thứ ba mà. Đó, đó.

Mai lặng lẽ, tay vẫn bám vào giữ chặt vai áo lão, cúi xuống trông theo bước chân khập khềnh. Qua khỏi vùng tối lớn giữa hai trụ đèn chợt lão đứng trì lại, vượt khỏi cánh tay Mai, đứng nhìn chăm chăm vào bóng tối dưới trụ đèn. Mai nhìn theo. Hình như có một người nằm. Có lẽ một người say rượu. Lão Tâm từ từ tiến đến, chân đứng dang ra, hai tay chống xuống đầu gối, nheo mắt lại nhìn và nụ cười sần sượng trên môi sáng rõ dưới ánh đèn. Tiếng hỏi bật lên lạ lùng. Ai đó ? Mai bước đến một bước đứng sau lão. Ai đó ? Ai nằm đó ? Lão Tâm hỏi một lần nữa. Khoảng bóng tối lơ nhờ lạng cam. Dáng một người đàn ông nằm xuôi xuống vệ đường đầu gối lên bờ đá trụ đèn. Mai thoáng thấy một cánh tay, cánh tay trần, áo sắn cao, phoi ra giữa ánh sáng. Một người lính. Lão Tâm bước thêm hai ba bước nữa, đứng dang chân khum người xuống hỏi lớn hơn.

— Ai đó. Hừ, hừ. Ai ?

Âm thanh của tiếng hỏi bật lên khô khan lạnh buốt như một tiếng tru kêu suốt vào dãy nhà cửa khép lan lên vùng bóng tối mịt mù trên cao. Cái xác vẫn vắng vẻ bất động. Có lẽ chết rồi. Xác chết. Mai quay vùng chạy khi lão Tâm lại gần nắm lấy cánh tay trần. Nghe tiếng chân Mai lão quay lại gọi to theo.

— Mai, Mai.

✓ Bóng Mai nhỏ bé khuất vào từng khoảng tối hiện ra dưới ánh đèn, rồi khuất đi. Mai Mai Mai. Cái xác im lìm úp sấp xuống mặt cỏ, cánh tay lạnh tanh đưa lên nằm trong lòng tay lão, da trên cổ tay căng rõ chữ chạm lớn nét : Nguyệt. Lão Tâm vẫn ngoái cổ nhìn và gọi theo Mai Mai Mai, rồi bất chợt quay lại nhìn cái xác, thả bàn tay rơi đồ xuống, hàng chữ chạm bị cánh tay lật nghiêng che khuất. Lão quờ quạng đứng dậy, nhìn dọc con đường vắng ngắt kêu điên đại Mai Mai Mai và tiếng còi giới nghiêm trong phố đang hú lớn tiếng gần lại. Lão Tâm ngửa mặt ngó lên chiếc bóng đèn hai cánh tay đang ra và chúm môi hú theo.

nguy ngữ

THẾ VŨ

bữa tiệc dưới hầm

Những bộ quần áo màu cửu ngựa bắt đầu hiện ra, bên những pháo đài, bãi sân rộng, cột cờ cao, trên con đường dẫn từ làng về căn cứ, qua cổng, ở đó có một người lính đứng mang súng đội nón sắt tựa thân vào thành bao cát, hàng chữ đen trên tấm gỗ nhòe nhoẹt ghi : trại Nguyễn Hữu Nghĩa, vài cây phi lao lẻ loi nhô cao phất phời lả ngọn trong gió. Nắng buổi chiều đã dịu. Tôi đi trên lối mòn dẫn từ bãi trực thăng vào, qua cổng, qua mấy lượt kẽm gai, qua một vài khuôn mặt đen sạm, tự hỏi rồi tôi sẽ cử động như thế nào, sẽ chiến đấu như thế nào trong những ngày sắp tới ở đây.

Một chỗ cho tôi trong một căn hầm giữa những căn hầm khác. Một vai trò cho tôi. Một người đưa tôi đi xem căn cứ. Đó, chỗ này là bãi mìn, ngoài hàng rào luôn luôn có lựu đạn gai. Xa ba cây số về hướng này là biển, ở bên kia, bãi cát vàng đỏ chạy dài từ chân núi ra đến biển. Con đường này dẫn ra chợ cách chừng năm trăm thước, con đường duy nhất mà anh có thể đi bất cứ lúc nào muốn ở khắp vùng này... Tôi chợt nhận ra giữa những thứ đó, mình bắt đầu bị giam cầm một cách thật nhẹ nhàng, mình bắt đầu những ngày bị bủa vây, bị đẩy đi quá xa, một nơi mình chưa hề chọn lựa. Hình như, tôi cũng cảm thấy rơi vào một cơn lốc hay một giòng nước xoáy nào đó mà tôi chưa nhìn ra được. Trong những ngày sẽ đến sau đây, cơn lốc nào, giòng nước cuốn nào cuốn cuộn trôi về cuốn phăng đi những người chung quanh, cả tôi, cuốn phăng ra biển khơi tất cả. Tôi theo chân Yên, trở lại căn hầm, ngồi trên chiếc võng vừa mượn được, rút điều thuốc thứ nhất từ khi đến đặt lên môi, bật lửa đốt.

Con mưa đổ đều đặn bên ngoài. Thuốc lá làm tôi thấy ấm áp hơn khi trời đêm tháng tám. Bụi nước tạt vào hàm, qua cửa hẹp ға thông ra giao thông hào. Bao thuốc lá đổ đặt trên một thùng đạn. Khẩu súng và giấy đạn treo trên móc đóng vào thân cây phi lao khô dùng làm đà chống đỡ căn hầm. Buổi tối kéo đến nhanh theo cơn mưa đầu mùa. Cây đèn cây tỏa ánh sáng từ mù đỏ không soi đủ cho căn hầm chật chội. Tiếng những con chó cất mõm sủa vang ở đâu đó trong đêm tối mịt mù. Yên nói cho tôi nghe về một vài kinh nghiệm chiến trận của hắn, giữa khoảng cách những trái sáng thỉnh thoảng bùng lên ngoài rào căn cứ. Giọng của Yên làm tôi chợt nhớ đến một người bạn học ngày xưa, không biết bao giờ người bạn cũ đó ra sao, đang nằm trên một tiền đồn một căn cứ nào như tôi, hay đang phiêu bạt về một nơi nào. Yên đã bảo tôi lắng tai nghe, giữa những âm thanh hỗn tạp và đè nén này, tiếng loa gọi vắng vắng ngoài xa. Yên nói bên kia cánh đồng, dưới chân bãi cát vàng buổi chiều anh đã thấy, giọng loa đó của một tên du kích không rõ mặt mũi tay chân đang gào kêu chúng ta ra hàng. — Gì thế? Tôi đã hỏi lại Yên như thế. Giọng Yên xuống thấp hơn, rồi ở lại đây lâu anh sẽ biết, chúng xuất hiện hằng đêm, và có thể ngay ngoài vòng rào kẽm gai phòng thủ chứ không phải chỉ xa như thế thôi đâu. Tôi muốn đề cho nổi ngạc nhiên đó lắng xuống quay mặt ra ngoài trời nhìn một trái sáng bập bùng lơ lửng từ từ rơi xuống. Riết rồi chúng tôi quen đi, ban đầu khi tiểu đoàn mới về vùng này, chúng tôi đã nã súng cối để dọa chúng, nhưng rồi chúng tôi nghĩ bắn súng cối để dọa một tên du kích thì quá thừa nên sau đó quên luôn. Anh cứ thức và chờ, chúng sẽ bỏ về gần hơn nữa và có thể sẽ gọi bằng nhiều giọng khác nhau... Tôi hỏi mình sẽ nằm vùng này bao lâu nữa Yên? Yên bình thản thờ dài, một tháng hai tháng hay ba tháng chưa biết được, nhưng có điều là anh đến một vùng khác cũng vẫn gặp từng ấy chứ. Có gì lạ đâu, có lần toán kích của mình bắt được một tên đang hò reo mình ra hàng, khi đem về đồn, sau một đêm nhốt ngoài lỗ cốt, sáng hôm sau chúng tôi nhận ra đó là một khuôn mặt quen thuộc mà nhiều lần mình đã cho lên đồn ngủ nhờ.

Tôi quay mặt ra ngoài nhìn một trái sáng khác. Qua cửa ra vào căn hầm, những sợi mưa giăng giăng, ánh sáng nhạt nhòa ngả nhào xuống rồi phụt tắt. Bóng tối lại bủa vây lấy. Yên rút thuốc lá đưa

cho tôi một điếu, rồi lấy một điếu khác vổ vào bao diêm mấy cái trước khi bật lửa đốt. — Anh hút thuốc nhiều lắm không? Yên nhả khói xám ra ngoài không khí, trung bình một ngày hai gói. Tôi gắn điếu thuốc lên môi, lấy bao diêm Yên đưa cầm vào lòng bàn tay. Giọng loa gọi bên ngoài đã rõ hơn dù mưa đổ lớn hơn. Tôi lấy điếu thuốc cầm lại vào tay. Không biết rồi tôi sẽ ra sao... Yên hỏi anh đã sẵn sàng đi ngày mai chưa. Tôi đặt bao diêm và điếu thuốc xuống mặt gỗ, ngày mai sẽ đi đâu hở Yên? Tiếng Yên nhỏ hơn nữa: — Bên kia bãi cát, đồ ra xóm làng ngoài biển, đó là mục tiêu chính, xong kéo dọc theo biển về lại đây. Tôi nằm xuống võng, những âm thanh lao xao đâu như từ trong đầu mình, những hình ảnh cuốn lấy nhau, những tưởng tượng về một cuộc hành quân đầu tiên của mình, những khuôn mặt nào của ngày xưa nhạt nhòa kéo đến... Trong khi nằm chờ giấc ngủ đến, anh làm gì Yên? — Biết làm gì ngoài thuốc lá. — Cố nhớ về một người nào đó không? Một đôi khi, nhưng nhiều lúc cũng làm cho mình buồn chán thêm...

Sau cuộc hành quân tôi theo Lộc và Tịnh ra chợ, vào quán uống bia Tịnh và Lộc dàn nhau về cái chết của Yên buổi sáng. Tôi lắng nghe họ nói, nhìn dấu đạn giày xéo trên tường mấy căn nhà gạch đằng trước mặt, những dấu chân bước qua đường sỏi, những nón sắt, súng đạn khua rộn rã, một vài người tấp vào các quán sát vách nhau, cây cưa xa ở bên kia đã đổ, những khuôn mặt chìm dấu ở đâu đó nổi bị đất quen thuộc, những khẩu hiệu những câu chữ thề trên các vách tường nhòa nhoẹt chen lẫn những cái đầu có mắt tai mũi họng, những cánh tay những cánh tay những khẩu súng, xe tăng máy bay, những bộ sinh dục với lông lá về bằng than đen... Xác têu du kích nằm ngay trước mắt tôi, nước da hắt tái xanh, đầu tóc lờm chờm, hàm răng trắng rợn người, những miệng ghẻ trên mu bàn chân chảy nước vàng đóng vảy chung quanh. Yên tung người lên cao sau tiếng nổi những miếng thịt vung vãi trên mặt cát... Tôi nhắm mắt lại, đôi mắt tên du kích trợn ngược... Lộc nói kể cũng khá, cuộc hành quân đầu mà cậu không có vẻ lính sửa tí nào. Tôi nói hi vọng rồi cũng quen đi, buộc lòng phải quen đi tất cả vì dù sao tôi cũng đã nhập cuộc. Một con kiến to bò trên bàn. Cái đầu bẹp đi, hai con mắt lòi ra ngoài của con mực khô trong đĩa. Bàn tay có những sợi lông măng của đứa con gái bán quán... Lộc nói uống đi chứ Minh. Căn nhà bị đốt bốc khói đen cùn cùn, lờ

già đưa khăn quẹt ngang mắt rồi nhón nhát nhìn bọn lính lục soát chung quanh. Đám con nít ởng bưng ngồi la lét trên bãi đất trống, những ống chân đen bần cẩu ghét... Cho ba chai nữa. Tôi nói với Tịnh tôi uống ít lắm. Tịnh cười phải tập ông ạ, ông không lì ra thì ông chịu sao được đời lính tác chiến... Tôi phải tập lì ra nữa sao? Tôi phải lì lợm đến mức độ nào? Đôi mắt trợn ngược trắng đù của tên du kích nhìn tôi chăm chăm... những khuôn mặt thẳm nảo của đám đàn bà con nít trên bãi cát, tiếng khóc lóc van xin, tiếng tre treó, tiếng chửi thề... Con kiến bò ngược trở lại mềp bàn. Tôi nhìn lên, bắt gặp đôi mắt của đứa con gái nhìn tôi, nó mở miệng cười, hai cái răng vàng nằm yên hờ hênh thật chướng con mắt. Tôi cúi mặt xuống, tránh cái nhìn của đứa con gái, bắt gặp hai con mắt lơ lơ của con mực trong đĩa... Đừng nhìn tôi nữa chứ, tôi mệt quá, tôi không muốn ai nhìn tôi cả... Tôi nhắm mắt lại. Những sợi tóc lờm chờm hiện ra, cái đầu lật ngửa, miệng mở to, những cái răng trắng dã... Tôi mở mắt ra, con kiến đang bò vòng quanh vũng nước đọng trên bàn. Lộc nói uống đi chứ. Tôi bưng ly bia đặt lên môi, uống một hơi, chất nước chảy róc rách qua cổ, qua thực quản. Tôi đặt ly bia xuống, đôi mắt lại bắt gặp đầu con mực nằm trong đĩa. Tôi đổi thế ngồi, quay mặt ra ngoài, bắt gặp bức tường đầy dấu than và vết đạn. Tôi nói với Lộc và Tịnh có lẽ tôi phải về. Tịnh nói về làm gì lúc này, ông muốn nhốt mình trong hầm sao? Uống say tôi diu ông về đồn. Con kiến bò xong một vòng quanh vũng nước, bắt đầu một vòng khác. Có người yêu không Minh? Tôi giật mình cười với Tịnh có chứ. Đang nghĩ về người đó phải không? Không... con kiến... Tịnh tiếp tục rót bia vào ly tôi. Chất nước vàng nhạt sủi bọt trong ly. Tôi nhắc ly lên, chia ra trước mặt Tịnh, trước mặt Lộc trước khi đổ vào mồm, nuốt xuống, đổ vào mồm, nuốt xuống... Tôi đặt ly xuống bàn, lắng nghe chất đắng thấm vào lưỡi vào ruột vào tim vào đầu.

Yên đã chết. Thật giản dị. Đêm qua hẳn đã nói với tôi những gì? Tôi ngồi im nhớ lại khuôn mặt hần, giọng nói hần, ngồi im nhớ lại buổi sáng khi quả mìn nổ tung, khi xác hẳn được bốc lên cao rồi rơi xuống... Con kiến vẫn cứ tiếp tục bò quanh vũng nước đọng, bức tường vẫn cứ xám chắn ngay đằng trước mặt, dấu than đen và vết đạn vẫn chen lẫn nhau, những sợi

lông măng vẫn nằm trên cánh tay của đứa con gái, tên du kích vẫn trợn mắt nhìn tôi, Yên vẫn tiếp tục bị bắn tung lên rồi rơi xuống. Uống nữa đi chứ Minh. Đứa con gái lùi ra sau, đứng giang chân sau chiếc bàn trong góc, Tịnh và Lộc vẫn cứ tiếp tục câu chuyện nào đó. Ly bia lại cứ tiếp tục được đổ đầy. Mày sẽ say, sẽ gục xuống như một con chó... Những tiếng hò reo ở cuối làng vang lên. Lão già đưa khăn lau mắt, đám lính lúi trong nhà ra một túi cứu thương của địch, một vài người lính bước qua đường, con mực vẫn giương mắt nhìn tôi... Uống nữa đi chứ Minh. — Tôi mệt quá, Tịnh... Tôi đứng dậy, nhắc ly bia lên uống cạn rồi lấy nón sắt úp lên đầu, mang giày đạn vào lưng, lấy súng bước ra ngoài. Tôi về nghe Lộc nghe Tịnh... — Thôi chờ bọn tôi về luôn Minh ơi. Tôi lên đạn, chĩa mũi súng lên trời bóp cò. Tiếng nổ làm tôi giật mình. Bọn lính trong các quán đồ xô ra cửa đứng nhìn rồi cười. Lộc đến bám vào vai tôi nói đưa súng cho tao... Tôi lấy nón sắt cầm vào tay. Tịnh từ đâu đi đằng xa gọi với theo nó cướp cò hả Lộc?

Tôi tỉnh dậy không biết vào lúc mấy giờ. Ánh đèn tù mù trong hầm soi rõ chỗ trống của Yên đã nằm đêm qua, Chiếc võng vẫn còn giăng bên tôi, thùng gỗ Yên dùng chứa đồ vẫn còn đó. Yên đã chết. Tôi đưa mắt nhìn một vòng, những đồ đạc bề bộn trong hầm hiện ra, cuối cùng tôi bắt gặp gói thuốc lá. Tôi chồm người với lấy một điếu. Con rã rời lại đến, đầu óc vàng vát và mồm còn hôi mùi rượu nồng thốc tháo buổi chiều qua. Tôi gắn điếu thuốc lên môi, tim hộp diêm. Không có trên thùng gỗ. Tôi choàng dậy, đưa tay trong túi áo quần để tìm hộp diêm, nhưng cũng không có. Căn phòng như thu nhỏ lại, tôi cảm thấy bức bối khó chịu, hổ chân vào đôi giày nhưng không cột dây, chợt nhận ra vẫn còn mệt. Tôi ngồi yên trên võng cố nhớ lại một điều gì đó, Nhưng tất cả cùng đến một lúc, không rõ ràng, Tôi thở dài, lấy điếu thuốc kẹp vào giữa hai ngón tay, nhìn một trái sáng đang rơi xuống lơ lửng ngoài trời. Đêm nay không mưa. Tôi thêm được đi đâu đó lúc này. Trái sáng tắt, bóng tối lại chụp xuống. Cây đèn từ tù mù sáng trong hầm làm tôi nực cười, nhưng cơn giận dữ

lại đến ngay sau đó. Tôi đứng dậy giơ chân đập mạnh vào cái thùng gỗ. Cây đèn ngã xuống tắt phụt. Tôi thở dài, mình điên thật. Tôi bước ra ngoài trời, buổi tối lạnh dịu dàng. Người lính gác ngồi trên pháo đài bên cạnh hỏi chưa ngủ sao. Tôi hỏi hắn có lửa cho tôi mỗi điều thuốc. Hắn nhích người đưa tay vào túi quần lấy bao diêm bật lửa cho tôi. Tôi quay vào lại căn hầm, ngồi trên võng, nghe tiếng súng nhỏ nổ ở đâu đó. Khuôn mặt nhợt nhạt của tên du kích lại hiện ra. Tôi tháo bỏ giày rồi nằm xuống võng.

Chú tôi đã nói với tôi trước ngày tôi đi những gì? Con biết con bắt đầu vào trận rồi đó. Con biết con không dừng lại được nữa. Chiếc xe cọc cạch đời con vừa bắt được dốc, con không ngừng dừng lại nổi nữa, con bắt đầu lao đi trong cuộc phiêu lưu này, con bắt đầu làm quen hết tất cả, tất cả... Tôi thấy đáng ở chỗ họ. Tôi vút mẩu thuốc lá qua cửa hầm. Đóm lửa rơi vào một vũng nước, cháy sèo rồi tắt ngấm. Tiếng chó cắn vang ở đâu đó. Những hình ảnh của trí nhớ hiện đến, tôi nhắm mắt muốn ngủ thiếp nhưng chỉ còn có những rời rã, đôi chân ê ẩm nằm dài thườn thượt trên võng. Một ngọn gió thoảng qua bên ngoài, tóc Ngọc lòa xòa xuống gáy trần, căn phòng bề bộn đó chỗ trú ngụ của Ngọc, buổi chiều tôi đưa nàng ra biển nghe gió lành lạnh, bãi cát vàng, tên du kích trợn ngược con mắt nhìn tôi... Tôi muốn quên hết đi, quên hết để được yên ngủ, nhưng không được, riết rồi tôi nằm yên, chân duỗi dài, kéo chăn đắp lên tận cổ, để cho chúng tha hồ hoành hành tôi cho đến khi nào chúng chán. Bên ngoài, những trái sáng tiếp tục rơi cách khoảng nhau. Tiếng chó cắn, tiếng loa, tiếng chân bước nhẹ của người lính gác.

Tôi có cảm giác được mang đi ra ngoài trời, mưa đổ những hạt trên mặt lạnh như đồng. Tôi có cảm giác được đặt trên một tấm phản, được đắp trùm từ cổ đến chân một tấm chăn. Tôi thiếp đi sau đó.

thề vũ

Tôi nhớ cái anh chàng thi sĩ thật điên là Bùi Giáng một lần nói với tôi: Không có tôi nào trong những bài thơ của tôi cả, tôi chỉ nói hộ những điều trong bụng của Nguyễn Du, của Vương Duy, của Camus St. Ex. vân vân... Cái anh chàng họ Bùi ấy đích là tài tử. Bọn ngốc thì đại khái sẽ viết những câu kiểu « Sartre trong đời tôi. » Với anh chàng họ Bùi tôi cũng có lời hứa sẽ viết về những vần thơ anh chàng viết nhưng bấy lâu tôi nào có viết gì đâu. Cũng chỉ tại cái bọn ngốc quấy rầy quá, kêu inh ỏi bên tai như ếch nhái, biến tôi thành một thứ ngốc luôn. Bọn ếch nhái kêu inh cứ như chính chúng làm cho một số người không ngủ được, chúng không biết rằng chính tiếng kêu của chúng là đem tới và những người đã thức từ đêm này qua đêm khác sốt ruột vì tiếng kêu ngu muội oang oac.

« Tôi đồng tình mấy anh trên cây thập ác là lòng anh cảm hận tôi và tôi choàng thêm lên đầu mấy anh vóng gai nhọn là lòng tôi khinh miệt anh cho đủ bộ ».

Tôi thật cũng đã ngốc khi viết lá thư có câu trên gửi cho mấy kẻ cầm mình, nhưng các anh yên chí tôi xé rồi. Bọn ngốc chẳng đáng quan trọng đến thế. Ấy nếu không gặp ông Thánh Thán tôi sẽ viết cái giọng ngốc như trên, trong mục này.

Mục này tôi xin các anh đặt cho nó là Ngoài Bia, in ở ngoài bia. Mong các anh đừng có trách tôi đưa bài chậm trễ. Ông Thánh Thán cũng đã viết hộ tôi rồi :

« Tôi tự hiểu sâu rằng : mình làm cũng là một cách chơi ; không làm cũng là một cách chơi ; không làm nhưng cứ làm cũng không sao, cũng lại là một cách chơi... Ấy vì thế mà phải khắc khổ đến như thế... Sở dĩ phải khắc khổ, là muốn cho kỹ và hay... Sở dĩ muốn cho kỹ và hay, là bởi tự tính tôi trượt ngã... Sở dĩ tôi trượt ngã, là vì tôi đã hiểu thấu... Sở dĩ tôi hiểu thấu, là vì tôi vốn vô vị... Tôi vốn vô vị, ấy vẫn là cách chơi của tôi... Chứ nào tôi có kể gì người sau này biết có tôi hay không có tôi ! » Thần sầu không !

Tôi biết thừa bọn ngốc sẽ đọc cái mục này bằng cặp mắt như thế nào. Mình thì có thể bảo đó cũng là cách chơi của chúng chỉ không hợp với mình thôi. Nhưng chúng thì không nghĩ được đến thế đâu, chúng sẽ nghiêm trọng đạo mạo nhân danh nhiều điều thứ lắm. Mà thôi lúc này tôi chưa thấy hứng đề bàn mấy chuyện ấy. Nếu báo các anh chưa « nước trôi, mảy cuốn » ta sẽ còn có dịp chơi với bọn ngốc, « cũng lại là một cách chơi ».

THANH TÂM TUYỀN

Bọn ngốc. Hai tiếng này của Thánh Thán đặt ra khi phê bình Tây Sương Ký để gọi cái hạng đọc văn chương mà chẳng hiểu văn chương là cái mớ gì. Bọn ngốc đọc đến đây nghĩ thế này, bọn ngốc đọc đến đây nghĩ thế kia, còn các bạn tài tử trong đời nghĩ sao... « Nhờ Thánh Thán lúc nhỏ, đọc Mái Tây, đến câu ấy phải giắt mình thấp hương, lay phục xuống đất không dám dậy nữa ! Các bạn tài tử trong đời, 28 vì sao ở cả trong bụng, thử nghĩ xem câu ấy là nghĩa lý gì ? » Đại khái cái lối phê của Thánh Thán sướng tuyệt như vậy.

Tôi thú thực với các anh cả tháng nay tôi sướng rơn người vì đọc được những lời ấy. Cái câu văn trên của tôi rõ ràng là bắt chước Thánh Thán. Tôi muốn bắt chước. Sướng nhất là hai tiếng chỉ danh: bọn ngốc. Đã lâu tôi cứ hứa mãi với các anh sẽ viết một mục thường xuyên cho tờ báo nhưng rồi tôi lần khăn mãi. Phần lười nhác. Phần nữa là tôi biết tính tôi dễ đồ quạu, viết một hồi, nghĩ đến bọn ngốc quanh ta thế nào tôi cũng cao giọng nghiêm trang như ông thầy thuyết giảng và tôi cũng hóa thành đồ ngốc tử luôn. Tôi cố tìm cho được giọng cười nào đó cho tôi, lúc này, và tôi đã gặp được Thánh Thán. Các anh phải cảm ơn Thánh Thán, chính ông ta đã dạy tôi viết cái lối này và các anh mới có cái mục này.

«... Lại làm đến nỗi muốn đem cái tôi đây, lo xa nghĩ dài, làm sao để cho để lại mãi được dấu vết, muốn đời nghìn kiếp, truyền tụng hoài hoài ! Cái đó cố nhiên là cái to nhất trong các cái làm to... Thế nhưng đó là cái làm to nhất của không phải tôi, chứ không phải là cái làm to nhất của tôi... Khi đã hiểu như thế thì tôi có thể : lấy ngày tháng không phải của tôi, làm mà mặc sức tôi phá hại cũng được ! Lấy tài tình không phải của tôi, làm mà tùy ý tôi vung phí cũng được ! Lấy tay trái không phải của tôi, làm mà xoa hộ tôi cái bụng không phải của tôi ; lấy tay phải không phải của tôi, làm mà vuốt hộ tôi chòm râu không phải của tôi cũng được !... »

Các anh nghe có sướng không ! Tôi thật muốn chép hết ra đây cái phần « Tha thiết khóc người xưa » tựa của Thánh Thán viết trong Tây Sương Ký để các anh đọc. Dù có chép cả trăm lần, càng chép tôi càng thấy sướng. Bọn ngốc ở bất cứ thời nào cũng không thể hiểu nổi điều ấy. Các anh nên tìm đọc, đọc lại, những đêm khuya khi rượu ngà say, đã từ biệt bạn bè, để quên đi cái bọn ngốc quanh ta và các anh sẽ không còn trách tôi nữa là tôi chỉ lúc say sưa hứa những hứa cười sẽ phải mắng cho tên ngốc này, tên ngốc kia mỗi đứa một trận mà rốt cuộc đợi mãi chẳng thấy làm cái trò gì.

(Xem tiếp mặt trong)